

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠO UYÊN

XUÂN 2019

29

ĐẠO UYÊN XUÂN 2019

NXB HỒNG ĐỨC

ISBN: 978-604-89-5460-4



9 786048 954604

Sách ấn tổng. Không bán.



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠO UYÊN XUÂN 2019

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – Tập 29

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2019

NỘI DUNG

Giao Cảm – Ban Ấn Tổng 4

THÁNH GIÁO

Thánh Thi Xuân Trước – Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế 5

Ôn Học Năm Thánh Giáo Đầu Xuân Kỷ Hợi (1959) – 9

Đức Tiếp Văn Pháp Quân, Đức Quan Thánh Đế Quân,
Đức Quan Âm Bồ Tát, Đức Thái Bạch Kim Tinh,
Đức Đông Phương Lão Tổ, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế

KHẢO CỨU / SÁNG TÁC / TRAO ĐỔI

Bản Thảo Giáo Khoa: Ngũ Nguyên – Huệ Khải 47

Đạo Đức Người Xưa – Ngô Bái Thiên 65

Thơ – Phùng Quang Thuận 74

Cơ Duyên Vào Đạo Cao Đài – Võ Trọng Điểm 77

Thơ – Đỗ Thị Kết, Trần Dã Sơn, Trần Kiều Bạc 80, 81

Tranh Tết, Một Vốn Cổ Quý Báu – Anh Ngọc 83

Thơ – Bùi Thụy Đào Nguyên, Phan Thành Minh 94, 95

Hội Ngộ Liên Tôn Lần Thứ VIII – Ban Ấn Tổng 96

Vô Tri Bất Mộ, Hữu Tri Đắc Đạo – Huệ Khải 97

Vì Sao Người Ta Làm Ra Tác Phẩm Nghệ Thuật – Phạm Toàn 103

Bố Của Simon – Guy de Maupassant, Lê Hồng Sâm dịch 115

Em Bé Đây Tự Do – Lan Chi 127

Gió Bốn Phương – Huệ Khải 129

Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tổng 141

Bìa 1: Tòa Thánh Tây Ninh, tháng 12-2014

Nguồn ảnh: <https://wanderlustmike.files.wordpress.com>

Bìa 4: Nụ cười năm ấy. (Tích niên chi tiếu. 昔年之笑)

Ảnh: Ding Miaoyuan

chúc mừng năm mới



Thầy dành cho trẻ
một mùa xuân
Đi lại trần gian xóa khổ trần
Như lý Đạo màu đang cứu cánh
Cho đời thuần túy nét thanh tân.

Xuân đến con vui với tiết xuân
Hãy đem đạo lý độ người trần
Trong cơn mê muội xa ngôi vị
Thức tỉnh lên đường
học Thánh Nhân.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
Thánh tịnh Ngọc Minh Đài
08-02-1967

kỷ hội
2019

Khi cầm tập sách này trên tay, quý đạo hữu gần xa cùng với Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo đang đón mùa xuân thứ tám của *Đạo Uyển* (2012-2019) – một cuộc chơi chữ nghĩa phiêu bồng giữa cõi ta bà.

GAO CẨM

Quý đạo hữu hẳn vẫn nhớ, vào đầu xuân xưa tại Minh Lý Thánh Hội, đàn mừng 4 Tết Kỷ Dậu (Thứ Năm 20-02-1969), Đức Mẹ nhắc chúng ta hai câu của cổ nhân:

*Tứ quý nhơn gian xuân tại thủ,
Bá niên thế thượng Đạo duy tân.*

四季人間春在首 / 百年世上道維新

(Bốn mùa cõi người xuân đứng đầu,
Trăm năm cuộc thế Đạo đổi mới.)

Trong ý nghĩa đó, là những đứa con áo trắng của Thầy Mẹ, chúng ta nhập môn học đạo để đổi mới bản thân, đồng thời hoằng đạo để những người khác cũng được đổi mới. Mỗi mùa xuân sang, chồng thêm một tuổi đời, dày thêm một tuổi đạo, chúng ta càng thấm thía hai câu xưa ấy biết bao.

Chào năm mới Kỷ Hợi, chúng ta cùng thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ và Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn ban bố hồng ân phúc huệ cho toàn thể con cái Thầy Mẹ ở cõi dinh hoàn này được đổi mới, các bậc hướng đạo Kỳ Ba này cũng được đổi mới để không bị tụt lại phía sau trong đại cục tiến hóa đang vận hành khắp cả càn khôn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.

CHÚC XUÂN

CAO xanh MỪNG trẻ kết dây liên
ĐÀI trở XUÂN hoa đượm thể miền
THƯỢNG hỷ KỶ niên đầy xán lạn
ĐỂ mừng HỘI đến cảnh Nghiêu thiên
GIÁO dân ĐẤT Ấ không nài quản
ĐẠO mở VIỆT Nam vững mối giềng
NAM Bắc BÌNH thông khai quốc đạo
PHƯƠNG trời HÒA ái thấy Bồng Tiên.

Quán thủ:

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Quán tâm:

MỪNG XUÂN KỶ HỘI ĐẤT VIỆT BÌNH HÒA

XUÂN CHUYỂN THỂ

Xuân về mừng Đạo được phô khai
Xuân tỏ vạn linh hội đúng ngày
Xuân nhắc Đạo Trời Thầy thiết lập
Xuân phân nguồn cội mở Cao Đài
Xuân qua mấy độ nhơn sanh khổ
Xuân lại bao lần chịu nạn tai
Xuân thấy thời gian chia rẽ Đạo
Xuân nay chuyển thể đặng phô bày.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

XUÂN DẠ CẢM HOÀI

Hoa tươi trở sum sê càng tốt
Đón xuân về hứng đợt sương rơi
Hoa xuân hé nở nhụy cười
Cảnh xuân nhộn nhịp nơi nơi tưng bừng.

Tam nhật xuân ⁽¹⁾ con mừng vui vẻ
Rồi con nhìn bao kẻ âm thầm
Gót lê khắp chốn phong trần ⁽²⁾
Bảo an lê thứ ⁽³⁾ đặng phần vinh quang.

Bởi nhờ vậy con an hưởng đặng
Đạo mới bền đặng gắng cứu dân
Bốn phận con ráng ân cần
Trông sau ngó trước, hiền nhân đã hành.

Biết bao xuân đua tranh thảm khốc
Đến xuân này con được an ngồi
Ấy là cơ định nơi Trời
Chẳng ai thợ khéo vẽ vời nước non.

Nhìn nhân loại hãy còn chia rẽ
Dòng châu rơi lặng lẽ nhìn con
Chia Tàn tách Sở ⁽⁴⁾ mỗi mồn
Tình liên đã mất, đâu còn vãng lai.

⁽¹⁾ tam nhật xuân: Ba ngày xuân.

⁽²⁾ phong trần: Gió bụi; những nỗi gian nan vất vả trong đời.

⁽³⁾ bảo an lê thứ: Giữ gìn an lành cho dân chúng.

⁽⁴⁾ chia Tàn tách Sở: Chia cắt giang san.

Nhờ đạo đức cứu loài sanh chúng
Nền xưa nay xây dựng khắp cùng
Dạy người hòa thuận sống chung
Yêu thương, tương ái, tương phùn, tương thân.

Thấy đàn con Sở Tần mãi rẽ ⁽⁵⁾
Đạo như đời lắm kẻ mưu sâu
Ngày nay họa ắt đáo đầu ⁽⁶⁾
Phận con, con cứ lo âu vũng vàng.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

XUÂN ĐỜI, XUÂN ĐẠO

Đời gọi rằng xuân bất tái lai
Tuổi xuân đã mãn đến già ngay
Bởi đời ảnh hưởng theo danh lợi
Còn đạo vun bồi âm đức đầy
Vật chất hết xuân, khô héo rụi
Tinh thần đạo đức mãi xuân hoài
Xuân đời, xuân đạo, Thầy phân rõ
Tự chọn mỗi con, chớ để sai.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

(*Thánh Huấn Hiệp Tuyển*. Quyển I. Tòa Thánh Châu Minh
xuất bản, in tại Sài Gòn năm 1961, tr. 9, 11, 12.)

⁽⁵⁾ *mãi* (dấu hỏi): Mãi miết; quá say mê vào một việc gì. *Sở Tần mãi rẽ*: Mãi miết chia Tần tách Sở.

⁽⁶⁾ *đáo đầu*: Rốt cuộc, cuối cùng thì. *họa ắt đáo đầu*: Rốt cuộc tai họa ắt phải tới.

MỪNG XUÂN

Tân xuân NGỌC bút giảng mừng con
Xuân chí HOÀN(G) cầu chịu mất còn
Xuân tiết THƯỢNG thừa do lệnh dạy
Xuân nay ĐẾ nghiệp vẫn xong tròn.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

CẢNH XUÂN

Giao thừa gió thổi tiết mùa xuân
Mát mẻ đời xem thấy rất mừng
Xuân nhứt Sửu niên đời kết hiệp
Xuân hòa nhơn vật hưởng tân xuân.

An lành nhờ đạo cứu nhơn sanh
Xuân mãn tu thân ráng thực hành
Phổ độ công trình lo lập đức
Xuân hòa phong thủy gặp em anh.

Anh hòa em thuận hiệp cùng nhau
Xuân thấy màu trời thổi tiết vào
Xuân tới xuân qua còn chút nạn
Xuân về nhơn vật hưởng dồi dào.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

(*Thánh Huấn Hiệp Tuyển*. Quyển II. Tòa Thánh Châu Minh
xuất bản, in tại Sài Gòn năm 1961, tr. 3, 4.)

ÔN HỌC NĂM THÁNH GIÁO ĐẦU XUÂN KỶ HỢI (1959)

1. Trung Hưng Bửu Tòa
ngày 03-01 Kỷ Hợi (Thứ Ba 10-02-1959)

THI

*TIẾP ân thánh đức dựng trung hưng
VĂN sĩ toàn tu đợi đón mừng
PHÁP đạo khuyên ai bền chí gắng
QUÂN tâm ⁽¹⁾ hiệp lực gọi hồng ân.⁽²⁾*

Bản Quân ⁽³⁾ chào chư Thiên ân. Chào chư chức sắc, chức việc và toàn đạo nam nữ.

Huệ Khải chú thích:

⁽¹⁾ *quân tâm* 君心: Lòng các vị, lòng chư đệ muội.

⁽²⁾ *gọi hồng ân*: Mang rất nhiều ơn lớn, đón nhận rất nhiều ơn lớn ban xuống, chan chứa đầm đìa như được tắm gội.

⁽³⁾ Ngài Cao Hữu Chí là Tiếp Văn Pháp Quân nên xưng *Bản Quân* 本君. *Bản* cũng nói là *Bổn*. Một vị Thánh thì xưng *Bản/Bổn Thánh* 本聖. Một vị Thần thì xưng *Bản/Bổn Thần* 本神. Một vị vương thì xưng *Bản/Bổn Vương* 本王. Một vị quan chức thì xưng *Bản/Bổn Chức* 本職. Đời Tống (Trung Hoa) ông Bao Công cai quản phủ Khai Phong nên thường tự xưng là *Bản/Bổn Phủ* 本府. Ngày xưa, một sứ thần nói với người nước khác thì gọi nước mình là *Bản/Bổn Quốc* 本國 (nước của tôi). Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn khi giáng cơ, nói với đàn em thì xưng *Bản/Bổn Huynh* 本兄.

Đại tình nghiêm đàn đón mừng Tam Trấn.

Giờ này Bản Quân đến báo tin và chỉnh đốn đàn tiền để được tiếp kỳ giáo pháp.

Năm nay, theo lệnh Tam Giáo Tòa, ban hành luật pháp, xây dựng đạo quyền, chư Thiên ân và toàn đạo cố gắng tiến lên để đón hồng ân Tam Hội Long Hoa khai thế đạo. Chư chức sắc Hiệp Thiên Đài và Minh Tra ⁽⁴⁾ phải dọn mình ⁽⁵⁾ chờ lệnh để lãnh sứ mạng lên đường hành đạo. Một năm phải đầy quyết liệt ⁽⁶⁾ hoàn thành sứ mạng, phải đấu tranh mạnh mẽ với lòng mình để được toàn thắng mà hầu việc cho Thầy.⁽⁷⁾

Đường lối bảo pháp, Hành Chánh ⁽⁸⁾ phải được minh minh bạch bạch,⁽⁹⁾ làm cho thánh thể mạnh lành, tổ chức rộng lớn, hàng ngũ chặt chẽ, trên dưới trật tự, trong ngoài phân minh, quyền hành tôn trọng lẫn nhau, nhất là nội tâm thanh tịnh,⁽¹⁰⁾ ngoại cảnh an nhiên.⁽¹¹⁾ Nhớ lấy luật Trời: *Tài giả bồi*

⁽⁴⁾ *Minh Tra* 明查 là bộ phận bảo pháp Hiệp Thiên Đài. Minh Tra cũng là một trong bốn cơ quan của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Ba cơ quan còn lại là *Phước Thiện*, *Hành Chánh*, *Phổ Tế*. Bốn cơ quan này thuộc quyền Tòa Nội Chánh.

⁽⁵⁾ *dọn mình*: Chuẩn bị thân tâm cho xứng đáng để đón nhận hồng ân và sứ vụ do Ơn Trên giao phó.

⁽⁶⁾ *quyết liệt* 決烈: Kiên quyết, mạnh mẽ, dứt khoát.

⁽⁷⁾ *hầu việc cho Thầy*: Khiêm tốn, tận tụy và luôn sẵn sàng chờ nhận lệnh Thầy sai bảo, giao phó công việc.

⁽⁸⁾ *Hành Chánh* 行政 là một trong bốn cơ quan thuộc quyền Tòa Nội Chánh của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

⁽⁹⁾ *minh minh bạch bạch*: Hoàn toàn minh bạch 明白, rất rõ ràng.

⁽¹⁰⁾ *nội tâm thanh tịnh*: Lòng không bị lục dục thất tình sai khiến; có được như vậy mới hành đạo đúng nguyên tắc thuần chơn vô

chi; khuynh giả phúc chi.⁽¹²⁾ Hễ nên thì được giúp đỡ cho lớn mạnh, bằng ⁽¹³⁾ hư hỏng thì bị xô đổ. Đó là *vật cạnh thiên trạch* ⁽¹⁴⁾ vậy.

Xuân năm nay cả một sự đen tối, nếu không tinh minh ⁽¹⁵⁾ đồng mãnh thì khó phân biệt chánh tà để đưa mình lên thiên vị.⁽¹⁶⁾

Thôi, chư hiền thành tâm đón Cái Thiên Cổ Phật.⁽¹⁷⁾ Bản

ngã. Bởi thế nên Ôn Trên dạy chức sắc, chức việc hãy siêng chăm tu thiên, tịnh luyện ngũ hầu rèn tập cho nội tâm thanh tịnh.

⁽¹¹⁾ *ngoại cảnh an nhiên*: Thản nhiên, bình thản trước những biến động ở bên ngoài; không để ngoại cảnh ảnh hưởng tới nội tâm.

⁽¹²⁾ *Trung Dung*, chương 17: *Cổ tài giả bồi chi; khuynh giả phúc chi.* 故栽者培之; 傾者覆之. James Legge (1815-1897) dịch: *Hence the tree that is flourishing, it nourishes, while that which is ready to fall, it overthrows.* Charles Muller (sinh năm 1953) dịch: *Thus, Heaven nourishes the growing sprout, and throws down the leaning tree.* Để dễ hiểu, thử lấy ví dụ sau đây: Nhà nông ra thăm rẫy, thấy cây nào sồn sột, tươi tốt thì chăm bón thêm cho mau phát triển. Trái lại, gặp cây nào èo uột, xơ xác, và liệu bề nó không thể nào lớn mạnh được nữa thì liền nhổ phứt đi, dành chỗ cho cây khác để tăng trưởng.

⁽¹³⁾ *bằng*: Nếu mà.

⁽¹⁴⁾ *vật cạnh thiên trạch; thích giả sinh tồn* 物競天擇; 適者生存: Muôn vật cạnh tranh (giành sống) với nhau theo sự chọn lựa tự nhiên trong trời đất; ai thích nghi được thì sống sót. Chưa rõ câu này ai nói. Có thể dịch sang tiếng Anh như sau: *Survivors are the ones that best fit natural selection.*

⁽¹⁵⁾ *tinh minh* 精明: Phán đoán tinh tường, sắc bén (*astute, shrewd*).

⁽¹⁶⁾ *thiên vị* 天位: Chỗ (vị trí) trên cõi trời (*heavenly position*).

⁽¹⁷⁾ *Cái Thiên Cổ Phật* 蓋天古佛: Vị Phật xưa [oai đức] bao trùm khắp cả bầu trời. Đây là một hồng danh của Đức Hiệp Thiên Đại

Quân xuất cơ.

TIẾP DIỄN

THI

QUAN hà ⁽¹⁸⁾ *gắt bước dậm còn xa*
THÁNH đức làm cho hiển hiện ra
ĐẾ Đạo ⁽¹⁹⁾ *hiệp nhau xây dựng lại*
QUÂN tâm ⁽²⁰⁾ *thanh tịnh dặt dìu qua.*

Lão chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.

Giờ này Lão đến cùng chư hiền với một mối tình thiêng liêng hứa hẹn.

Chư hiền cũng như toàn dân, mỗi một năm phải phí sức lao tâm, quần quai trong chuỗi ngày đầy mệt nhọc, khổn đốn, trải qua nắng hạ mưa đông làm cho thân con người chịu trăm ngàn khó nhọc. Nào đường này ngõ nọ, nổi áo cơm phần phục dịch cho xã hội nước nhà, chờ lấy một ngày xuân để hồi sinh sức sống. Nhưng xuân đi xuân lại đã bồi đắp cho loài người không biết bao nhiêu, mà rồi cũng không bù nổi sự tàn phá tiêu hao của cảnh tháng buốt ngày thiêu ⁽²¹⁾ chặt

Đế Quan Thánh Đế Quân.

⁽¹⁸⁾ *quan hà* 關河: Cửa ải và sông; chỉ sự xa xôi; đi xa đường dài.

⁽¹⁹⁾ *Đế Đạo* 帝道: Vương Đạo 王道, là đường lối cai trị nhân bản, lấy đạo lý làm nền tảng, cũng gọi nhân trị 仁治. Ngược lại chính sách này là *bá đạo*, tức là đường lối cai trị dùng bạo lực đàn áp, dùng hình phạt tàn khốc để dân chúng sợ hãi không dám phản kháng.

⁽²⁰⁾ *quân tâm* 君心: Lòng các vị, lòng các người, lòng chư hiền.

⁽²¹⁾ *tháng buốt ngày thiêu*: Tháng ngày hoặc quá lạnh lẽo, hoặc quá nóng bức.

đeo. Đó là tại lòng mình thiếu tự chủ, chạy theo ngoại cảnh mà cam khổ trọn đời.

Xuân có hiện có ẩn, nhưng đâu phải lúc tới lúc lui.⁽²²⁾ Sự sống khi thiếu khi thừa, nào phải tách rời thân thể. Nên nói đến xuân, chỉ có người biết chủ ⁽²³⁾ lấy mình mới hưởng trọn lẽ sống đời đời. Lẽ sống ấy là xuân thì người nào lại không được quyền sống vĩnh cửu? Vì người không chủ ⁽²⁴⁾ ở lòng mình, cứ chạy theo cảnh sắc bên ngoài, như xuân đến thì vui, xuân đi thì khổ, có dựa được thì vững, không nương được thì nhào. Người mà *ỷ lại*,⁽²⁵⁾ người sống như thế làm sao an vui mạnh khỏe.

Hôm nay Lão muốn nói qua về thời độ của xuân Kỷ Hợi là một hồng ân vô cùng, mà Thầy gọi là xuân huyền cơ thánh đức, trong đó có nhiều ý tứ sâu xa. Nếu kẻ không thanh tịnh làm sao đón được huyền cơ,⁽²⁶⁾ mà người chẳng thánh tâm

⁽²²⁾ *dâu phải lúc tới lúc lui*: Nghĩa là lúc nào cũng là mùa xuân đối với người đạt đạo.

⁽²³⁾ *chủ 主*: Làm chủ, không để mất khả năng kiểm soát.

⁽²⁴⁾ *không chủ*: Không còn làm chủ, bị mất khả năng kiểm soát.

⁽²⁵⁾ *ỷ lại 倚賴*: Không tự chủ, không tự lực, phải nương dựa vào người khác (*dependent*).

⁽²⁶⁾ *thanh tịnh*: Khi báo đàn, Đức Tiếp Văn Pháp Quân nhắc nhở mọi người giữ *nội tâm thanh tịnh*. Khi dạy bài này, Đức Quan Thánh cũng khuyên giữ tâm thanh tịnh để *đón được huyền cơ*.

Cơ 幾 (minute sign) nghĩa là dấu hiệu nhỏ nhất, hiếm mới khởi, triệu chứng mới vừa xuất hiện. *Huyền 玄* là ảo diệu, sâu xa, rất khó nhận ra, rất khó nắm bắt (*mysterious*). *Huyền cơ* là dấu hiệu rất kín nhem mà Trời hé lộ cho người Thiên ân sứ mạng tìm hiểu để kịp thời *kiến cơ nhi tác* 見幾而作 (nhìn ra dấu hiệu kín nhem

sao nên thánh đức? Đã nói xuân thánh đức là nói một cuộc thi thử thách chọn lựa, thì người nhẹ tâm tin yếu ⁽²⁷⁾ làm sao hưởng lấy hồng ân?

Đời đã đến một ngày đầy khó khăn đen tối, người tu hành phải biết để chơn đưa bước ⁽²⁸⁾ trong những khổ đau. Hiện tình nội bộ nền đạo gặp phải không biết bao khó khăn. Chánh pháp đã lem ố, một thánh thể chia xẻ nhiều mảnh nhỏ to,⁽²⁹⁾ con cái của Thầy bơ vơ thiếu người hướng đạo. Nếu nơi này ⁽³⁰⁾ không sớm mạnh dạn đứng ra cứu chuộc ⁽³¹⁾ lại tên tuổi Đạo Trời, không đem quyền pháp được ban mà hàn gắn cho

mà hành động đúng lúc, không bỏ mất cơ hội).

Luận Ngữ (7:8) chép rằng ngày xưa Đức Khổng Tử dạy học trò cái hình vuông thì chỉ nêu lên một góc (*cử nhất ngưng 舉一隅*), học trò phải suy ra ba góc còn lại (*dĩ tam ngưng phản 以三隅反*). Khi hé lộ *huyền cơ*, Trời chỉ nói mí mí, chẳng khác gì Đức Khổng *cử nhất ngưng*. Người hướng đạo, bậc Thiên ân sứ mạng nếu tâm không thanh tịnh, bị chi phối bởi thứ này hay thứ khác thì khó mong *đón nhận huyền cơ*, và rốt cuộc đành lỡ mất tín hiệu được Trời nhắn gởi (*missing a God's message*).

⁽²⁷⁾ *nhẹ tâm tin yếu*: Lòng đạo không bền, đức tin yếu ớt.

⁽²⁸⁾ *để chơn đưa bước*: Đặt chân bước tới.

⁽²⁹⁾ *một thánh thể chia xẻ nhiều mảnh nhỏ to*: Tôn giáo Cao Đài bị phân hóa thành nhiều phái, nhiều chi.

⁽³⁰⁾ *nơi này*: Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

⁽³¹⁾ *Cứu 救* là cứu nguy, cứu thoát (*rescuing, saving*), giúp thoát ra khỏi sự nguy hiểm. *Chuộc* (từ thuần Việt, chữ Nho là *thục 贖*) là đem một món gì ra đánh đổi để lấy lại cái khác đã từng do mình làm chủ (*chuộc lại cái xe đã cầm cố*), hay để đánh đổi một hình phạt (*lấy công chuộc tội*; chữ Nho là *tương công thực tội 將功贖罪 / redeeming one's crime[s] by meritorious acts*).

thánh hình⁽³²⁾ lành mạnh,⁽³³⁾ không quyết lòng vì sứ mạng thì muôn vạn sanh linh sẽ sa bước vào hố thẳm hang sâu. Không vì đạo thương đời làm sao mở một kỷ nguyên xán lạn cho ngày mai? Không buông bỏ danh lợi thân gia⁽³⁴⁾ thì ai là người lãnh lấy trách nhiệm trung hưng chánh pháp?⁽³⁵⁾ Vì vậy đầu xuân năm nay thiết đàn hồng thệ⁽³⁶⁾ để cho chư Thiên ân tự nhiệm⁽³⁷⁾ lấy quyền pháp mà xây dựng một Hội Thánh lành mạnh.⁽³⁸⁾ Vì sự nghiệp nơi này đã sẵn một thành tích làm nền móng cho công cuộc kiến tạo cơ sở đạo pháp, các hiền Thiên ân ngồi lại, bình tĩnh mà kiểm điểm việc làm vừa qua và sứ mạng sắp tới. Nếu không mạnh dạn bước lên

⁽³²⁾ *thánh hình* 聖形: Thánh thể 聖體.

⁽³³⁾ *lành mạnh*: Trong đàn này, ở phần sau Đức Quan Thánh còn nói tới xây dựng một Hội Thánh lành mạnh. Kế tiếp, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy phải xây đắp một Giáo Hội lành mạnh.

Lành mạnh tức là không bệnh hoạn (*healthy*). Một thánh thể (thánh hình, Hội Thánh, Giáo Hội) đã bị *phanh phui* (chia năm xẻ bảy) thì chẳng khác gì một cơ thể không còn lành lặn, bị bệnh hoạn rĩa rối. Thẩm thía hai chữ *lành mạnh* mà Ơn Trên lặp đi lặp lại trong thánh giáo này thì ta càng đau xót, tủi hổ trước thực trạng chi phái Cao Đài, và càng thấy sứ mạng trung hưng của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài quả thật to tát vô cùng, mà đồng thời cũng nặng nề biết bao nhiêu.

⁽³⁴⁾ *thân gia* 身家: Bản thân và gia đình mình. *danh lợi thân gia*: Danh vọng và quyền lợi cho bản thân và gia đình mình.

⁽³⁵⁾ *trung hưng chánh pháp* 中興正法: Phục hưng lại chánh pháp từ chỗ suy yếu, sút mẻ trở thành vững mạnh, toàn vẹn.

⁽³⁶⁾ *thiết đàn hồng thệ*: Lập đàn để các bậc hướng đạo lập lời nguyện lớn thọ nhận sứ vụ thiêng liêng trước Ơn Trên.

⁽³⁷⁾ *tự nhiệm* 自任: Tự mình nhận lãnh, gánh vác, đảm đương.

⁽³⁸⁾ *Hội Thánh lành mạnh*: Xem chú thích (33) trên đây.

lãnh lấy chương trình thì cũng đáng tiếc cho bao nhiêu năm xây dựng.

Về việc Phổ Tế⁽³⁹⁾ năm nay muốn cho nền đạo được mạnh mẽ tỏ sáng thì phải theo một nguyên tắc chung là bắc cầu sang qua các chi phái để ngọn đuốc trung hưng được soi rọi khắp nơi. Phải đánh trống khua chuông giục thúc đạo tràng,⁽⁴⁰⁾ xây dựng một nền Phước Thiện⁽⁴¹⁾ cho giữa nhau có một phong hóa đạo đức, một đời sống êm thắm mỹ miều, một tinh thần đồng đạo yêu thương, chia bằng⁽⁴²⁾ sức sống, làm cho nền trung hưng giáo lý có một tài liệu thiết lập chánh pháp ở lòng người, mạnh mẽ nói lên bằng lời bằng bút, bằng lòng cầu nguyện, bằng sự tu hành của mình. Gần trước xa sau, nhứt là làm cho nội bộ cảm thông, có một đức tin theo một đường lối để cho toàn diện được nhận thấy sứ mạng trung hưng mà nguyện hy sinh xây dựng đạo.

Thôi, ban ơn chư hiền một năm không ngày nào vắng khí xuân, một năm đầy hồng ân sứ mạng. Chào.

TIẾP ĐIỂN

THI

⁽³⁹⁾ *Phổ Tế* là một trong bốn cơ quan của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

⁽⁴⁰⁾ *đạo tràng (trường)* 道場: Chỗ tu học, nơi sinh hoạt tôn giáo (chùa, thất, thánh đường, thiền viện, tu viện...).

⁽⁴¹⁾ *Phước Thiện* là một trong bốn cơ quan của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

⁽⁴²⁾ *chia bằng*: Quân phân 均分; chia ra đồng đều.

*QUAN khiếu⁽⁴³⁾ khai thông pháp thể thành
Âm dương hòa hiệp đạo tâm sanh
BỒ đề đã mở đời an trị
TÁT (Tát) lập xuân tâm trọn phước lành.*

Bần Đạo chào chư hiền Thiên ân, chư đệ, chư muội.

Giờ này hồng ân đã đến ban cho toàn đạo một nguồn xuân thánh đức đầy đầy sự sống và tình thương.

Sức sống được chảy khắp đó đây thì vạn vật trên đời được hồi sinh, người người ấm no lành mạnh. Nếu nước sống không trôi chảy thì đời sống phải lằm than. Cảnh sống không đồng đều thì gây nên chiến tranh, trộm cướp. Tình thương đầy xua hắc ám trong đời. Tình ấy ban ra thì vạn vật cỏ hoa mới an toàn, bảo đảm.

Vì vậy, sinh cơ bảo thọ Phước Thiện làm nền tảng hòa bình, xây dựng con người theo lẽ đạo, ở ăn san sẻ cho nhau. Muốn tạo cảnh đại đồng trước nhất phải làm cho trong nội

⁽⁴³⁾ *quan khiếu* 關竅: Là thuật ngữ tu đơn, để gọi những lỗ trống trong thân thể mà hành giả vận khí đi qua đó. Phép đạo dẫn 導引 cho rằng luyện tinh hóa khí, và khí phải đi qua *quan* 關 (trạm gác, cửa ải). Theo y học cổ truyền, trên mạch Nhâm 任 và mạch Đốc 督 trong thân người có nhiều lỗ khí (*khí huyết* 氣穴) và cũng có nhiều trạm gác (*quan* 關). Hành giả tu đơn thì lấy ý dẫn khí, tức là dẫn khí qua các trạm gác này để vận hành khí đi khắp toàn thân. Trước tiên, người tu luyện phải dẫn khí đi qua ba trạm gác hay cửa ải lớn (*đại quan* 大關) là Vĩ Lư 尾閭, Giáp Tích 夾脊, và Ngọc Chấn 玉枕; sau đó mới có thể luyện thành công *phu châu thiên* 周天. (Lê Anh Minh chú. Nguồn: <http://zh.daoinfo.org>. Mục từ 關竅.)

bộ đầy lòng bình đẳng, bác ái. Nên xây dựng Phước Thiện là xây dựng thể đạo, lấy thể đạo để làm đà tiến lên Thiên đạo. Thiên đạo thành bởi thể đạo được lập. Thể đạo có lập, cảnh đời mới thiết hạnh phúc tự do. Xây đắp nền hạnh phúc nhơn gian bởi vậy phải mượn những tay môn đệ đã được đạo đức vô ngã vô nhơn.⁽⁴⁴⁾

Nền đạo phải được trung hưng không bởi Phổ Tế mà bởi Phước Thiện để làm chứng minh.⁽⁴⁵⁾ Ai là kẻ thương đời mến đạo nên đóng góp vào công cuộc Phước Thiện. Mặc dù hoàn cảnh cho phép hay không, sự nghiệp ấy có trải qua trăm ngàn thất bại, nhưng sẽ đem lại nhiều thành công cho hậu nhựt,⁽⁴⁶⁾ cho lịch sử truyền đạo không nhỏ. Chư Thiên ân cố gắng xây dựng thể đạo. Chư đạo hữu tận tâm bồi đắp Phước Thiện cho thành hình. Hết quyết tâm thì có ngày kết quả. Toàn đạo dốc dạ chơn thành lo tu, đứng vững trong hàng ngũ, đừng tự tiện

⁽⁴⁴⁾ *vô ngã vô nhơn* 無我無人: Không còn phân biệt ta và người (*There is no me nor you nor others*), có lòng vô tư của trời đất, như hạt mưa, giọt nắng vẫn ban đều khắp cho người hiền lành lẫn kẻ không hiền lành. Kinh Thánh nói về tâm thiên địa (lòng trời đất) của Đức Thượng Đế (Trời Cha) như sau: *Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính.* (Matthêu 5:45)

⁽⁴⁵⁾ Tại sao ở đây Đức Quan Âm Bồ Tát rất mực đề cao vai trò của Phước Thiện (phục vụ dân sinh) thay vì Phổ Tế (nâng cao dân trí)? *Có thực mới vực được đạo.* Cuối thập niên 1950, trải qua nhiều năm liên tục trong cảnh chiến tranh loạn lạc, cuộc sống phần đông đạo hữu miền Trung còn quá khổ nhọc; do đó phải đưa dân sinh lên hàng đầu thay vì dân trí.

⁽⁴⁶⁾ *hậu nhựt* 後日: Ngày sau, tương lai.

tách ngoài tổ chức mà phải ăn năn.

Xuân năm nay trong nội bộ được hồng ân đã ban thưởng cho công trình cố gắng. Nếu không cố gắng thì khó lòng đứng yên, lựa là ⁽⁴⁷⁾ tiến tới. Đã cố gắng thì nên nhắm vào mục đích, đừng lấy sau làm trước, đừng lấy công làm tư. Đã cố gắng thì phải cố gắng cho đến cùng, đừng vì một trở ngại mà ngã lòng, đừng sợ sức mạnh mà [vượt] qua quyền pháp.

Từ nay trở đi, trên con đường hành đạo còn trải qua nhiều gay go, phải nhẫn nại bình tĩnh. Mọi việc chi cũng đều có Thầy, có Phật Tiên soi dẫn, che chở cho cả. Vì phải đi qua một đoạn đường như thế, là để cho người Thiên ân trở nên xứng đáng làm hướng đạo sau này. Để cho toàn đạo một chuỗi đời mệt nhọc, mới đủ công lao xứng đáng trong thánh thể Tam Kỳ. Mà đời càng khó thì đạo càng hay. Một lần đổi thay là một lần quyền pháp minh định.

Thôi, Bần Đạo ban ơn lành cho toàn đạo một năm xuân đầy ơn phước.

TIẾP ĐIỂN

THI

*THÁI vận ⁽⁴⁸⁾ đã gần, ráng đợi Ta
BẠCH minh ⁽⁴⁹⁾ cho rõ chánh hay tà
KIM niên ⁽⁵⁰⁾ mở lối mau quày bước
TINH tấn lòng mình sớm vượt qua.*

⁽⁴⁷⁾ *lựa là*: Lựa là, nói chi là, hướng chi, hướng hồ, hướng gì.

⁽⁴⁸⁾ *thái vận* 泰運: Thời vận được suôn sẻ, hanh thông.

⁽⁴⁹⁾ *bạch minh*: Minh bạch, làm cho sáng tỏ, làm cho rõ ràng.

⁽⁵⁰⁾ *kim niên* 今年: Năm nay.

Lão chào chư Thiên ân, chư đạo đệ, đạo muội.

Chư Thiên ân và toàn đạo ôi! Đời là một trường đấu tranh. Nhơn loại lắm than, khổ sở. Người Thiên ân lẫn quần trong bầu u ám lợi danh. Kẻ vì đời muốn cứu nhơn loại ra khỏi cảnh tiêu vong, tàn phá cũng không biết phóng một con đường nào cho đến chỗ hòa bình, hạnh phúc.

Đời hạ nguơn là buổi hỗn độn, điêu tàn. Cảnh tận diệt diễn ra mỗi ngày cho đến khi quả địa cầu tan vỡ, hay là thời hành phạt nhơn loại chịu lãnh lấy cộng nghiệp ⁽⁵¹⁾ trả trả vay vay. Thầy không nở ngồi nhìn đàn con trong cảnh tang thương nên mở cơ tận độ, thị hiện ⁽⁵²⁾ tại thế gian này, dựng nên một Đạo lớn quy Tam Giáo hiệp Ngũ Chi, đem cả lương sanh ⁽⁵³⁾ dựng nên thánh thể. Thánh thể được hình hiện thì bốn biển thái bình, nhơn loại trên mặt địa cầu đều là đồng bào huynh đệ. Nhưng ngày giờ chưa đến, thái vận còn đen, nên thánh hình đành để cho quỷ vương phan phui, chia cắt. Thánh hình lúc ẩn lúc hiện, khi hiệp khi tan. Tan hiệp là quyền pháp nhiệm mầu biến thông của cơ Tạo Hóa. Điều đó các hiền chưa nên biết.

Bây giờ đã đến ngày hồng ân pháp đạo được Thầy ban sứ

⁽⁵¹⁾ *cộng nghiệp* 共業: Cái nghiệp báo mà cả một tập thể (một dân tộc, hay cả hoàn cầu) phải cùng nhau chung trả (*collective karmic retribution*). Trái lại, nghiệp riêng của mỗi người gọi là *biệt nghiệp* 別業 (*individual karma*). Ví dụ, con cái cùng một nhà, cha mẹ nuôi dưỡng như nhau mà sau này ra đời người hạnh phúc, kẻ khổ sở là do biệt nghiệp mỗi người tác động vào cuộc sống của riêng họ.

⁽⁵²⁾ *thị hiện* 示現: Bày ra, hiện rõ ra cho mọi người thấy; xuất hiện.

⁽⁵³⁾ *lương sanh* 良生: Những người tốt lành, đạo đức.

mạng cho nơi này để xây đắp một Giáo Hội lành mạnh,⁽⁵⁴⁾ thì các hiền cũng nên đoái lại muôn vạn sanh linh còn nổi trôi trong bể khổ đương cầu cứu, đoái lại một thánh thể bị phan phui.

Thánh thể là con thuyền tế độ vớt chúng sanh nơi bể khổ. Nếu lòng biết thương đời vì đạo, thì đâu tọa quan thành bại⁽⁵⁵⁾ trước bao nhiêu cảnh tượng ác liệt đương biểu diễn tung hoành. Thuyền cần phải lướt sóng, vượt bể ra khơi để cứu người hụp lặn. Hiện tình thuyền đạo mỗi nơi một mảnh, phải làm sao ghép lại cho thành. Nghĩa là nội bộ lần lượt hiệp một. Muốn hiệp một thì quyền pháp trung hưng phải được lành mạnh.

Nơi đây từ lâu tuy tinh thần toàn đạo được duy nhất, người hướng đạo lúc nào cũng thiết tha hoài bão cho nhơn sanh đạo đồ,⁽⁵⁶⁾ lúc nào cũng ân cần lo tu, lo đóng góp công trình vào việc xây dựng Hội Thánh, lòng ấy đã có, trên lịch sử truyền đạo còn ghi, nhưng Lão còn lo mỗi thời mỗi thay, mỗi ngày cơ thử thách tinh vi càng khổ. Bước đạo đến đây phải có người Thiên ân vững vàng, người đạo đồ chắc chắn mới mong toàn hảo, mạnh lành.

Vì lẽ trên, và cũng còn bao sự oái ăm, tế nhị hơn nữa phải xây dựng một Hội Thánh. Xây dựng một Hội Thánh, yếu tố⁽⁵⁷⁾

⁽⁵⁴⁾ Giáo Hội lành mạnh: Xem chú thích (33) trên đây.

⁽⁵⁵⁾ tọa quan thành bại 坐觀成敗: Ngồi yên chờ xem sự việc thành công hay thất bại (*sitting and awaiting success or failure*).

⁽⁵⁶⁾ đạo đồ: Tín đồ 信徒 (*believer*), giáo đồ 教徒 (*follower*).

⁽⁵⁷⁾ yếu tố 要素: Nhân tố trọng yếu; bộ phận quan trọng cấu thành một vật, sự việc, hiện tượng (*essential factor, key constituent*).

là người Thiên ân quyền pháp. Có người Thiên ân quyền pháp rồi, nền đạo mới được vững chắc sáng tỏ, giáo lý mới được ứng dụng khắp nơi, vì người Thiên ân là người vượt mọi danh lợi thế gian, hy sinh tất cả những cái gì mà đời không sao lìa bỏ, thiếu được. Người hướng đạo giẫm trên lối sống thông thường của đời, đem thân phận gánh vác cho nhơn sanh nên được người cảm mộ và tin tưởng. Vì đời nay dù thuyết nào có hay, tài nào có hơn hết, rồi cũng không khỏi danh và lợi mà thôi. Người nào ngoài danh lợi mới thiệt thương đời vì đạo.⁽⁵⁸⁾

Hôm nay Lão muốn cùng chư hiền xúm tay xây dựng một nền chánh pháp cho được vững chắc. Các hiền cùng Lão quyết liệt đứng ra làm tiêu biểu cho quyền pháp mới mong hoàn thành sứ mạng trung hưng. Nếu trì hoãn, lự lần⁽⁵⁹⁾ thì một số người có tâm từ xưa, nay sẽ lọt vào tay quỷ vương, bao nhiêu môn sanh trong nền đạo ngẩn ngơ lạc bước. Đạo tình⁽⁶⁰⁾ nhiều mối xiu xăng⁽⁶¹⁾ như cuộn chỉ rối bời, sao phẳng ra được mối. Nhưng đã có công thì thủng thẳng cũng gỡ ra. Phải bền chí, kiên gan mới được. Nếu vì một nhọc mà buông đi, thì kẻ khác họ thấy họ cũng lấy ném vào trong lửa cho khỏi kẻ đá qua, người đá lại.

Ôi! Nói đến cuộn chỉ rối, mà Lão không sao yên dạ. Chắc

⁽⁵⁸⁾ Đoạn này nói rõ rằng yếu tố xây dựng Hội Thánh lành mạnh chính là người Thiên ân hướng đạo có đủ quyền pháp, vượt lên mọi danh lợi thế gian.

⁽⁵⁹⁾ lự lần: Lẩn lữa, trì hoãn.

⁽⁶⁰⁾ đạo tình: Tình hình, hoàn cảnh tôn giáo Cao Đài.

⁽⁶¹⁾ xiu xăng: Rối rắm, rối nùi.

chư hiền thấy vậy hổ ⁽⁶²⁾ lắm nhĩ?

Đã đồng danh đồng phận ⁽⁶³⁾ làm sao không nghĩ đến sự cứu chuộc cho danh nghĩa về sau, cho nhơn sanh khỏi vì đạo mà chôn thân nơi nhục hổ. Vậy chư Thiên ân và toàn đạo đừng nên riêng rẽ mà phải có một con đường để cứu vãn tình cảnh đó.

(. . .)

Lão chào chư hiền.

*

2. Trung Hưng Bửu Tòa
ngày 05-01 Kỷ Hợi (Thứ Năm 12-02-1959)

THI

*LÝ nào cũng quyết định Trung Tông
GIÁO hóa nhơn sanh hiểu đại đồng
TÔNG đạo trung hưng xây thánh thể
Giáng thăng cho thấu máy huyền công.*

Lão chào chư Thiên ân, chư chức sắc, chư đệ, chư muội.

Thành tâm nghiêm đàn, an tọa nghe dạy.

Lão lấy làm cảm động trước hoàn cảnh của chư hiền đệ, hiền muội với một tâm trạng tấn thối nan phân, nhưng đã nhận thấu con đường cứu thế của Chí Tôn trong buổi Tam Kỳ này.

⁽⁶²⁾ hổ: Xấu hổ, hổ thẹn.

⁽⁶³⁾ đồng danh đồng phận 同名同分: Cùng một danh nghĩa (trong cùng một Hội Thánh, một tôn giáo Cao Đài) và chung một phận sự (trung hưng chánh pháp Kỳ Ba).

Vì lòng yêu thương chúng sanh nhơn loại mà Thầy phế Ngọc Kinh giáng trần mở Đạo. Các hàng Chánh Giác Thánh Tôn cũng vì Thầy mà bỏ nơi an lạc Niết Bàn cùng đến mười phương thế giới giúp Thầy tế độ quần linh.

Các hiền đệ, hiền muội đây cũng đồng sứ mạng thọ lệnh nơi Thầy đến cõi ta bà để đương vi ⁽⁶⁴⁾ quyền pháp, làm cơ hữu hình rao truyền chánh giáo.

Song vì các hiền đến đây sa đắm mùi đời, nghiệp duyên lôi cuốn, mà lòng mình phải mờ tối, chơn tánh bị danh lợi bao che. Hôm nay dù sao cũng được ân phước cùng Thầy chung trong thánh hình Đại Đạo, cũng có ngày trí tuệ viên minh. Nay là lúc cần đòi hỏi ở chư hiền đệ, hiền muội một tâm trường bồ tát ⁽⁶⁵⁾ với sứ mạng xây dựng quyền pháp trung hưng Thánh Hội, ⁽⁶⁶⁾ để giữ lấy chơn truyền, hầu cứu chuộc danh nghĩa Đạo Trời bị lem ố mà con đường tận độ đã bị ngăn lấp, nhơn sanh không nẻo thoát thân trong buổi tai kiếp mạt đời. Nơi này phải chịu đương lấy ⁽⁶⁷⁾ sứ mạng trung hưng chánh pháp, hoài bão sự nghiệp lâu dài.

Các đệ cũng đã từng nghe, được biết nội tình nền đạo giữa các chi phái miền Nam cũng như Trung Phần đã làm cho tổ chức bị đổ vỡ, hàng ngũ rời rạc rẽ riêng, các Thiên ân không còn trách nhiệm. Một thánh hình chia bảy xẻ năm, quyền đạo mỗi ngày mỗi yếu. Phần đông trong nội bộ bị mưu chước tà

⁽⁶⁴⁾ đương vi 當爲: Nhận làm, gánh vác (*taking charge of*).

⁽⁶⁵⁾ tâm trường 心腸: Tim và ruột; lòng dạ. tâm trường bồ tát: Lòng từ bi yêu thương, hy sinh cho người khác.

⁽⁶⁶⁾ Thánh Hội 聖會: Nói theo từ thuần Việt là Hội Thánh.

⁽⁶⁷⁾ đương lấy: Nhận lấy, gánh vác, đảm nhận.

quyền cảm dỗ, danh lợi nhử câu, lòng tin mỗi ngày lọt lạt, chung quanh bị dồn ép bữa bữa lần đến lối cùng. Các bộ máy sinh hoạt yếu đuối, các mạch lạc⁽⁶⁸⁾ bị chặn đứng, nhiều cơ sở đã bị chiếm cứ. Nếu không sớm cứu vãn tình trạng này thì sẽ đến một ngày không khỏi tê liệt.

Về bên ngoài, các chủ nghĩa, học thuyết, tôn giáo đã đua nhau tranh thắng từ bước từ giờ.⁽⁶⁹⁾ Công nghiệp⁽⁷⁰⁾ họ đã có từ lâu. Tuổi tên họ đã đầy trong thiên hạ. Hậu thuẫn⁽⁷¹⁾ họ đã sẵn. Thế lực họ đã nhiều. Lĩnh vực rộng, tổ chức sâu, tài cán dư, của tiền đủ.

Nền đạo ta còn mới mẻ, giáo lý ít người hay,⁽⁷²⁾ thế yếu sức cô, mà tổ chức điều hòa khoa học tân tiến, nên ai cũng ngờ, ai cũng dọa, ai cũng ganh tỵ gièm pha. Chánh thể nào lên cũng nghi kỵ, tìm đủ phương hạn chế kiềm hãm. Bao nhiêu mũi tên đương châu đến,⁽⁷³⁾ bao nhiêu trái đấm sắp liệng vào. Thành trì của ta hầu⁽⁷⁴⁾ bị xô ngã, thế mà mấy người hay, mấy người biết cái nguy cơ sắp tới nay mai.

Tại sao mà có những đối phương thù nghịch dữ dội ấy? Trong đó cũng có nhiều lý do. Một lý do chính là không giữ

⁽⁶⁸⁾ *mạch lạc* 脈絡: Hệ thống của một tổ chức.

⁽⁶⁹⁾ *từ bước từ giờ*: Từng bước từng giờ.

⁽⁷⁰⁾ *công nghiệp* 功業: Công lao và sự nghiệp, thành tích trong xã hội (*achievement, outstanding work, glorious deed*).

⁽⁷¹⁾ *hậu thuẫn* 後盾: Tấm mộc che chắn phía sau; ủng hộ (*backing, supporting*).

⁽⁷²⁾ *giáo lý ít người hay*: Ít người biết rõ giáo lý của đạo Cao Đài.

⁽⁷³⁾ *châu đến*: Tập trung vào một mục tiêu.

⁽⁷⁴⁾ *hầu*: Gần như, cơ hồ, sắp sửa, hầu như.

được thuần chơn vô ngã, lại chất đầy bồi rác⁽⁷⁵⁾ nơi trong, để làm mồi cho ngọn lửa bên ngoài văng tới. Nếu không ham danh mến lợi thì đâu bị miếng mồi vật chất nhử câu. Không ý gian ngoa thì có sợ gì oai vũ dọa nạt. Đã thiệt vô vi đạo đức, dễ ai hãm hại ghét ganh. Vì cũng tại nơi mình nhẹ lòng yêu thương nhơn loại, yêu chuộng tự do, yêu quý chánh pháp, yêu lấy thân danh,⁽⁷⁶⁾ ưu tư xây dựng một cõi đời thái bình đạo đức.

Nói đến tình hình nội bộ, nó tương quan là thế, nên phải chỉnh đốn lại mọi mặt theo chánh pháp chơn truyền. Mặc dù nơi đây các hiền đệ thiếu tài thiếu sức, nhưng đạo pháp không cần tài cậy sức mà cần ở tấm lòng. Tấm lòng ấy biết yêu quý giác ngộ, thì có yếu cũng mạnh, không tài cũng tài.

Một người mẹ nuôi được một bầy con là vì mẹ thương con cũng như một người con mà gánh nổi gia đình cho cha mẹ là vì con có hiếu. Vì thế, người xưa nói, một kẻ kia trói gà chưa chặt mà đến khi cha chết quan tài quàn ở trong nhà, khi nhà bị cháy một mình kéo nổi quan tài ra ngoài. Đâu phải mạnh mà làm được việc ấy, chỉ có lòng giác ngộ, yêu thương. Lão tưởng bao nhiêu đây cũng làm được đại nghiệp cho đời.

Hồi mới khai Đạo chưa có một cái nhà thờ mà bây giờ bao nhiêu thánh đường đồ sộ, bao nhiêu thượng đền chói mắt ngất trời. Lúc đó trong một xứ vài người,⁽⁷⁷⁾ như ngọn đèn

⁽⁷⁵⁾ *bồi rác*: Rác và những thứ như lá khô, dễ cháy, dùng làm mồi để nhóm lửa.

⁽⁷⁶⁾ *yêu lấy thân danh*: Giữ gìn cho bản thân tiếng thơm, uy tín.

⁽⁷⁷⁾ *vài người*: Vài người môn đệ Cao Đài.

leo lét trong đêm. Thế mà bây giờ cùng nam cực bắc⁽⁷⁸⁾ trong quốc nội đâu đâu cũng có bóng Cao Đài. Tên tuổi đã vang ra ngoại quốc như tiếng sấm mùa thu. Một ngọn đèn mờ bây giờ thành một guồng điện⁽⁷⁹⁾ sáng ngời, lối nọ ngõ kia rực lên như vầng ô⁽⁸⁰⁾ mới mọc. Sao lại nói ít, nói nhiều được. Nhiều ít không phải là chính, mà tấm lòng giác ngộ mới chính hơn.

Xuân khí chỉ một hào, như quẻ Phục,⁽⁸¹⁾ đã phát ra ấm áp muôn loài. Một khí mạnh mẽ là xuân. Khí ấy không hình thái, danh vị, hương sắc; thế mà chan hòa trong vạn vật, vật nào cũng tươi. Nếu màu thì có sắc, nếu vị tất có hương. Sắc hương không phải là xuân mà ứng vào vật nào, giống nào thì vật ấy, giống ấy sẵn bản chất mà trưởng thành thêm lên. Vì vậy pháp đạo hiển hiện không ở hình thức nào nhất định, tùy theo khả năng từng người mà ban cho. Thứ ngọt được thanh, món béo được bùi, chất nồng thêm cay. Thì ai đó, Lão không đòi hỏi ở con người, mà ở lòng giác ngộ vậy.

Lòng giác ngộ mở ra rồi thì chừng đó không cần ai thúc đẩy mình, kiểm tra mình, mà mình tự đương⁽⁸²⁾ tất cả việc trong thiên hạ, gánh lấy trách nhiệm dụng đạo cứu đời.

Bây giờ các hiền đã thấy gì, nghe gì chưa? Nhơn loại hiện tình khốn khổ trăm chiều. Về vật chất đã đành hưởng lấy

⁽⁷⁸⁾ cùng nam cực bắc: Ở tận cùng phía nam hay phía bắc.

⁽⁷⁹⁾ guồng điện: Guồng máy phát ra điện.

⁽⁸⁰⁾ vầng ô: Vầng thái dương, mặt trời.

⁽⁸¹⁾ Quẻ Phục ䷗ gồm một hào dương (gạch liền) nằm dưới cùng, phía trên là năm hào âm (gạch đứt).

⁽⁸²⁾ tự đương 自當: Tự nhận lãnh (trách nhiệm), tự gánh vác.

muôn ngàn đau đớn khổ nhục, mà về tinh thần cũng như chừng đen tối hơn mực, linh hồn yếu đuối lơ mờ. Nếu Thầy không đến kịp thì nạn vật chất qua phân,⁽⁸³⁾ họa chiến tranh tiêu diệt, cơ xáo trộn tàn phá, mối thù ghét sâu xé giết hại lẫn nhau, đảng phái tương tranh, gây một trường máu xương khói lửa. Nên các hiền sớm phải dọn mình mà lãnh lấy hồng ân sứ mạng, dọn mình để xứng một chức sắc. Phải cố gắng mới cướp được công đầu. Đứng trang hướng đạo phát cò tiến tới, hàng ngũ chỉnh tề, quyền pháp uy nghi thánh đức, phải hết lòng hết sức mới làm được sứ mạng Thầy trao, làm được công đầu để tên tuổi cho đời sau làm gương tu học. Làm được hay không chỉ ở đức tin yếu hay mạnh. Đức tin như Gióp⁽⁸⁴⁾ mới xứng một bậc Thiên ân. Làm được việc phi

⁽⁸³⁾ qua phân 瓜分: Chia cắt.

⁽⁸⁴⁾ Cự Uớc chép chuyện ông Gióp (*Job*) ở đất Út (*Uz*) là người vẹn toàn và ngay thẳng, kính sợ Thiên Chúa và lánh xa điều ác. Xatan (*Satan*) nói với Đức Chúa: “Ngài cứ thử giơ tay đánh vào mọi tài sản của nó xem, chắc chắn là nó nguyên rửa Ngài thẳng mặt.” (Gióp 1:11)

Được Thiên Chúa cho phép, Xatan bèn ra tay thử thách ông Gióp. Trong một ngày, ông liên tiếp nghe bốn tin dữ: (a) Dân Sova (*the Sabeans*) cướp hết bò và lừa, người làm của ông bị giết; (b) Chiên và dê cùng một số người làm bị chết cháy; (c) Người Candê (*the Chaldeans*) cướp lạc đà, giết người làm của ông; (d) Con trai và con gái ông đang ăn tiệc thì nhà sập đè họ chết.

Trước bốn việc dữ xảy đến dồn dập, ông Gióp vẫn không một lời trách móc, không hề phạm lỗi với Thiên Chúa. Ông xé áo, cạo đầu, sấp mình xuống đất, sụp lạy, và nói: “Thân trần trường sinh từ lòng mẹ, tôi sẽ trở về đó trần truồng. Đức Chúa đã ban cho, Đức Chúa lại lấy đi. Xin chúc tụng danh Đức Chúa. – *Naked I came from my mother’s womb, and naked I will depart. The Lord gave*

thường quán nhút trong thiên hạ, không phải chỉ cậy có tài có sức. Như Thánh Nữ Jeane d'Arc đẹp giặc Anh,⁽⁸⁵⁾ như Hưng Đạo đuổi quân Mông Cổ không phải sức mạnh ngang bằng mà ở lòng quân dân nhất trí.

Bây giờ Lão muốn Hội Thánh Truyền Giáo có một tổ chức vững vàng, dù chưa được lành mạnh trọn vẹn cũng phải tương đối tốt đẹp. Muốn tốt đẹp đòi hỏi ở hàng ngũ Thiên ân hướng đạo phải hiến thân tâm lên đường sứ mạng, đừng nhúng tay vào danh lợi thế tình. Mặc dù sống còn ăn ở, còn giao lân tình lý, nhưng ăn cần phải trong sạch, bám lấy công sức làm ra, không nên bán rẻ giá trị con người, làm mờ đạo pháp; ở còn đi lại với đời, nhưng với mạnh yếu thị phi đừng

and the Lord has taken away. May the name of the Lord be praised." (Gióp 1:21)

⁽⁸⁵⁾ Jeanne d'Arc sinh ngày 06-01-1412 trong một gia đình nông dân ở phía đông nước Pháp, hy sinh ngày 30-5-1431. Cô là một nữ anh hùng nước Pháp trong cuộc chiến tranh dài trăm năm giữa Pháp và Anh.

Được ơn Trời dẫn dắt giúp giải phóng nước Pháp, cô chỉ huy quân Pháp đánh quân Anh, thắng một số trận quan trọng trước khi bị quân Anh bắt giữ. Vì Giám Mục Pierre Cauchon (người Pháp) xét xử gian dối, cô bị vu là phù thủy và bị thiêu sống lúc mười chín tuổi. Sự nghiệp của cô gói gọn trong hai năm cuối đời (một năm chiến đấu và một năm bị cầm tù).

Dưới giáo triều Callixtus III, ngày 07-7-1956, cô được tuyên bố vô tội (*innocent*), là vị tử đạo (*martyr*). Năm 1457, Giám Mục Cauchon (đã chết năm 1442) bị Giáo Hoàng Callixtus III ra vạ tuyệt thông (*excommunicated*). Jeanne d'Arc được Giáo Hoàng Pius X phong chân phước (*beatified*) ngày 18-4-1909, rồi được Giáo Hoàng Benedict XV phong thánh (*canonized*) ngày 16-5-1920.

tranh hơn tranh phải.

Nói đến hướng đạo thì người hướng đạo cũng cần ly gia cát ái ⁽⁸⁶⁾ để rảnh tay yên dạ lo lấy gánh nợ quần sinh. Nhưng đã lo được cho quần sinh xã hội mà nhà mình không lo, không lẽ để hư hại tồi tàn? Vì muốn xây dựng một đời mới cao quý tốt đẹp cũng phải lấy gia đình làm đơn vị chính. Nhiều đơn vị tốt đẹp cộng thành một xã hội lành mạnh, một quốc gia hùng cường, một nền thể đạo vững chắc, thì sao lại không lo gia đình được. Nên Lão cũng không buộc ai bỏ gia đình, nhưng có lo cũng đừng quá lệch, vì lệch thì phạm phải tội mất thẳng bằng. Đã mất thẳng bằng thì trái với công bình đạo pháp.

Vậy tình huyết thống, nợ trái oan cần phải xử xong để trọn đạo làm người. Song người hướng đạo không phải của gia đình mà là người của Giáo Hội, không nặng việc nhà bỏ việc đạo. Nếu còn hoàn cảnh đặc biệt cũng cần thu xếp gọn gàng để giá trị người Thiên ân được trở nên mạnh mẽ.

(...)

Lão chào chư đệ, chư muội.

*

3. Trung Hưng Bửu Tòa
ngày 09-01 Kỷ Hợi (Thứ Hai 16-02-1959)

THI

⁽⁸⁶⁾ *ly gia* 離家: Rời bỏ gia đình (*leaving one's family*). *cát ái* 割愛: Cắt đứt tình cảm yêu thương ràng buộc (*giving up what one favours or loves*).

*ĐÔNG độ⁽⁸⁷⁾ quày chơn bước kịp kỳ
PHƯƠNG môn tận cứu⁽⁸⁸⁾ gắng làm y
LÃO tu lão luyện⁽⁸⁹⁾ cho nên đạo
Tổ tổ tương truyền được mấy khi.*

Lão chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.

Lão lấy làm mừng. Chư Thiên ân đã vững vàng bước trên một cấp đạo để xứng vai hướng lộ⁽⁹⁰⁾ diu dặt nhưn sanh, mà Hội Thánh cũng được quyền pháp minh định, trên dưới rõ ràng, cơ cứu chuộc mỗi ngày mới thấy hiển hiện.

Chư hướng đạo cố gắng lấy lòng mình mà đương vi sứ mạng trong công cuộc trung hưng chánh pháp, xây dựng nền móng thánh truyền, hầu nâng bước nhưn sanh chóng đến cảnh thanh bình, dựng nên thế đạo. Nhờ công phu, công quả ấy, được nâng cao địa vị mình xứng hàng Thiên ân quyền pháp.

Chư liệt vị an tọa.

BÀI

*Nền chánh pháp Kỳ Ba Thầy lập
Khấp mười phương tràn ngập hồng ân
Chơn truyền cứu thế độ dân
Trong cơn mạt kiếp đời gần đổi thay.*

*Ơn tái tạo đã bày quyền pháp
Xây thánh hình hội hiệp Thiên ân
Dựng nền minh đức tâm dân
Mở cơ cứu chuộc xa gần từ đây.

Nền Quốc Đạo dựng xây đẹp đẽ
Dưới ân oai mát mẻ vui vầy
Dưới tay che chở của Thầy
Mối tình thân ái chung vầy dưới trên.

Nương ân phước tiến lên mấy độ
Đón hồng ân Quốc Tổ⁽⁹¹⁾ an ninh
Đắp xây nền tảng hòa bình
Cho đời thanh trị, cho mình tự do.

Vì quyền pháp Thầy cho nắm giữ
Tự nơi mình mất sự thiêng liêng⁽⁹²⁾
Làm cho cơ đạo ngửa nghiêng
Một ngôi thánh thể rẽ riêng nhiều bề.⁽⁹³⁾

Bởi người quên lời thề trái đạo
Chạy theo đời điên đảo lòng tu
Làm cho chánh giáo mờ lu
Cho danh nghĩa đạo bị mù bị lem.

Cũng bởi mình không xem xét kỹ
Bởi tại mình thiếu nghĩ thiếu tâm
Rồi đưa bước đạo lỡ lầm
Lái thuyền tế độ không nhằm bến xưa.*

⁽⁸⁷⁾ Đông độ 東土: Cõi trần gian.

⁽⁸⁸⁾ phương môn tận cứu: Pháp môn tận độ

⁽⁸⁹⁾ lão luyện 老練: Tập đi tập lại kỹ càng, thành thạo và dày kinh nghiệm. lão tu lão luyện: Tu luyện cho thành thực, nhuần nhuyễn.

⁽⁹⁰⁾ hướng lộ: Hướng đạo, dẫn đường dắt lối.

⁽⁹¹⁾ Quốc Tổ 國祖: Ông Tổ của đất nước.

⁽⁹²⁾ Tự mình, chính mình làm hồng quyền pháp Thầy trao.

⁽⁹³⁾ Tôn giáo Cao Đài phân chia thành nhiều chi phái.

*Nay Trung Hưng đã vừa xây dựng⁽⁹⁴⁾
Chư Thiên ân tròn xứng mới là
Đừng lòng tư dục bất hòa
Thấy người phải nghĩ đến ta sau này.⁽⁹⁵⁾*

*Đừng phải để cho Thầy quả trách
Đừng để mình phải tách rời ngoài
Đường đường đáng mặt tài trai
Bên đời bên đạo đôi vai vững vàng.*

(. . .)

Thôi, quý vị tái cầu tiếp giá. Lão thăng.

TIẾP ĐIỂN

THI

*NGỌC nát vàng phai chí giữ bền
HOÀNG Thiên cho biết lẽ hư nên
THƯỢNG hòa hạ mục⁽⁹⁶⁾ chung lo đạo
ĐỂ nghiệp ngày mai đã đắp nền.*

Thầy mừng các con.

Thầy đẹp lòng cho các con đã nhận thấu sứ mạng quyền pháp mà đồng tâm hiệp lực chung mối Đạo Trời.

Các con cần xây dựng con người đạo đức của mình được xứng đáng một Thiên ân, hầu lãnh lấy phận sự nơi Thầy lên

⁽⁹⁴⁾ Trung Hưng Bửu Tòa lạc thành năm 1956.

⁽⁹⁵⁾ Thấy vết xe đổ của đàn anh buổi trước (những năm 1930) mà tránh lặp lại sự phân hóa trong Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

⁽⁹⁶⁾ *thượng hòa hạ mục* 上和和睦: Trên hòa dưới thuận, hòa thuận với mọi người lớn nhỏ trong nhà. (Mục là thân kính.)

đường hành đạo. Ngày giờ nhật thức. Xuân sang hạ đến, thu lại đông về. Dinh hư tiêu trưởng⁽⁹⁷⁾ vẫn xây.⁽⁹⁸⁾ Tuy nói năm rộng tháng dài, mà chớp mắt chưa kịp trở tay, thời gian đã qua rồi tới, nên Thầy chẳng những lo cho hơn loại không kịp tỉnh ngộ quày đầu, mà còn e cho các con việc đời sự thế buộc ràng, khó bề cởi mở cho đúng lời hứa của con.

Ngày giờ Thiên Sứ đã lên đường, chờ các con ở mỗi nơi đến để trao truyền huyền công kế hoạch. Các con đã bước lên một cấp, vinh hạnh vô cùng, mà nào con có biết ân phước ấy. Cả một sự hồi sinh tái tạo, vượt trên thế sự tang thương. Vì nghiệp nghiệp oan oan,⁽⁹⁹⁾ hơn tâm mạc trắc,⁽¹⁰⁰⁾ chẳng trọn vẹn cùng Thầy. Dù đứa có lòng lo biết sợ cũng còn chơn dưới chơn trên.⁽¹⁰¹⁾ Thầy làm thế nào để chỉ cho các con thấy được cơ xáo lộn hải hùng kia mà đau lòng lo sợ. Cũng chưa làm sao cho các con thấy được ngày mai tại nơi cõi này Thầy thiết lập một cảnh thanh bình sau một cơn đổ nát.

Thầy thương vô cùng. Dù có nói lắm, dạy nhiều mà lòng giác ngộ của mỗi con chưa hiện thì có nghe đó, rồi bỏ đó, chẳng đem vào dạ, khắc ở não cân. Tay Thầy luôn luôn nủ

⁽⁹⁷⁾ *dinh* (doanh) 盈: Đầy (full). *hư* 虛: Vơi, trống rỗng (void, empty). *tiêu* 消: Giảm, tan biến (vanishing, disappearing). *trưởng* 長: Tăng thêm, lớn lên (growing, developing). *dinh hư tiêu trưởng*: Đầy vơi giảm tăng.

⁽⁹⁸⁾ *vẫn xây*: Xoay vần, luân chuyển.

⁽⁹⁹⁾ *nghiệp nghiệp oan oan*: Oan nghiệp chất chồng, mãi chẳng dứt.

⁽¹⁰⁰⁾ *nhơn tâm mạc trắc* 人心莫測: Lòng người (tâm địa con người) không thể đo lường được, nay vậy mai khác.

⁽¹⁰¹⁾ *chơn dưới chơn trên*: Cũng như chân trong chân ngoài, tức là chưa trọn vẹn cố gắng cho đạo, vẫn còn vương vít tư riêng.

dẫn các con mà các con cứ giựt ra để dễ phóng túng tự do, nào nghĩ đến một mai số phận của mình, một cơ hội cho hoàn cầu nhơn loại. Các con cũng chưa thấu được lòng Thầy yêu thương lân mẫn đối với các con và toàn thể nhơn sanh. Nếu không đem mình làm giá chuộc,⁽¹⁰²⁾ lấy từ bi che chở mỗi ngày thì các con đã trái lời thề, phạm đến Thiên điều, làm sao ngày tới đây được vầy vui hội hiệp cùng Thầy.

Nhờ lòng thương yêu của Thầy với sự tự duy cần mẫn của Ba Trấn đương quyền, nên các con mới được yên tâm và nhơn dân có phần che chở. Thảng như ⁽¹⁰³⁾ không nhờ ở chánh pháp trung hưng, nhơn gian giác ngộ hồi hướng thì cõi ta bà hôm nay khói lửa mịt trời, giáo gươm chát tiếng, nhơn loại còn được mấy người.

⁽¹⁰²⁾ Giá chuộc (*ransom*) là gì? Là một giá trị bằng tiền, bằng vàng, hay thứ gì khác quý báu đem ra để đánh đổi lấy một thứ khác.

Như thời xưa, ai muốn trả tự do cho một nô lệ, thì phải nộp cho chủ nô đúng số tiền mà chủ nô ra giá. Đó là giá chuộc tự do cho một nô lệ.

khi Đức Giêsu Kitô chuộc tội cho loài người, tất nhiên Chúa cũng trả cái giá tương xứng cho hết thảy những tội lỗi mà loài người đã gây tạo từ đời nào kiếp nào tích lũy lại. Vậy, giá chuộc mà Chúa đã trả là gì? Chúa trả bao nhiêu?

Chúa đã trả một giá rất đắt (1 Côrintô 6:20), bởi lẽ giá chuộc ấy chính là mạng sống (*his life*) của Chúa (Mátthêu 20:28; 1 Timôthê 2:6; Titô 2:14), là máu (*his blood*) của Chúa (Rôma: 3:23-25; Êphêsô 1:7), tức là báu huyết (*his precious blood*) của Người (1 Phê rô 1:19).

Kỳ Ba này, Thầy *đem mình làm giá chuộc*. Giá chuộc của Thầy là gì? Là chính Thầy rời khỏi Bạch Ngọc Kinh mà xuống cõi phàm trần cứu độ con cái.

⁽¹⁰³⁾ *thảng như*: Nếu như.

Bởi vậy cái công đức to lớn này, sự nghiệp bền vững này đã đem lại cho các con, cho chúng sinh một con đường bình yên. Lấy thiện hạnh làm duyên, lấy phước đức làm thành, lấy tình thương sự sống làm vô hạn cơ binh, đánh bại giấc lòng, giấc nước mới yên. Lấy công trừ tội, đem phước đổi lành, các con trừ bớt cộng nghiệp cho nhơn sanh bằng đức tin xé tan u ám.

Hôm nay nền trung hưng chánh pháp xây dựng nơi Tông Đạo Trung Châu, sứ mạng quyền pháp lại giao vào tay các con. Ơn phước ấy như nước nguồn xuống thác, như gió pháp mùa xuân, thế mà trong hàng Thiên ân chưa nhận rõ sứ mạng để đem lòng gắn bó ưu tư. Nhơn sanh khổ và sắp đại khổ. Đạo tràng đang tủi nhục và rã tan, và rồi phải trăm bề đón đau hơn nữa. Nếu người hướng đạo không thấy xa biết trước thì tai hại sẽ sắp tới cho mình, hàng ngũ sẽ tan vỡ, tổ chức sẽ đổ nát, cơ sở bị phá hoại, danh nghĩa chúng gièm pha, con tin đều thất vọng, đạo đồ nó sẽ chia nhau sai sử hành phạt.

Ôi! Tình cảnh ngày mai là thế, mà không gấp rút nhổ neo dời thuyền, đồng sức chống tới chèo lên. Đừng đợi gió thuận nước xuôi mà bao nhiêu kẻ hết sức hụt hơi phải cho thân vào miệng cá.

Các con ôi! Lòng Thầy như chín khúc tơ vò,⁽¹⁰⁴⁾ chạy đông qua tây, trông đây nhìn đó, đã phân thân vô hạn số cũng không cứu kịp linh căn; đã đưa bước cứu khỏi, đem về để trong vòng đạo pháp từ nhóm từ đoàn,⁽¹⁰⁵⁾ mà rồi con cái ấy

⁽¹⁰⁴⁾ *chín khúc tơ vò*: Lòng dạ rất đón đau.

⁽¹⁰⁵⁾ *từ nhóm từ đoàn*: Từng nhóm từng đoàn.

cứ phá rào bẻ khóa làm cho trống cửa sưa ⁽¹⁰⁶⁾ thành để quỹ ma lén vào lũng đoạn xúi nhau nghịch lẫn.

Nơi đây người ít việc nhiều, đường sứ mạng chông gai lầy lội. Các con đừng ngao ngán, mà phải mạnh mẽ bước lên. Thầy không để cho các con phải thất vọng nửa chừng hay trên lộ đồ nghiêng ngả. Sự nguy hiểm và khó khăn kia là muốn cho các con xứng đáng người hướng đạo, nung nấu can trường. Làm được những việc phi thường này thì quý vương mới kính nể.

(. . .)

Thầy ban ơn mỗi đứa.

*

4. Trung Hưng Bửu Tòa
ngày 12-01 Kỷ Hợi (Thứ Năm 19-02-1959)

THI

*THÁI bình đất nước chúng dân vui
BẠCH hắc phân minh có mấy người
KIM thạch dẫn ai sau trước một ⁽¹⁰⁷⁾
TINH đàn hồng thệ ⁽¹⁰⁸⁾ dựng xây đời.*

Lão chào chư Thiên ân, chư nam nữ lễ sanh và đạo tâm đàn nội. ⁽¹⁰⁹⁾

⁽¹⁰⁶⁾ sưa: Thừa thót.

⁽¹⁰⁷⁾ Dẫn dò mọi người trước sau như một, lòng dạ vững bền như sắt đá (kim thạch), không thay đổi trước mọi hoàn cảnh.

⁽¹⁰⁸⁾ *tinh đàn hồng thệ*: Thiết lập đàn cho tinh nghiêm, chu đáo để các chức sắc lập hồng thệ.

⁽¹⁰⁹⁾ *đàn nội* 壇內: Có mặt trong đàn cầu cơ.

Giờ này trước một sự thiêng liêng nghiêm trọng, chư hiền đệ, hiền muội sẽ lần lượt đăng đàn hồng thệ, bái mạng ⁽¹¹⁰⁾ Đại Từ Phụ lãnh lĩnh lên đường hành đạo. Trước mọi sự kinh khiếp phập phồng lo lo nghĩ nghĩ, chắc mọi người cũng tự hỏi lòng mình giờ phải sao đây. Nên tiến lên để đẹp ý Thầy, tròn phận sự hay là thối lại nhường bước cho bậc xứng đức cao tài để quyền pháp, giáo điều của Hội Thánh được tinh minh bảo đảm?

Điều nghĩ ngợi ấy rất nên chính đáng với tấm lòng ưu tư thiết tha xây dựng đạo, nên bước lên hay thối lại cũng do sự giác ngộ của lòng thánh khiết, của hạnh Bồ Tát, không vì tư dục ích kỷ cá nhân, mà biết thương Thầy mến đạo. Không phải như kẻ kia ham danh tham vị, làm trở ngại cho công cuộc cứu thế dựng đạo, để mang lại điều tử hổ cho hàng đẳng Thiên ân, ⁽¹¹¹⁾ như một cục đá giữa đường choán cả lối đi trong thiên hạ.

Đã nói kỳ cảo chọn sắp xếp Thiên ân đâu đó an bài, dưới trên thứ tự, thì thế nào cũng có người phát tâm tiến tới làm tiền phong đương vi trọng trách, ⁽¹¹²⁾ mà cũng có người lui lại giữ tròn nhiệm vụ làm hậu thuẫn cho nền móng nhơn sanh.

Dù được tiến tới hay phải thối lui cũng đều tốt đẹp cả. Nếu mọi người đều nhận rõ cái lợi chung để đóng góp một đôi phần tùy khả năng có sẵn, thì lo gì cơ đạo không thành, luân thánh đức không hiện, nền Phước Thiện không cao, phần ngoại giao không rục rở, chim lồng được mở, cá chậu được

⁽¹¹⁰⁾ *bái mạng (mệnh)* 拜命: Thụ mệnh 受命, lạy mà nhận lệnh.

⁽¹¹¹⁾ *hàng đẳng Thiên ân*: Các bậc Thiên ân sứ mạng.

⁽¹¹²⁾ *đương vi trọng trách* 當爲重責: Nhận lấy trách nhiệm nặng nề.

ra, trong nội tình trên dưới thân hòa, cơ cứu chuộc gần xa nhơn sanh nhuần gội.

Ngặt một điều: Những kẻ mờ tối không nghĩ xa thấy rộng rồi đem lòng bất mãn bất bình, nổi kế yêu tà ⁽¹¹³⁾ xúi giục nhau làm loạn, đào sâu hố tội lỗi để chôn mình. Thiệt là một sự đen tối cuồng vọng, tách mình ra ngoài thánh thể.

Chư hiền đệ, hiền muội ôi!

Sự cáo chọn kỳ này là một ân phước cho chư hiền đệ, hiền muội mà cũng là ân phước cho toàn đạo nói chung. Nếu trong hàng ngũ Thiên ân mà không mạnh lành vững chắc thì làm sao đưa bước đạo đến nơi cứu lấy quần dân ⁽¹¹⁴⁾ lên đường giác ngộ. Đã là chức sắc thì phải làm sao xứng đáng một người chịu mạng Trời, thay ý người để hoằng dương chánh pháp. Nên một người Thiên ân phải đủ hạnh, nêu tỏ được bề mặt của đạo. Bằng ⁽¹¹⁵⁾ trong hàng ngũ còn so le chênh lệch, đen tối phức tạp, thì mong gì danh đạo được thơm, quyền đạo được mạnh, thể đạo ⁽¹¹⁶⁾ được lành, lối đạo được thông, toàn đạo được gội nhờ ơn phước.

Vì lẽ đó mà phải có một cuộc cáo chọn. Đã nói cáo chọn thì một trăm cũng lấy được năm mươi; năm mươi cũng còn đôi mươi; đôi mươi cáo chọn lại cũng còn có năm, mười người xứng đáng. Xứng đáng được chung lên để làm giá làm gương hầu cho thể lực Đạo Trời ngày thêm lan rộng uy danh.

⁽¹¹³⁾ *nổi kế yêu tà*: Sanh tâm bày mưu gian kế quỷ để phá hoại.

⁽¹¹⁴⁾ *quần dân* 群民: Chúng dân 眾民, mọi người dân trong nước.

⁽¹¹⁵⁾ *bằng*: Nếu như.

⁽¹¹⁶⁾ *thể đạo*: Hình thể đạo (lớn là Hội Thánh, Giáo Hội; nhỏ là thánh thất).

Nhưng mặc dù đã nói cáo chọn mà lòng từ bi tận độ của Thầy cũng không muốn nhặt một ai thải ra ngoài hàng ngũ, chỉ mong sao lòng giác ngộ từng cá nhân mạnh mẽ, nhận thấy lỗi lầm mà ăn năn, biết thấu tận lợi ích chung mà đem thân gánh vác thì lo gì nền đạo không vững chắc, lòng tu không chứng thấu Hiền Thánh, Kim Tiên.

Chư hiền đệ, hiền muội cũng thấy rõ kỳ hồng ân ban thưởng vừa qua, đó là một lễ công bình bằng một sự tận độ của Thầy. Ban thưởng kia là để cho chư hiền thấy được ân huệ nhỏ đến ⁽¹¹⁷⁾ cho mình; nhờ đây mà lòng thêm tươi, người thêm nhẹ, nường lấy quyền pháp mà tiến lên để đủ phương tiện lập công, kết mối thâm tình giữa đạo hữu, gây duyên chưởng phước mà đặt mình trong tổ chức làm những việc cho Hội Thánh, cho Thầy, nối lại mối thông công để sự sống lòng thương trở nên bình đẳng giác ngộ.

Thế mà mấy người được phương tiện kia nhẹ bước đường lành, cố rồi oan trái mà lại còn bê tha ngạo nghễ, chèn chèn suốt ngày, đam mê mãi kiếp, danh lợi không thôi, thị phi chẳng dứt, thịt cá còn ăn, lá lơi bữa bưng, nhờn như bạc bài, lời nói câu mâu, việc làm trái đạo, ở ăn bữa bãi, ra vào chẳng thuận chẳng cung, gây với lối xóm, nghịch chống trong gia đình, nhác cúng sám quỳ hương, ít về chùa họp hội, sống trong đoàn thể như ở đâu xa, gần với Thiên ân mà ít khi hội bàn. Công phu công quả là thế, hạnh tu thiếu sót vô chừng thì làm sao che đậy cho người đời khỏi thấy, lấy thúng úp voi sao được, danh nghĩa đạo phải lu mờ.

Vì vậy mà người Thiên ân hiện nay phải làm sao cho trọn

⁽¹¹⁷⁾ *nhỏ đến*: Rỏ đến (như giọt mưa nhều tới).

vẹn, làm nòng cốt ⁽¹¹⁸⁾ cho nhơn sanh. Không thể kéo dài tình trạng hủ bại ấy nhiều ngày (...).

Nền đạo hiện tình cũng vì một phần lớn chư Thiên ân hướng đạo đã gây nhiều oan trái cho nhau, đem lại một cuộc sống bất bình đầy đen tối. Danh đạo đã bán rẻ, quyền đạo bị yếu lướt,⁽¹¹⁹⁾ pháp đạo đã lò mờ, hàng ngũ bị phân cắt, thánh thể đã phan phui, người ngoài trông vào nội bộ đã có nhiều khinh bỉ. Các nền cựu giáo mỗi ngày một mạnh, còn ta bị bao nhiêu quyền đời lấn áp, phe phái cuốn lôi, nếu không sớm mạnh mẽ đứng lên thì sứ mạng bị thu hồi, ân phước nơi này sẽ bị truất phế, toàn đạo sẽ có ngày điêu tàn. Nếu xuân thánh đức này nguồn sống chẳng được phục sinh, cơ xáo trộn không hoá cải thì [bao nhiêu cố gắng] xưa nay cũng như công dã tràng xe cát. Chư đệ, chư muội nghĩ sao?

Việc cáo chọn chức sắc để chỉnh tu hình thức quyền pháp Thiên ân là một công cuộc kiến tạo nền trung hưng giáo lý. Bởi vậy toàn đạo được giác ngộ thì sự nghiệp mới sớm hoàn thành, mà cơ tận diệt của đời mới mong cứu vãn, hồi sinh cho nhơn loại.

Vậy chư Lễ Sanh nam nữ nói chung phải làm thế nào để được đúng quyền hành pháp luật, vượt lên trên thế sự một bước. Đừng là đà lẫn thẩn trên danh lợi thị phi. Ráng đoạn nghiệp trừ phiền, dứt nợ tiền khiên trái chủ oan gia, tu lấy thân tâm cho được nhẹ nhàng sáng suốt để hầu được việc cho Thầy, chung quy ⁽¹²⁰⁾ về nơi Bồng Lai nhàn hưởng.

⁽¹¹⁸⁾ *nòng cốt*: Thành phần chủ yếu (*core*).

⁽¹¹⁹⁾ *yếu lướt*: Yếu ớt và kém sút đi.

⁽¹²⁰⁾ *chung quy* 終歸: Kết cục, sau cùng; khi lìa trần.

Cuộc đời đã đen như mực, lòng người lại bạc như vôi. Nếu không được Chí Tôn thị hiện quyền pháp chứng bày, thì buổi mặt tận đời cơ khí này, nay mai đây mới làm sao thoát vòng tang thương thống khổ?

Đời sắp diễn những tuồng ghê sợ. Đến đây các đệ muội phải vững lòng tin tưởng ở quyền pháp, ở điển lành, mà dìu dắt nhơn sanh đi trên con đường sống của Thầy đã phóng. Đường sống dọn xong thì đời sẽ không còn giết hại lẫn nhau mà phải đến ngày tận diệt. Các hiền lấy thanh tịnh mà làm nền tảng cho trí tuệ. Có trí tuệ mới nhận thấu lẽ đạo tinh vi, việc đời tế nhị. Có trí tuệ rồi lòng mình mới nhẹ nhàng vui khỏe, mạnh mẽ đường tu, ân cần việc đạo. Điều quan trọng nhất là đạo ở nơi thân tâm của chư hiền đệ, muội làm thành trì cho Giáo Hội, làm hướng đạo cho nhơn sanh, làm khâm mạng cho Hội Thánh.

Các hiền phải làm sao cho xứng vai đáng mặt một người quyền pháp môn đồ. Phải có đức tin danh thếp, chí hướng vững vàng, tin cơ cứu chuộc đã đến, chỉ có Thầy mới ngăn được nạn tiêu diệt, họa xâm lăng. Thầy mới đủ quyền pháp đánh bạt cả mưu thuật tà pháp của quỷ vương, mới cứu vớt con người tội lỗi trở nên phước đức.

Vậy các đàn cơ đã liên tiếp trình bày công cuộc xây dựng chánh pháp rồi. Hôm nay chỉ làm lễ hồng thệ. Hồng thệ đây không phải lối đời bắt ép con người yếu phải vâng theo, mà đây là đặt mối thông công nối liền sự sống bằng quyền pháp để cho nước cứu rỗi chảy vào lòng mình, mà đây cũng là một dịp hồng ân bắc cầu cho Thiên nhơn gặp lại.

Lần này là lần giao ước giữa người Thiên ân với Thần

Thánh, kết mối tương quan để mở rộng con đường tận độ, con đường đại xá, thì sự thề nguyện đầu phải một điều bất buộc ai. Thề là để đánh dấu một giai đoạn tiến lên qua một thời kỳ đen tối. Thề là ghi lại những lời giao ước nơi ký ức, đừng cho lòng ta xao lãng mà vật chất lấn tinh thần, ý tình ngăn bước tiến. Thề là để giữ lòng trung thành, giữ tròn Thiên vị, chịu lấy sứ mạng đảm đương gánh đạo từ nay. Lão cũng không buộc một ai phải đăng đàn hồng thệ mà buộc những người giác ngộ để được tròn với nghĩa vụ tối cao.

Chư đệ, chư muội chọn một trong ba điểm Chấp, Hành, Hộ, mà lo tròn lời nguyện ngày xưa, nếu bội ước cùng Thầy phải trầm luân muôn thuở. Già yếu, đau nhọc thì xin vào hộ trì cầu nguyện và góp ý nhắc nhở đạo hữu lân cận, chỉ vẽ sắp đặt trong gia đình vợ con hòa thuận làm gương.

(...)

Thôi, Lão chào chư hiền.

*

5. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 13-01 Kỷ Hợi
(Thứ Sáu 20-02-1959)

THI

TRƯỜNG đồ mới biết sức là bao ⁽¹²¹⁾

CANH vắng ⁽¹²²⁾ khuyên ai ráng nhớ nào

⁽¹²¹⁾ trường đồ 長途: Đường dài, đường xa, cũng như viễn đồ 遠途 (long journey). Có câu trường đồ tri mã lực 長途知馬力: Đường dài mới biết sức ngựa (Long distance tests the strength of a horse).

TIÊN Phật muốn thành công quả đủ

TRƯỜNG lòng Bồ Tát ⁽¹²³⁾ phẩm lên cao.

Lão chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ. Lão miễn lễ.
Chư hiền an tọa.

BÀI

Xuân thánh đức ngập đầy nhựa sống

Xuân hồng ân mở rộng độ đời

Khuyên người trời gót vui chơi

Mai nam chiều bắc thảnh thơi Đạo lành.

Đừng bận bịu lợi danh phạm tục

Đừng bận tâm vướng khúc trái oan

Tu hành ngày tháng lo toan

Đường lành giải thoát nhẹ nhàng tâm thân.

Đời giữa lúc phong vân mạt trắc ⁽¹²⁴⁾

Đời đương cơn đạo tặc ⁽¹²⁵⁾ chiến tranh

Đời là vật chất cạnh tranh ⁽¹²⁶⁾

Đem thân vào đó quần quanh khổ sầu.

⁽¹²²⁾ canh 更: Một đêm chia làm năm canh. Một canh dài hai giờ. (One of the five two-hour periods into which the night was formerly divided.) canh vắng: Đêm khuya thanh vắng.

⁽¹²³⁾ trường 長: Nuôi lớn, phát triển. lòng Bồ Tát: Lòng yêu thương chúng sanh. trường lòng Bồ Tát: Nuôi dưỡng lòng yêu thương chúng sanh cho lớn lên.

⁽¹²⁴⁾ phong vân mạt trắc 風雲莫測: Những thay đổi, chuyển biến không thể lường trước được (unpredictable changes).

⁽¹²⁵⁾ đạo tặc 盜賊: Trộm cướp (robber).

⁽¹²⁶⁾ vật chất cạnh tranh: Tranh giành, hơn thua nhau về lợi ích vật chất.

Thời hạ nguơn Đạo mầu rộng mở
Cứu nhơn sanh quay trở về quê
Hôm nay ta đã hẹn thề
Lập công tu hạnh lo bề huờn nguyên.⁽¹²⁷⁾

MỘT khuyên phải nhẫn kiên trọn đạo
HAI khuyên nhau tần tảo ⁽¹²⁸⁾ độ đời
Chi chi cũng đợi linh Trời
Một lòng tu niệm chớ dời chí tâm.⁽¹²⁹⁾

BA khuyên nhớ âm thầm giữ đạo
BỐN khuyên lo truyền giáo xa gần
Ở cho trọn nghĩa trọn nhân
Tinh minh ⁽¹³⁰⁾ quyền pháp, ân cần viếng thăm.

NĂM khuyên phải chí chăm công quả
SÁU khuyên lo đắp vá lỗi lầm
Xe sẵn ⁽¹³¹⁾ thân ái đồng tâm
Giới quy đừng để lỗi lầm hư danh.⁽¹³²⁾

BẢY khuyên phải chí thành trung tín
TÁM khuyên hằng nhẫn nhịn kính cung
Khổ vui no đói chia cùng
Trong vòng cương tỏa ⁽¹³³⁾ vẫy vùng vượt ra.

⁽¹²⁷⁾ huờn nguyên, hoàn nguyên 還源: Trở về nguồn cội (là cõi trời) và phục hồi ngôi vị cũ (cửu vị).

⁽¹²⁸⁾ tần tảo: Hôm sớm siêng chăm.

⁽¹²⁹⁾ chớ dời chí tâm: Đừng thay đổi tâm chí.

⁽¹³⁰⁾ tinh minh: Xem chú thích (16).

⁽¹³¹⁾ xe sẵn: Xe sợi cho chặt lại, để bền hơn, khó đứt.

⁽¹³²⁾ Người tu, nhất là bậc hướng đạo có chức phận, nếu phạm quy giới thì thân bại danh liệt.

CHÍN khuyên tin ở Cha thiên thượng ⁽¹³⁴⁾
MƯỜI khuyên ⁽¹³⁵⁾ đừng luyến vương sự tình
Lo sao trọn vẹn phần mình
Thuần chơn vô ngã thánh hình được tôn.

(...)

Thôi, Lão chào chư đệ muội.

⁽¹³³⁾ cương tỏa 韁鎖: Dây cương ngựa và cái khóa; sự trói buộc.

⁽¹³⁴⁾ thiên thượng 天上: Ở trên trời cao (in the heaven).

⁽¹³⁵⁾ Đức Giáo Tông ban cho mười lời khuyên. Số mười (thập) dùng chỉ sự trọn vẹn, hoàn hảo; do đó hay nói thập thành 十成 (vẹn đủ cả mười), thập toàn thập mỹ 十全十美 (hoàn hảo, mười phần vẹn mười). Người tu, bậc Thiên ân hướng đạo làm đúng theo mười lời khuyên này thì hoàn hảo hóa được bản thân, hoàn thành được sứ mạng.



Bản thảo giáo khoa Cao Đài

Trong đạo Cao Đài hiện nay đang có nhu cầu biên soạn các bài giảng về kinh cúng, giáo lý căn bản, v.v... ngõ hầu triển khai trong các khóa học được tổ chức tại các Hội Thánh, thánh thất, thánh tịnh, học viện, v.v... Mục BẢN THẢO GIÁO KHOA CAO ĐÀI mở ra nhằm dần dần đáp ứng chút ít tài liệu tham khảo, ước mong góp phần bé mọn để quý đạo hữu giảng viên có thể nhẹ bớt phần nào “gánh nặng” trong muôn một.

Việc đăng bài nơi đây sẽ tùy duyên, nghĩa là trong khả năng hạn hẹp, hễ có được bài giảng nào thì phổ biến bài đó. Biển học vô bờ. Chúng tôi kính mong và tin tưởng quý đạo hữu luôn hoan hỷ lượng thứ mọi nhầm lẫn, thiếu sót nếu chúng tôi vướng phải, và sẽ vui lòng chỉ giáo để chúng tôi kịp thời sửa chữa chỗ sai lầm, bổ túc chỗ thiếu sót. Gọi mục này là “Bản thảo giáo khoa” cũng vì lẽ ấy. (H.Kh.)

NGŨ NGUYỆN

I. KINH VĂN

Nam mô:
Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai.
Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.
Tam nguyện xá tội đệ tử.
Tứ nguyện thiên hạ thái bình.
Ngũ nguyện thánh thất an ninh.

II. KHẢO DỊ

1. Theo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, và Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, bốn câu nguyện 2, 3, 4, và 5 đều đọc là: *Nam*

mô nhì nguyện, Nam mô tam nguyện, Nam mô tứ nguyện, Nam mô ngũ nguyện.

2. Theo Cao Đài Thống Nhứt (nay không còn hành đạo), khi xưa câu nguyện 5 đọc là: *Nam mô ngũ nguyện Đại Đạo quy nguyên.*

3. Theo Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, câu nguyện 5 đọc là: *Nam mô ngũ nguyện tịnh thất an ninh.*

III. CHÚ GIẢI



34 trang ruột + bìa (12x15,5cm) 40 trang ruột + bìa (12x15cm)

Lịch sử:

Năm 1926: Tiên khai Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950) in *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh* (Sài Gòn: nhà in Xưa Nay, 34 trang ruột và bìa, khổ 12x15,5cm). Trang 32 kết thúc với *Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối*; không có *Ngũ Nguyện*.

Năm 1927: Tiền khai Hương Thanh (1874-1937) in *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh* (Sài Gòn: nhà in L'Union, 40 trang ruột và bìa, khổ 12x15cm). Ngay trước bài *Niệm Hương* (trang 1) có in *Ngũ Nguyên*, chữ Hán và quốc ngữ.

Như vậy, suy ra *Ngũ Nguyên* có thể xuất hiện từ năm 1927, nhưng chưa biết do thánh giáo nào ban truyền, và ở đâu.

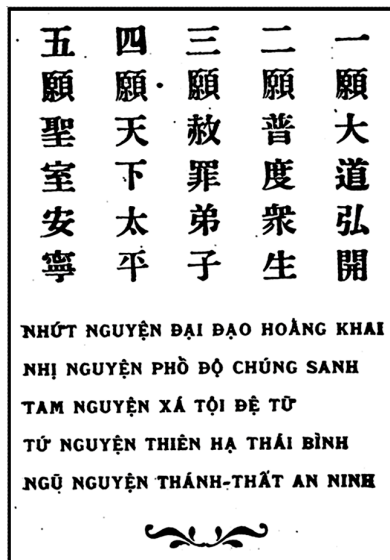
Câu 1:

Nam mô: Gốc chữ Sanskrit là *namas*, chữ Nho viết 南無 (nam vô), nhưng vẫn đọc *nam mô*, nghĩa là chí tâm thành kính hướng trọn về Ông Trên.

Nhứt nguyện 一願: Điều thứ nhứt xin cầu nguyện cho (*Firstly, we pray for*). Điều thứ nhứt xin hứa nguyện (*Firstly, we pledge that ...*).

Đại Đạo 大道: Nói tắt Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (*the Great Way of the Third Universalism*).

Hoằng khai 弘開: Mở mang rộng khắp (*being extensively developed*).



Bài Ngũ Nguyên trong bản in 1927 của tiền khai Hương Thanh

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai 一願大道弘開:

(a) Hiểu theo nghĩa thụ động là trước tiên cầu nguyện cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được hoằng khai (*Firstly, we pray for the extensive development of the Great Way of the Third Universalism*).

(b) Hiểu theo nghĩa tích cực là trước tiên chúng con xin hứa nguyện hoằng khai Đại Đạo (*Firstly, we pledge to extensively develop the Great Way of the Third Universalism*).

Câu 2:

Nhị nguyện 二願: Điều thứ nhì xin hứa nguyện (*Secondly, we pledge that ...*).

Phổ độ chúng sanh 普度眾生: Truyền bá đạo Thầy rộng khắp để giúp chúng sanh thức tỉnh tu hành (*Diffusing Caodaism extensively to help human beings be awakened and cultivate themselves*).

Nhị nguyện phổ độ chúng sanh 二願普度眾生: Điều thứ hai xin hứa nguyện truyền bá đạo Thầy rộng khắp để giúp chúng sanh thức tỉnh tu hành (*Secondly, we pledge to diffuse Caodaism extensively to help human beings be awakened and cultivate themselves*).

Câu 3:

Tam nguyện 三願: Điều thứ ba xin cầu nguyện (*Thirdly, we pray for ...*).

Xá tội 赦罪: Tha thứ tội lỗi (*forgiving sins*).

Đệ tử 弟子: Học trò (*disciple*), tiếng môn đệ Đức Cao Đài tự xưng.

Tam nguyện xá tội đệ tử 三願赦罪弟子: Điều thứ ba xin cầu nguyện Thầy tha tội cho chúng con (*Thirdly, we pray to God for the forgiveness of our sins*).

Câu 4:

Tứ nguyện 四願: Điều thứ tư xin cầu nguyện (*Fourthly, we pray for ...*).

Thiên hạ 天下: Toàn cõi thế gian (*the whole world*).

Thái bình 太平: An ổn, yên lành (*peaceful*).

Tứ nguyện thiên hạ thái bình 四願天下太平: Điều thứ tư xin cầu nguyện cho thế gian thái bình (*Fourthly, we pray for the peace of the whole world*).

Câu 5:

Ngũ nguyện 五願: Điều thứ năm xin cầu nguyện (*Fifthly, we pray for ...*).

Lưu ý: Hai chữ *Ngũ Nguyện* ở nhan đề lại có nghĩa là năm lời cầu nguyện (*The Five Prayers*).

Thánh thất 聖室: Nhà thánh (*holy house*), nơi thờ Đức Cao Đài và là nơi họp, sinh hoạt, hành đạo, tu học của tín đồ Cao Đài.

An ninh 安寧: Yên ổn, thanh tịnh (*in repose*).

Ngũ nguyện thánh thất an ninh 五願聖室安寧: Điều thứ năm xin cầu nguyện cho thánh thất được an ninh (*Fifthly, we pray for the repose of our holy house*).

IV. TỔNG LUẬN

1. Khi nguyện Đại Đạo hoằng khai, người tín đồ Đại Đạo

phải ráng sức phổ thông, phổ truyền giáo lý để hoằng khai Đại Đạo (phát triển tôn giáo của mình), và muốn hoằng khai Đại Đạo thì phải chăm lo phổ độ chúng sanh. (Câu nguyện thứ nhất và câu nguyện thứ hai không tách rời nhau).

2. Khi nguyện phổ độ chúng sanh (*độ tha*) thì cũng hiểu rằng mỗi một người chính là một phần tử của chúng sanh, và bản thân mỗi người còn là tập hợp của vô số chúng sanh (là các tế bào). Vậy, phổ độ chúng sanh thì không quên điều căn bản là phải cứu độ lấy chính mình (*tự độ*). Thân mình không độ, lại độ thân ai? (*Ngô thân bất độ, hà thân độ? 吾身不度, 何身度?*)

3. Khi nguyện xin Thầy tha tội bản thân, người tín đồ cũng nên biết tha thứ lỗi lầm kẻ khác. Tâm hỷ xả, bao dung giúp cho cộng đồng đoàn kết, tránh cho nội bộ bất hòa, chung tâm chung sức cùng lo phổ độ chúng sanh, cũng là góp phần cho thiên hạ thái bình, thánh thất an ninh.

4. Khi nguyện thiên hạ thái bình, người tín đồ còn ý thức không làm tổn hại đến sự an bình của cộng đồng chung quanh mình, góp phần cho chúng sanh an vui, cũng là phương tiện phổ độ chúng sanh.

5. Khi nguyện thánh thất an ninh, mỗi thành viên trong một thánh sở hay tổ chức Cao Đài ý thức gìn giữ cho cộng đồng mình không bị rạn nứt vì khẩu đảo. Là một phần tử của “thiên hạ”, thánh thất an ninh sẽ góp phần cho thiên hạ thái bình.

Hơn nữa, thánh thất là nơi thờ Đức Thượng Đế, nơi tín đồ tu học và hành đạo. Thánh thất hiểu sâu xa hơn còn là thân mạng mỗi tín đồ, trong đó có Thượng Đế nội tại (*immanent*

God). Khi nguyện thánh thất an ninh, người tín đồ ý thức biết bảo trọng sinh mạng. Nếu khinh suất làm mất sự sống của người tu thì không còn xác thân làm phương tiện tu hành, lập công bồi đức, cũng không thể phổ độ chúng sanh hay hoằng khai Đại Đạo.

Ngũ nguyện tuy năm mà chung quy vẫn một lý. Nguyện ở đây không phải chỉ là cầu xin tha lực và đợi chờ sự ban bố của Ông Trên. Nguyện còn có nghĩa là tự nhắc nhở mình vào mỗi thời cúng trong ngày, tâm tâm niệm niệm thực thi điều bản thân mong muốn (nguyện). Trong tha lực có tự lực, đó là một giá trị nhân bản trong phương pháp tu hành của đạo Cao Đài.

V. THÁNH GIÁO DẠY VỀ NGŨ NGUYỆN

1. Về câu nguyện 5:

Tại Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 14-01 Kỷ Dậu (Chủ Nhật 02-3-1969), Đức **TAM TRẦN OAI NGHIÊM QUAN ÂM NHƯ LAI** dạy:

Câu nguyện chót là “Ngũ nguyện thánh thất an ninh”. Thông thường, chư hiền đệ muội hiểu nghĩa rất hẹp là cầu nguyện cho thánh thất là chỗ thờ phượng được an ninh. Nếu hiểu như vậy thôi thì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không cần phải nêu câu ấy lên để mà làm chi.

(...)

Chư hiền đệ muội phải hiểu như thế này: Thánh thất gồm có Bát Quái, Cửu Trùng và Hiệp Thiên Đài. Thánh thất cũng là tượng trưng cho hình thể Chí Tôn Đại Từ Phụ, trong đó có cả từ Thượng Đế đến vạn linh. Một tổ chức rộng lớn như vậy cũng thể hiện cho càn khôn vũ trụ. Muốn cho càn khôn vũ trụ

được điều hòa nhứt nguyệt tinh tú, Thượng Đế phải nắm giữ quyền pháp, cũng như điều hành guồng máy đạo. Một tổ chức từ nhỏ đến lớn cũng phải có quyền pháp. Nếu không quyền pháp điều hành vận chuyển thì các khối tinh cầu trong vòng luân chuyển sẽ đụng nhau, thì vũ trụ này mất an ninh. Còn các phần hành của mỗi tổ chức không theo quyền pháp thì tổ chức đó bị loạn.

(...)

Giờ đây Bàn Đạo trở lại câu nguyện thứ năm.

Thánh thất cũng tượng trưng cho lớn nhứt là vũ trụ, nhỏ nhứt là bản thân cá thể của con người, cho đến từ ⁽¹⁾ cá thể côn trùng thảo mộc, bò bay máy cưa nữa. Nếu vũ trụ chẳng an ninh, cơ sanh hóa không thể trưởng thành. Guồng máy cai trị nhà nước nếu chẳng an ninh thì xáo trộn từ đầu não chỉ huy đến hạ tầng quần chúng. Gia đình nếu chẳng an ninh thì làm sao an cư lạc nghiệp hạnh phúc được? Bản thân nếu chẳng an ninh thì đời người như mất hết chín phần mười. Như vậy, an ninh là nhu cầu cần thiết cho tất cả mọi giới, mọi lãnh vực.

Chư hiền đệ muội là người tâm đạo tu thân, cũng hoài vọng an ninh. Nếu thậm đa tửu nhục thì ngũ tạng lục phủ mất an ninh. Nếu thậm đa sắc dục thì bản thân cũng mất an ninh.

Nói rộng ra một chút: Như người sử dụng các loại xe không thi hành đúng luật đi đường, đó là tự mình làm mất an ninh cho mình.

Trên đường đạo hoặc đường đời cũng thế, nào khác chi đâu. Mọi sự kiện xảy đến cho mình, đa số là tự mình gây nên,

(1) từ: Từng, mỗi một.

chỉ thiếu số từ ngoại cảnh đưa đến mà thôi. Cái ngoại cảnh ấy cũng do ảnh hưởng phần nội tâm mà ra, chứ không hoàn toàn là rủi ro từ đâu đưa đến. Nếu thiếu đức, ngoại cảnh mới xâm vào.

Chư hiền đệ muội thử nghĩ: Có bao giờ những người chân tu đạo đức mà lại gặp những bạn tửu nhục đạo tặc đến rủ rê, hay trái lại, có bao giờ những người đồ bác đạo tặc mà có người bạn văn nhân sĩ khí đến bao giờ. Như vậy là nội tâm mỗi người được thuần chân đúng đắn sẽ có ngoại cảnh an lành tốt đẹp trợ duyên. Nội tâm sẵn dành chỗ phụng thờ Thượng Đế, hoài bão những việc làm của Thượng Đế, thì không còn chỗ nào trống để tà mị lấn chen.

(...)

Nói như vậy để những ai là người tu thân lập đức, hành đạo độ đời nên hiểu cương vị của mình mà làm cho đúng mức của nó. Hễ tu thì phải làm cho đúng nghĩa của người tu. Nếu làm sai tôn chỉ mục đích của nó, đó là tự mình làm mất an ninh cho mình cũng như cho tập thể. Dầu có nguyện năm bảy trăm câu cũng chẳng ích gì, lựa là ⁽²⁾ một câu.

2. Về cả năm câu nguyện:

2.1. Tại Minh Lý Thánh Hội (quận 3, Sài Gòn), Tuất thời, 15-12 Mậu Thân (Thứ Bảy 01-02-1969), Đức **VẠN HẠNH THIÊN SƯ** dạy:

Nam mô:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.

⁽²⁾ **lựa là:** Nói chỉ là.

Tam nguyện xá tội đệ tử.

Tứ nguyện thiên hạ thái bình.

Ngũ nguyện thánh thất an ninh.

Năm lời nguyện ấy đã định đoạt đến cho bất cứ ai mang mặc lấy danh từ học đạo, hành pháp.

2.2. Tại thánh thất Tây Thành (Cần Thơ), Tý thời, 12-3 Kỷ Dậu (Thứ Hai 28-4-1969), Đức **QUAN ÂM BỒ TÁT** dạy:

Còn phần trước khi kết thúc của thời cúng là năm câu nguyện.

“Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai.” Thử hỏi hoằng khai là gì? Có phải phát triển, khai phóng, mở rộng từ cơ sở đến giáo lý cho quảng đại quần chúng hiểu biết và làm theo hay chăng? Chớ không có nghĩa là đóng khung trong hình thức nhỏ hẹp như một Hội Thánh, một thánh thất hoặc tịnh thất để cho một thiểu số người mà dám gọi là Đại Đạo hoằng khai.

“Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.” Phổ độ có nghĩa là mở rộng cùng khắp, độ rồi chúng sanh tu thành chánh quả, không phân biệt màu da chủng tộc và tông phái, chớ không có nghĩa là chỉ nói đi nói lại bao nhiêu đó cho người tín hữu Cao Đài mà thôi.

“Tam nguyện xá tội đệ tử.” Câu ấy nói lên cho người tín hữu tự nhận mình đã trải qua nhiều kiếp, từ loài khoáng sản chuyển mình đến thảo mộc, thú cầm mới đến loài người trong bánh xe tiến hóa. Trải qua nhiều kiếp, con người đã gây nhiều nghiệp xấu, mà nghiệp xấu tức là tội lỗi. Do đó, trước Thiên Bàn, gần mãn giờ cúng, cầu xin Thượng Đế giải trừ tội lỗi nghiệp chướng tiền khiên, và cũng dạy cho người tín hữu phải có đức độ khoan dung tha thứ mọi lỗi lầm từ kẻ khác đối với

mình để thể hiện lòng bác ái vô biên của Thượng Đế. Mình có tha thứ kẻ khác lầm lỗi với mình để thân thiện, giác ngộ, dần dần họ lại đường chánh giáo thì Thượng Đế mới xá lỗi tiền khiên của mình.

Vậy, còn câu “Tứ nguyện thiên hạ thái bình”? Có phải là lòng thương người thương vật của người tín hữu Cao Đài, muốn cho nhân loại được an hưởng trong cảnh thái bình, an cư lạc nghiệp, và cũng gọi cho người tín hữu hiểu rằng, không phải cảnh thái bình tự nhiên ai đem đến bố thí cho nhân loại, mà phải nhân loại tự tạo lấy cho mình. Muốn được thái bình, trước nhất, mọi người phải lương thiện, có đức tánh công bằng của Nho Giáo (những gì mình không muốn thì không làm việc ấy cho người khác);⁽³⁾ có đức tánh bác ái của đạo Lão (là lòng thương đời vô biên, không điều kiện, mong dần dần họ lại đường chánh lẽ chơn, thương mọi người như thương gia đình quyến thuộc mình, dầu kẻ ấy là thù địch với mình); phải có đức từ bi của đạo Phật (luôn luôn khởi lòng trắc ẩn trước nỗi đau khổ của người khác mà tìm phương ban vui cứu khổ cho họ). (...)

Những giáo lý do Chí Tôn đã vạch sẵn mà người đạo Cao Đài không đem phổ truyền cùng khắp, tìm cách cảm hóa, phổ độ người đời biết được. Đừng ý vào câu “Hữu xạ tự nhiên hương”. Đó là điều kiện đem lại thiên hạ thái bình. Chớ trong lúc nhân sanh chưa hiểu đạo, chưa có công bằng, chưa có lòng thương kẻ khác, một xã hội toàn đa số là người bất lương,

⁽³⁾ Luận Ngữ (12 :2): 己所不欲, 勿施於人. (A. Everything you would like men to do to you, do also to them. B. Do unto others as you would have done unto you.)

giàu hiếp nghèo, mạnh lấn yếu, ý chúng hiếp cô, khôn hiếp dại, điêu ngoa xảo trá, xây dựng vinh hoa phú quý trên cảnh đau khổ cùng đing và xương máu của kẻ khác, thử hỏi xã hội như vậy có đem lại được cảnh thái bình cho thiên hạ không? Đó là câu nguyện thứ tư, nhắc đến nhiệm vụ nặng nề căn bản của người tín hữu Cao Đài.

Còn câu nguyện “Ngũ nguyện thánh thất an ninh.” Thánh thất nơi đây không có nghĩa nhỏ hẹp riêng của ngôi Thánh thể thờ Đức Chí Tôn, gồm Bát Quái, Cửu Trùng và Hiệp Thiên. Ngoài cái nghĩa nhỏ hẹp ấy lại còn có nghĩa rộng hơn nữa.

Thánh thất là nhà thánh. Hễ nhà thánh là nhà của chư thánh hội họp, thảo luận mọi việc theo thánh ý để hành thánh sự đúng theo tôn chỉ Đại Đạo. Đừng tưởng rằng mình còn phạm trần nhục thể, không khi nào dám nghĩ đến nghĩa ấy. Vì người tín hữu mà hằng ngày thảo luận, âu lo việc làm theo thánh ý, mở mang được thánh tâm để thực hành được thánh sự, đó là thánh tại phạm rồi còn gì nữa.

(...) Chỉ e rằng mình ở trong nhà thánh, nhưng ý còn phạm phu tục tử, hờn giận ghen ghét đố kỵ, ố nhờn thắng kỷ,⁽⁴⁾ nói việc chẳng lành, làm việc chẳng lành, như vậy mới không xứng đáng là chớ.

Câu này nghĩa lý còn dài hơn nữa, nhưng hôm nay Bần Đạo chỉ nói những khía cạnh gần nhất đời sống chư hiền đệ muội đó thôi. Đừng tìm kiếm đâu xa, chỉ chung quanh mấy bài kinh nhật tụng, tìm hiểu đầy đủ nghĩa lý và thực hành cho đúng là đắc đạo tại trần.

⁽⁴⁾ ố nhờn thắng kỷ 惡人勝己: Ghét người khác (vì họ) hơn mình (hating others because they are better).

2.3. Tại Trúc Lâm Thiền Điện (Vĩnh Long), Tý thời, 17 rạng 18-7 Canh Tuất (Thứ Ba 18 rạng Thứ Tư 19-8-1970), Đức **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN** dạy:

Lâu nay, nhận thấy phần đông chư hiền đệ muội tụng đọc Ngũ Nguyên ở những câu:

“Nhứt nguyên Đại Đạo hoằng khai”, nhưng cứ ngồi khoanh tay chờ đợi quyền năng vô hình nào để đến hoằng khai cho mình.

“Nhì nguyên phổ độ chúng sanh”, nhưng cứ thu hình trong cái vỏ ốc ích kỷ ngàn đời và chờ đến phép màu vô lượng nào đó để đến cứu rỗi mình.

“Tam nguyên xá tội đệ tử”, nhưng cứ cố chấp những lỗi lầm, sơ suất của kẻ dưới, bề trên, và đồng đạo chung quanh, hoặc cầu khẩn Đức Chí Tôn tha thứ tội tình mà hằng ngày mình đã tạo.

“Tứ nguyên thiên hạ thái bình”, nhưng cứ để cõi lòng phóng túng băng quơ, chông chứa nhiều thị dục⁽⁵⁾ làm bận rộn do lớp bụi vô minh, không lúc nào được bình thản và sáng suốt.

Và cuối cùng, “Ngũ nguyên thánh thất an ninh”, mà cứ xem thường tôn ti trật tự trong Đạo, chơn truyền luật pháp lảng lơi, không chặt chẽ nghiêm minh.

Như thế ấy, dầu cho chư hiền đệ muội phải tụng suốt hằng bao nhiêu kiếp cũng chẳng khác nào nhai đi nhai lại cái bài khô khan vô bổ.

⁽⁵⁾ **thị dục** 嗜慾: Lòng ham muốn (*desire*). Thị và dục cùng nghĩa là ham muốn.

Để xây dựng lại vấn đề thực hiện thống hợp tâm linh tư tưởng, cần phải vạch rõ ý nghĩa cốt yếu của nó mới mong ý thức rõ ràng trên sự tụng niệm thường nhật.

Câu thứ nhứt: (...) Đạo là lý hư vô bàng bạc trong không thời gian và tất cả, thì tất cả đều hấp thụ sự sinh tồn bởi Đạo, cái Đạo vĩ đại vô cùng vô tận không kể xiết được.

Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo.

Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.

Đối với mình, không hủy hoại tinh thần hay thể xác bằng những vật dục sở tử, khí bầm sở câu,⁽⁶⁾ cũng là đúng theo Đạo.

Đối với gia đình, xử cho ra vẻ vai trò của mình trong địa vị cũng là đúng theo Đạo.

Đối với xã hội nhơn quần, đều lấy lòng nhân, trung nghĩa mà xử thế tiếp vật,⁽⁷⁾ không gây thù chác oán, chỉ đem tình thương của con người chính danh ban rải cho con người. Đó cũng là tuân theo Đạo.

⁽⁶⁾ **vật dục sở tử, khí bầm sở câu** 物欲所蔽, 氣稟所拘: Sự che lấp vì các ham muốn vật chất, sự trói buộc do tính khí bẩm sinh. (Tế là che lấp. Câu là hạn chế, giới hạn, gò bó. Bầm là có sẵn từ khi sinh ra. Tạm hiểu khí bầm là tính di truyền.)

⁽⁷⁾ **xử thế tiếp vật** 處世接物: Sống ở đời, ăn ở với đời, cư xử với mọi người (*conducting oneself in society*).

Và hơn nữa là đem chơn truyền pháp nhiệm của Đấng Cha Lành gieo rải cho toàn cả sanh linh tiếp nhận hầu trở về lẽ sống tự nhiên của nhân bản, của chơn như Phật thể. Ấy cũng là Đạo.

Hễ nói đến Đạo thì nói đến cái tiết điệu hoạt động của Đạo như thế nào.

Đấng Tạo Hóa sanh thành vạn vật bởi cái Đạo bao trùm, nên Ngài dưỡng dục quần sinh rất đầy đủ mà rất tự nhiên, không ai hay biết để tán thưởng ca tụng Ngài. Như mặt trời, mặt trăng giúp vạn vật sống còn theo định luật tự nhiên, mà mặt trời, mặt trăng có bao giờ nói mình đã làm gì đâu, có bảo thiên hạ vạn vật khen ngợi mình đâu.

Dòng nước từ biển cả cứ chảy luân lưu vào những sông ngòi, suối lạch. Chỗ nào trũng thấp không có nước, tức thì nước cứ êm đềm chảy đến đó cho đầy đủ mới thôi. Có bao giờ nước lại ham chảy lên gò lên chỗ cao tốt đâu.

Tất cả những tác vi điển hình trên đều là hành động của Đạo.

Là người tín đồ Đại Đạo của Trời, phải noi theo hành động của Trời mà làm theo. Khi làm được, tức thị ⁽⁸⁾ đã thể hiện, đã hoằng khai được Đạo vậy. Và khi đã thực hiện được lẽ Đạo ấy rồi, sự phổ độ chúng sanh ở câu thứ hai rất dễ dàng.

Chúng sinh nói chung, từ loài khoáng vật tế vi đến loài vĩ đại như con người.

Về chúng sinh rất nhỏ, ngay ở nội thân mình đã có. Muốn

⁽⁸⁾ **tức thị** 卽是: Chính là, ấy là.

phổ độ chúng thì mình không nên lạm dụng lãng phí những tế vi tế bào trong thân người, vì nhờ nó mà thể xác được tồn tại, được sống còn để lo chuyện cao xa.

Về chúng sinh vĩ đại, từ động vật, con người, muốn phổ độ thì phải tận dụng quyền năng nhân bản của mình đối với mọi vật mọi người. Không đánh đập, sát hại, gây gổ với bất cứ vật gì, người nào. Trái lại còn phải ban bố cho họ những tình thương Thượng Đế vốn sẵn bao giờ mà trên kia mình đã có.

Câu thứ ba là đối với tất cả mọi người chung quanh mình, từ trên tới dưới, từ lớn tới nhỏ, đều sẵn sàng khoan dung tha thứ, dù ai gây lỗi với mình cũng vậy. Một khi biết cầu khẩn Đấng Chí Tôn tha thứ lỗi lầm của mình, thì mình hãy thể theo lòng từ ái của Ngài để tha thứ anh em, chị em của mình tại thế gian, vì thế gian không phải là một cõi hoàn toàn thánh thiện, nên lắm điều còn ô trược, tránh sao những vấp phải lỗi lầm, hoặc nhiều hay ít cũng vậy.

Sự tha thứ, lòng từ bi bác ái không giới hạn ở đâu, nghĩa là vô biên, chớ chẳng phải chỉ tha thứ, chỉ bao dung rộng lượng đối với hạng dưới tay thân thuộc của mình, mà không tha thứ bao dung đối với kẻ thù nghịch, vì là con chung của Đấng Cha Lành. Với người bất nhơn thất đức, có được hạnh như vậy thì mới tiến được giai đoạn nữa là câu thứ tư “Thiên hạ thái bình”.

Mỗi khi cõi lòng của con người (thiên hạ) không còn chút vương vấn những thiên vị, những cố chấp bởi hoàn cảnh, bởi nhơn tâm chung quanh, thì tự nhiên sự bình tĩnh được phục hồi, không bận không lo điều sái lệch phải, điều thiệt lẽ hơn, cái thua cái được, niềm thương nỗi ghét. Thái bình lúc ấy được

lập lại nơi nội tâm con người vậy. Rồi con người cộng với hằng hà sa số con người thì ra thiên hạ. Khi mỗi thiên hạ được thái bình trong lòng rồi, thì thế giới thiên hạ đang ở sẽ không còn hỗn loạn, phân ly, xung đột với nhau nữa.

Sở dĩ con người không được thái bình nội tại, vì có tâm chấp trước. Một đảng thì muốn về Niết Bàn Cực Lạc hay Bạch Ngọc Kinh hưởng phước đời đời, một đảng thì muốn công danh chức tước vinh thân phì gia,⁽⁹⁾ và đảng khác lại sợ sa vào địa ngục chịu đầy đọa đời đời. Hỏi vậy con người nhiều dục vọng tham lam như thế, nội tâm có được thái bình chăng? Dĩ nhiên là không vậy.

Thiên hạ được thái bình rồi, bây giờ nói thêm câu cuối cùng: “Thánh thất an ninh”.

Mới nghe qua, những ai tò mò đều lấy làm ngạc nhiên, tại sao Đại Đạo Cao Đài chủ trương vạn giáo nhưt lý, đại đồng nhưn loại mà lại chỉ cầu nguyện cho một thánh thất, thánh tịnh, Hội Thánh mình an ninh, yên lành thôi? Không phải vậy đâu, chư hiền đệ muội.

Như chư hiền đệ muội đã hiểu: Thánh thể của Đức Chí Tôn gồm có ba phần: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Ba đài hiệp lại thành một thánh thể chung. Thánh thể hữu hình tượng trưng cho guồng máy Đại Đạo xoay vần trong càn khôn thế giới. Vì nếu hầu hết con người trên thế gian đều chấp nhận cái hình thức thánh thể ấy để đạt được cái lý siêu nhiên của Trời, của Đạo, gìn giữ được những báu vật cổ hữu của

⁽⁹⁾ **vinh thân phì gia** 榮身肥家: Bản thân được vinh hiển; gia đình phát đạt, thịnh vượng.

con người muôn thuở, thì càn khôn sẽ được an tịnh, thế giới sẽ được an ninh, phong hòa vô thuận,⁽¹⁰⁾ thế giới an khương.

Đó là ý nghĩa năm câu nguyện của đạo Thầy thường tụng niệm.

2.4. Tại Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc, Long An), Ngọ thời, 15-3 Bính Thìn (Thứ Tư 14-4-1976), Đức **NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN** dạy:

Nam mô:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,

Vì đời nào ngại chông gai dữ lành.

Nhi nguyện phổ độ chúng sanh,

Quyết đem hoằng giáo đạo lành giáo dân.

Tam nguyện tha tội bản thân,

Khoan dung phá chấp côi trần vô minh.

Tứ nguyện thiên hạ thái bình,

Tịnh tâm chế động muôn nghìn trái oan.

Ngũ nguyện thánh thất bằng an,

Hai ngày sóc vọng đăng đàn thuyết minh.

Trấn an tâm đạo nhân sinh,

Vai trò un đức đức tin đạo đồng.

HUỆ KHẢI soạn
20-10-2018

⁽¹⁰⁾ **phong hòa vô (vũ) thuận** 風和雨順: Gió hòa mưa thuận (favorable weather; good weather for crops); cùng nghĩa với **phong điều vũ (vũ) thuận** 風調雨順.

ĐẠO ĐỨC NGƯỜI XƯA

NGÔ BÁI THIÊN

1. Các tôn giáo hướng dẫn đời sống đạo đức của tín đồ đều nhấn mạnh tới giới răn về sắc (sex), tức tính dục.

Phúc Âm dạy nhiều về việc tránh xa tội gian dâm. Chẳng hạn:

1.1. “Thân xác con người không phải để gian dâm, mà để phụng sự Chúa, vì Chúa làm chủ thân xác.” (1 Côrintô 6:13)

1.2. “Ta đừng gian dâm (...).” (1 Côrintô 10:8)

1.3. “Ý muốn của Thiên Chúa là anh em nên thánh, tức là xa lánh gian dâm.” (1 Thêxalônica 4:3)

Gian dâm nghĩa là tà dâm, dâm bôn (sexual immorality). Trong những điều răn cấm, tội này thường được Phúc Âm kể ra trước tiên, sau đó mới nói tới các tội khác. Chẳng hạn:

1.4. “Vậy anh em hãy giết chết những gì thuộc về hạ giới trong con người anh em: ấy là gian dâm, ô uế, đam mê, ước muốn xấu và tham lam (...).” (Côlôxê 3:5)

1.5. “Chuyện gian dâm, mọi thứ ô uế hay tham lam, thì dù nói đến, anh em cũng phải tránh, như thế mới xứng đáng là những người trong dân thánh.” (Êphêxô 5:3)

1.6. “Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là: gian dâm, ô uế, phóng đãng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hòa, ghen tuông, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ganh tỵ, say sưa, chè chén, và những điều khác giống như vậy.” (Galát 5:19-21)

1.7. “Anh em hãy tránh xa tội gian dâm. Mọi tội người ta phạm đều ở ngoài thân xác mình, còn kẻ gian dâm thì phạm đến chính thân xác mình.” (1 Côrintô 6:18)

2. Đạo Nho nhấn mạnh tới việc giới sắc (ngăn cấm phóng túng về xác thịt). Nho sĩ khi học chữ **sắc** 色, hầu như đều được thầy giảng rằng nó gồm thanh **đao** 刀 (dao, kiếm: *knife, sword*) dè lên chữ **ba** 巴 (cận kề: *close to, next to*). Như vậy, thánh hiền khi tạo ra chữ **sắc** đã ngụ ý rằng gần thú vui xác thịt là cận kề với dao, kiếm, không mất mạng thì cũng dễ đổ máu.

Do chữ **sắc** chiết tự dính dáng tới đao, kiếm như thế nên trong đạo Lão có bài thơ tương truyền là lời Đức Lữ Động Tân (Lữ Tổ) răn dạy đàn ông hiếu sắc như sau:

二八佳人體似酥
腰間仗劍斬愚夫
雖然不見人頭落
暗裡教君骨髓枯

Nhị bát giai nhân thể tự tô
Yêu gian trượng kiếm trảm ngu phu
Tuy nhiên bất kiến nhân đầu lạc
Ám lý giao quân cốt tủy khô.

Dũ Lan dịch:

Đôi tám gái xinh vóc nõn nà
Lưng eo đeo kiếm chém trai ngu
Tuy không nhìn thấy đầu người rụng
Ngầm hại cho chàng xương tủy khô.

(Đại Đạo Văn Uyển, Tập Lợi, số 23, 2017, tr. 86.)

Sau đây là một vài danh Nho được truyền tụng về tấm gương giới sắc ở Trung Quốc và Việt Nam.

2.1. Địch Nhân Kiệt (630-700) thành danh vào đời nhà Đường. Thuở còn trẻ, ra kinh thành dự thi, dọc đường Địch Nhân Kiệt ghé vào quán trọ nghỉ ngơi. Trong đêm có một góa phụ trẻ đẹp lén đến gặp ông ở phòng ngủ, lả lơi quyến rũ. Ông sắp sa ngã song cưỡng lại được vì nhớ đến câu *Hoàng Thiên bất khả khi* 皇天不可欺 (không thể lừa dối Trời). Thế là ông ứng khẩu đọc cho nàng nghe bốn câu thơ như sau:

美色人間至樂春
我淫人婦婦淫人
若將美色思亡婦
遍體蛆鑽滅色心

*Mỹ sắc nhân gian chí lạc xuân
Ngã dâm nhân phụ, phụ dâm nhân
Nhược tương mỹ sắc tư vong phụ
Biến thể thư toàn diệt sắc tâm.*

Lưu ý rằng chữ *xuân* trong câu đầu không có nghĩa là mùa xuân. Từ xưa người Trung Quốc đã dùng chữ xuân để ám chỉ tính dục, chẳng hạn: *xuân tâm*, *xuân tình*, *xuân ý* (tình ham muốn giữa trai gái); *xuân bệnh* (bệnh trai gái nhớ nhau mà chẳng được gần nhau; tương tư); *xuân công*, *xuân cung*, *xuân họa* (tranh vẽ sinh hoạt tính dục); *xuân sách*, *xuân thư* (sách sưu tập tranh vẽ sinh hoạt tính dục); *xuân dược*, *xuân phương* (aphrodisiacs; các loại thuốc trợ giúp sinh hoạt tính dục); *xuân sự* (việc chăn gối)... (Xem thêm: *Xuân Không Chỉ Có Nghĩa Là Mùa Xuân*, nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc*, số 255, tháng 3-2016, tr. 139-144.)

Bài thơ của Địch Nhân Kiệt tạm diễn nghĩa như sau: *Sắc đẹp đàn bà cho cái thú rất sướng vui trên đời / Nhưng ta gian dâm vợ người khác thì (quả báo là) vợ ta cũng sẽ gian dâm kẻ khác / Trước sắc đẹp nếu nghĩ tới chuyện sẽ mất vợ (vì vợ gian dâm kẻ khác) / Và toàn thân bị giòi đục khoét (khi chết, sắc đẹp chẳng còn) thì diệt được lòng hiếu sắc.*



Người đẹp không hiểu, xin ông giải thích bài thơ. Nghe cắt nghĩa xong thì nàng hối hận, xin ông tha lỗi rồi chào ra về.

Hôm sau tại triều đình, vua Đường Thái Tông hỏi quân sư Lý Thuần Phong xem khoa thi này ai đậu trạng nguyên. Đạo sĩ Lý Thuần Phong về nhà làm lễ rồi xuất hồn lên Thiên Đình. Sau đó ông vào triều tâu rằng bảng trên trời ghi sáu chữ *Hỏa khuyến nhị nhân chi kiệt* 火犬二人之傑 và bên cạnh bảng cấm một lá cờ chép một bài thơ tứ tuyệt. Lý đạo sĩ đã chép bài thơ ấy, liền dâng lên vua. Vua sai bỏ vào hộp, niêm phong cất đi, chờ xem ứng nghiệm.

Khi Nhân Kiệt đỗ trạng nguyên vào triều bệ kiến, vua vỡ lẽ sáu chữ trên bảng trời chính là họ tên ông, vì *hỏa khuyến* 火犬 ráp lại là *Địch* 狄; *nhị nhân* 二人 ráp lại là *Nhân* 仁; *kiệt* là *Kiệt* 傑. Vua hỏi chuyện Nhân Kiệt thì biết thêm bài thơ trên lá cờ chính là bốn câu ông ứng khẩu trong quán trọ để cự tuyệt người đẹp.



2.2. Cùng làm quan to đời nhà Tống, Vương An Thạch (1021-1086) lãnh đạo phe cải cách (gọi là *tân đảng*), còn **Tư Mã Quang** (1019-1086) lãnh đạo phe bảo thủ (gọi là *cựu đảng*).

Trong quyển *Tô Đông Pha* (Hà Nội: Nxb Văn Hóa Thông Tin, 2003, tr. 91), Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) viết: “*Cầm đầu tân đảng là Vương An Thạch, cầm đầu cựu đảng là Tư Mã Quang. Tư tưởng tuy đối chọi nhau, nhưng cả hai đều thành thực, liêm khiết, đời tư rất nghiêm chỉnh.*”

Sau đây là chuyện về “*đời tư rất nghiêm chỉnh*” của hai vị danh thần ấy, kể lại theo Nguyễn Hiến Lê (tr. 91-93):

Một lần bà Vương An Thạch không hỏi ý chồng, tự tiện kiếm một nàng hầu cho ông. Khi nàng đó vào chào Vương, ông ngạc nhiên hỏi: “Việc gì vậy?”

Nàng đáp: “Bẩm, phu nhân bảo thiếp vào hầu quan lớn.”

Hỏi: “Nhưng nàng là ai?”

Đáp: “Bẩm, chồng thiếp ở trong quân đội, đi tải lương, lỡ để chìm mất một thuyền lúa. Vợ chồng thiếp bán hết nhà cửa vườn đất để bồi thường mà vẫn không đủ, nên chồng thiếp đành phải bán thiếp cho phu nhân.”

Hỏi: “Bán được bao nhiêu?”

Đáp: “Bẩm, chín trăm đồng.”

Vương An Thạch cho gọi người chồng tới, bảo phải dắt vợ về nhà và cứ giữ trọn số tiền đó.

Một chuyện gần giống vậy đã xảy ra cho Tư Mã Quang. Hồi ông mới làm một chức quan nhỏ, hai vợ chồng ăn ở với nhau mấy năm mà chưa có con. Thấy vậy, bà vợ cấp trên của ông bàn bạc với bà Tư Mã lên kiếm cho ông một nàng hầu đem vào dinh. Nhưng ông không hề để ý đến nàng đó, làm như không biết có nàng trong nhà. Vợ ông nghĩ rằng chồng còn ngượng vì có vợ bên cạnh; do đó, một buổi tối bà kiếm cớ xin phép chồng đi ra ngoài và dặn nàng hầu đợi bà đi khỏi rồi thì trang điểm cho đẹp mà bước vào phòng ông. Khi Tư Mã Quang thấy nàng hầu vào, ngạc nhiên hỏi: “Phu nhân đi vắng mà sao dám vào đây?” Rồi đuổi nàng ra ngay.

Tư Mã Quang quê ở Hạ Huyền, Thiểm Tây, đậu tiến sĩ dưới triều vua Tống Nhân Tôn, chuyên về sử học, có chí nổi gót sử gia Tư Mã Thiên (145-86 trước Công Nguyên) nhưng nhà nghèo, ông không đủ phương tiện sưu tập tài liệu.

Vua Tống Anh Tôn nghe danh, triệu ông vào kinh, giao cho việc soạn bộ sử *Tư Trị Thông Giám* 資治通鑑. Vua biệt đãi

ông, cho ông lập riêng một thư cục ở Sùng Văn Viện, tha hồ dùng các kho sách của vua. Khi Tư Mã Quang ra làm quan ở một tỉnh, vua còn cho phép ông chở hết sách trong thư cục theo. Nhờ vậy, sau hai mươi lăm năm cặm cùi ghi ghi chép chép, ông hoàn thành bộ sử đồ sộ danh tiếng đó, gồm 294 quyển cộng thêm 30 quyển phụ lục, chép lại các việc từ đời Chiến Quốc tới đời Ngũ Đại (trong khoảng 1.362 năm), và dừng lại ở đầu đời Tống.

Danh tiếng Tư Mã Quang vang lừng cả nước. Bởi ngưỡng mộ quá, Lưu Mông bán hết cả ruộng đất được năm chục vạn đồng tiền, rồi đem tặng tất cả cho ông, nói là để ông mua một nàng hầu về chăm thuốc, mài mực. Tư Mã Quang viết thư cảm tạ, nhưng nhất quyết từ chối món quà lạ đời ấy. Lưu Mông không biết rằng mỗi ngày Tư Mã Quang cặm cùi ghi chép tài liệu dày đặc ba mét rưỡi giấy (khoảng mười lăm trang giấy), bản thảo của ông chứa chật cả hai gian phòng. Bao nhiêu tâm trí đã dồn hết vào học thuật, thì sử gia Tư Mã đâu còn bụng dạ nào mà nghĩ đến hầu thiếp nữa.

2.3. Ở nước ta vào đời Lê trung hưng (1533–1789) có ông Vũ Phương Đề (1697-?) là người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương. Ông thi đậu tiến sĩ năm 1736, làm quan đời vua Lê Ý Tông. Ông có viết quyển *Công Dư Tiệp Ký* 公餘捷記 (Ghi nhanh lúc rảnh việc công đường), với lời Tựa do ông viết năm 1755.

Theo *Công Dư Tiệp Ký*, quyển I, do Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch (Sài Gòn: Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 1961, tr. 53), cùng làng Mộ Trạch với tác giả có ông **Vũ Công Đạo** (1629-1714). Ông Đạo làm quan đại thần trong phủ Chúa Trịnh. Khi ông Đạo làm quan đốc đồng tại Sơn Nam, có kẻ thuộc hạ nhân lúc

vợ quan đi vắng bèn đưa một cô ca nhi trẻ đẹp vào dinh dâng cho thượng cấp, thâm ý là mua chuộc cấp trên. Nào ngờ ông Đạo mắng nhiếc y thậm tệ, bắt phải đưa cô gái ấy ra ngoài lập tức. Ông Đạo làm quan to nhưng không hề có hầu thiếp, cả đời chung thủy với người vợ cưới từ lúc hàn vi.

2.4. Một danh Nho đời Nguyễn nước ta là **Phan Thanh Giản** (1796-1867) khi đang làm quan tại kinh đô (Huế) thì phu nhân ngài là bà Trần Thị Hoạch vẫn ở quê chồng (làng Bảo Thạnh, tổng Bảo Trị, huyện Bảo An, phủ Hoằng An, tỉnh Vĩnh Long) để phụng dưỡng cha chồng. Bà Hoạch tự ý tìm cho chồng một người hầu thiếp (tên Thịnh), rồi bảo con trai thứ hai là Phan Hương đưa nàng ấy ra Huế để thay bà chăm sóc chồng.

Nhưng ngài Phan không chịu, bảo nàng ấy trở về quê lấy chồng, và căn dặn phải tìm một Nho sĩ hay là người làm ruộng mà kết duyên. Sau đó ngài hỏi về những món nữ trang của nàng. Nghe đáp là do bà Hoạch sắm, thì ngài cho nàng giữ luôn số nữ trang đó.

Lại truyền rằng ngài Phan ưa trồng bông quỳ (hướng dương) trước công đường và nơi tư dinh. Khi ngài về làm việc ở Vĩnh Long, gần một bên dinh ngài là dinh tổng đốc Vĩnh Long (tên Trương Văn Uyển). Một hôm, ông Uyển đến



Phan Thanh Giản (Paris, 1863)

Ảnh: Jacques-Philippe Potteau (1807-1876)

thăm ngài, thấy ngài thui thủi một mình thì hỏi: “Sao quan lớn không dụng hầu thiếp?”

Ngài trả lời: “Tôi không có đủ ngày giờ mà lo việc quốc gia, lấy ngày giờ đâu lo việc hầu thiếp. Tôi có trồng bông quỳ chung quanh dinh nhiều lắm. Khi nào buồn, ra xem bông cũng đủ vui, can chi phải dùng hầu thiếp cho cực lòng rộn trí.” (Xem nguyệt san *Công Giáo Và Dân Tộc*, số 285, tháng 9-2018, tr. 129-131.)

3. Các tôn giáo có một số cách giúp tín đồ ngăn ngừa gian dâm. Thánh Phaolô chỉ ra một cách thức như sau:

“Đàn ông không gần đàn bà là điều tốt. Nhưng để tránh sự cám dỗ gian dâm (the temptation to sexual immorality), thì mỗi người hãy có vợ có chồng. Chồng hãy làm tròn bốn phận đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy. (...) Với những người độc thân và quả phụ, tôi nói thế này: Họ cứ ở vậy như tôi thì tốt cho họ (it is good for them to remain single, as I am). Nếu không tiết dục được, họ cứ kết hôn, vì thà kết hôn còn hơn là để dục vọng thiêu đốt (it is better to marry than to burn with passion).” (1 Côrintô 7:1-3; 8-9)

Đối với các cặp vợ chồng, cách thức do Thánh Phaolô dạy bày có hiệu quả hay không lại còn tùy thuộc vào đức chung thủy của mỗi người.

NGÔ BÁI THIÊN

21-9-2018

► Luận Ngữ (15-13): *Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã. 吾未見好德如好色者也.* (Ta chưa thấy ai thích đạo đức như thích nữ sắc.)

THƠ PHÙNG QUANG THUẬN

1. VỀ THĂM MẸ

Con về thăm Mẹ ngày gió chướng
Gió tự đồng xa thổi mát lòng
Nghe trong ngọn gió mùi thơm rạ
Có chút mùi hương tóc Mẹ già

Con về thăm Mẹ năm gần hết
Đường xe đi vào bóng mặt trời
Nhà ta ở cuối con đường đỏ
Dưới đám mây hồng xa viễn khơi

Con về thăm Mẹ chiều tháng Chạp
Đã thấy mai vàng nở trước sân
Đâu đó sân chùa treo phướn đỏ
Tai nghe tiếng Mẹ vắng trời không

Con về thăm Mẹ ba ngày Tết
Tuổi Mẹ giờ đây như hạc vàng
Tết này sum họp thêm lần nữa
Biết còn mấy Tết Mẹ an khang...

2. MẸ

Lòng Mẹ như biển cả
Con chỉ là hạt sương
Nghìn kiếp không thể trả
Dù con là đế vương...

3. HOA ĐÀO

Xuân nhẹ theo sương lan trên cỏ
Tơ giăng trời lạnh mùa hoa đào
Những đóa mới nở chào gốc cũ
Ta ngồi đây hồn ở phương nào?

4. HOA QUỲNH

Quỳnh hoa thầm nở trong đêm tối
Tôi lang thang, thơ thẩn bên đời
Hoa tỏa hương, vào đêm tĩnh lặng
Tôi ngu ngơ thả những vầng trôi.

5. SÔNG TIỀN

Trái thơm mùa chín trĩu bờ sông
Khách thuyền muốn hái rồi lại không
Cắm sào trên bến ngồi lặng ngắm
Mơ mái nhà tranh, ngọn lửa hồng.

6. BẠC LIÊU

Chim thiên di về trong gió chướng
Bãi lầy xa gốc nhãn trơ già
Có phải bao hồn người khai phá
Trở về ăn Tết với quê hương.

7. NHA TRANG

Quãng đường đen ôm bờ cát trắng
Nước xanh đùa với nắng hanh vàng
Đảo nhỏ im lìm trên biển vắng
Lưng trời én lượn đón mùa sang.

8. KON TUM

Chiều chưa tàn mù sương đã vương
Núi xanh xa cũng nhuộm sắc buồn
Phố lạnh đu đưa chiều tịch mịch
Độc ẩm bên lầu nhớ cổ hương.

9. CHIỀU CUỐI NĂM

Cuối năm lạnh một mình đi giữa phố
Bước khờ khờ trên năm tháng bơ vơ
Đi tìm ai? Mà đâu có ai chờ...
Sao lú lẫn vẫn lang thang tìm mãi
Một thoáng ấy bây giờ là muôn thuở
Là thiên thu ngàn lá úa xa cành
Ngày nắng ấm đã đi vào lạnh giá
Người tìm người trong trời đất bao la...
Ngư tầm ngư còn mãi thời tầm mã
Ta tầm ai...? Sao ta lại quên rồi!
Chiều cuối năm la cà qua phố lạ
Ta tìm gì sao không biết vậy ta... ?!

PHÙNG QUANG THUẬN

CƠ DUYÊN VÀO ĐẠO CAO ĐÀI



Hiền huynh Võ Trọng Điểm

VÕ TRỌNG ĐIỂM

Hơn hai mươi hai năm về trước, tề đệ đi kinh tế mới, sống ở vùng sâu vùng xa. Rồi cuộc đời đưa đẩy, tề đệ lần hồi trôi dạt về gần họ đạo Trung Chính (ở phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa).

Thân mẫu tề đệ hồi tám tuổi đã được gửi vào chùa Phật. Khi thân mẫu mười sáu, mười bảy tuổi thì được ông bà ngoại xin sư thầy cho hoàn tục, rồi lập gia đình. Tề

đệ chào đời, có làm thiếu niên Phật tử một thời gian. Nhưng khi trưởng thành, tề đệ thật sự không phải là Phật tử.

Duyên may, tề đệ được gặp quyển *Nữ Trung Tòng Phận* do Đức Đoàn Thị Điểm giảng cơ ban cho. Tề đệ đọc quyển này, thấy xúc động vì lời thơ quá hay, dạy phụ nữ biết đạo làm vợ, đạo làm mẹ, đạo làm con dâu, rất đầy đủ. Nhờ quyển này, tề đệ lần đầu tiên biết được kinh Cao Đài, tự dừng mến thích, và ngạc nhiên khi nhớ ra đã có những lần tề đệ nghe thiên hạ nói xấu tôn giáo này. Lần hồi, tề đệ dọn lòng ăn chay trường, bỏ hút thuốc lá, không còn đi bắt heo chớ mướn cho các lò mổ nữa. Có lẽ được Ôn Trên phù hộ, nên tề đệ ăn chay chỉ



Thánh thất Trung Chính (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

toàn rau tương, muối dưa đậm bạc mà vẫn thấy rất ngon miệng, thân thể khỏe mạnh, tâm hồn sáng khoái.

Một hôm, tề đệ hết giờ chạy xe ôm, trở về nhà thì gặp người quen rủ ngồi vào bàn nhậu. Tề đệ nói mình ăn chay, không nhậu được, thì bị mấy anh buông lời chỉ trích. Tề đệ nhẩn nhin, cảm ơn mấy ảnh mời mọc rồi chào tất cả ra về.

Một vài vị chức việc trong thánh thất Trung Chính cho tề đệ mượn kinh sách Cao Đài đọc, mượn đĩa CD để nghe thêm các bài giảng. Tề đệ say mê nghe, nghiền ngẫm đọc, không biết mệt mỏi. Rồi tề đệ khẩn nguyện, xin Ông Trên soi dẫn, chỉ lối cho tề đệ chọn đúng một chánh pháp cho bản thân.

Thế rồi một đêm nọ tề đệ nghe như có lời ai khuyên nhủ trong giấc ngủ. Vị ấy nói: *Thầy đã chứng minh cho con rồi; con hãy nhập môn để vào đạo Cao Đài.* (Chuyện đã quá lâu, tề đệ không nhớ được ngày tháng.) Sáng hôm sau, tề đệ kể lại chuyện đó cho một đạo tử (là bạn đời đạo huynh Trưởng Ban Phổ Tế). Thế rồi tề đệ quyết định nhập môn tại thánh thất Trung Chính để trở thành tín đồ Cao Đài, tu theo sự dìu dắt của quý chức sắc thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

*Đệ đây học ít, dốt nhiều
May duyên gặp Đạo, sớm chiều học tu
Hai bên nội ngoại mặc dù
Chưa ai giác ngộ vào tu Cao Đài
Lòng thành cầu nguyện xin Thầy
Độ cho con trẻ kiếp này trọn xong
Đời con khỏi lụy trần hồng.*

VÕ TRỌNG ĐIỂM

Thánh thất Trung Chính, 20-9-2018

TÌM VỀ

Tìm tổ ấm chim kia rạch gió
Nhập bầy đàn cá ngược dòng bơi
Thuyền chòng chành biển sóng chơi vơi
Người chí quyết về nơi nguồn cội

Cội nguồn từ thuở tách ra đi
Buông mái chèo xuôi khó nhọc chi
Giật mình, điểm khởi xa vời vợi
Quày lại, ôi thôi chẳng dễ gì

Dẫu chẳng dễ gì cũng phải quay
Phong ba bão táp giữa dòng xoay
Thuyền kia vững lái qua ghềnh thác
Chi xiết gian nan với dạn dày

Dạn dày nắng hạ với mưa đông
Quê cũ nhà xưa bao đợi trông
Trông kẻ lạc dòng năm tháng ấy
Vui ngày trở lại thỏa niềm mong.

ĐỖ THỊ KẾT

NHÌN LẠI

Cuối mùa còn một chút mưa rơi
Hạt nhớ, hạt thương, hạt ngậm ngùi
Mai sau có trăn mình trong nắng
Vẫn nhớ mưa buồn rót lệ rơi.

TRẦN KIỀU BẠC

THƠ XUÂN GỬI BẠN

Anh ở cách tôi xa thật xa
Chẳng được cùng nhau uống chén trà
Anh chốn thị thành vui đón Tết
Tôi miền sơn dã gió sương pha

Ta quen biết nhau bởi Đạo Thầy
Anh lo hoảng giáo đó cùng đây
Tôi thân bệnh tật cam an phận
Năm tháng vui buồn với nước mây

Chút duyên hội ngộ mấy năm dài
Vẫn biết ai hằng nhớ nghĩ ai
Tết đến khắp trời chim én liệng
Vườn xuân vàng rực sắc hoa mai

Chúc anh vui vẻ đón xuân về
Cái nợ dâu xanh vẫn mãi mê
Vườn Đạo bốn mùa hoa thơm tỏa
Thơm từ phố thị đến miền quê.

TRẦN DÃ SƠN

LƯỢM GẠO

Lời Mẹ dặn con hồi thơ trẻ
Hạt gạo như vàng, quý biết bao
Lượm hạt gạo rơi lòng nhớ Mẹ
Lời dạy còn ghi, Mẹ chốn nào?

TRẦN KIỀU BẠC



KỆ XƯA

勤掃伽藍地
時時福慧生
若無塵客至
亦有聖人行

Cần tảo già lam địa
Thời thời phước huệ sanh
Nhược vô trần khách chí
Diệc hữu Thánh Nhân hành.

Huệ Khải dịch:

Siêng quét đất chùa thất
Thường sanh phước huệ đa
Khách đời nếu chẳng đến
Cũng có Thánh Thần qua.

TRANH TẾT, MỘT VỐN CỔ QUÝ BÁU

ANH NGỌC

Bài mà bạn sắp học đây là của Văn Ngọc, một kiến trúc sư, họa sĩ, và một nhà nghiên cứu văn hóa (nay đã mất).

Bài học này dễ hiểu. Nhưng để hiểu cho sâu sắc giá trị tranh Tết, bạn nên đặt mình vào người dân Việt ở nông thôn Việt Nam xưa, đặt mình vào người nghệ sĩ sống trong dân, hiểu được niềm vui và nỗi lo âu của người dân, và bạn sẽ thấm thía cảm hứng nghệ thuật của những cây bút vẽ sáng tạo của dân.

Tranh Tết Việt Nam là một truyền thống dân gian có từ lâu đời,⁽¹⁾ một hiện tượng văn hóa nghệ thuật độc đáo hiếm

⁽¹⁾ Điều mà người ta biết chắc chắn nhất là ở làng tranh Đông Hồ, dân làng hiện nay vẫn còn thờ ông tổ sư của nghệ in tranh là Lương Nhữ Hộc, đồ thám hoa đời Lê Thánh Tông (1434-1442), sau khi đi sứ nhà Minh về đã “cải tiến” kỹ thuật khắc ván in cổ truyền và đã truyền dạy lại cho dân quê mình ở Hồng Lục và Liễu Tràng. Nhưng có giả thuyết lại cho rằng nghề in tranh có thể đã xuất hiện sớm hơn, vì thời nhà Lý kỹ thuật làm giấy và nghệ thuật chạm khắc đã phát triển cao và năm 1040, nhà vua đã cho in hàng nghìn kinh Phật. (Tuy nhiên, cũng cần biết rằng giữa in kinh Phật và hình vẽ Phật với in tranh dân gian có nhiều màu sắc là cả một chặng đường dài. Ở Nhật Bản, chẳng hạn, nó đã phải trải qua chín thế kỷ!). Thời nhà Trần đã để lại một số hình vẽ trên gốm hoa nâu, có cách nhìn, cách vẽ rất gần với tranh Đông Hồ. Cuối đời nhà Trần, vào năm 1396, Hồ Quý Ly đã cho in tiền giấy có vẽ hình rồng, sóng, mây, rùa, lân, phượng và rồng, v.v... Song đây chỉ là nói về trình độ kỹ thuật, còn truyền thống chơi tranh và in tranh ngày Tết có từ bao giờ thì chưa thấy có tài liệu nào nói đến.

thấy ở trên thế giới.

Những bức tranh Tết được sản xuất tập trung trong hai tháng 11 và 12 âm lịch ở Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội), hay ở Kim Hoàng (Hoài Đức, Hà Nội)... vào những ngày giáp Tết được đưa đi bán ở khắp thành thị thôn quê. Thời điểm bán tranh và chơi tranh cũng rất ngắn ngủi, chỉ giới hạn vào ngày trước Tết và sau Tết. Chỉ độ mừng 4, mừng 5 Tết, ở thành thị, các hàng tranh bày bán ở hè phố đều phải dọn đi, để cho các cửa hàng mở lại, các ông đồ viết câu đối thuê cũng dẹp chiếu trở về làng, ở các chợ quê, nếu còn tranh, cũng không bán được cho ai nữa, vì người ta mua tranh cốt chỉ để trang hoàng cho ba ngày Tết.

Với màu sắc rực rỡ, đường nét khỏe mạnh, duyên dáng, ý nghĩa dí dỏm, sâu sắc, đôi khi đầy tính chất châm biếm, hài hước, những bức tranh Tết được dán thẳng lên tường vách đất, hay lên cánh cửa, cánh cổng, làm bừng sáng những ngôi nhà nơi thôn dã vốn chỉ là nhà tranh vách đất. Nhà khá giả có tường gạch quét vôi, có gian nhà khách rộng, có hoành phi câu đối, thì thường chơi tranh tứ bình, tứ quý. Trẻ con thì chơi tranh lợn gà, đem dán lên cửa hay vách buồng mình.

Tranh Tết có hai dòng tranh chính là Đông Hồ và Hàng Trống. Ngoài ra còn có tranh đỏ Kim Hoàng cũng có những nét nghệ thuật riêng, đáng chú ý.

Trung tâm sản xuất tranh Đông Hồ là làng Đông Hồ, xưa là làng Sen Hồ, gọi tắt là làng Hồ, thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc Hà Bắc.

Trung tâm sản xuất tranh Hàng Trống là khu vực phố Hàng Trống, Hà Nội, có lẽ xưa phạm vi hoạt động của tranh

Hàng Trống lan rộng sang cả mấy phố lân cận như Hàng Hòm, Hàng Mành, Hàng Quạt, Mã Vĩ, Hàng Nón... Dù sao thì những người thợ thủ công phục vụ cho các sinh hoạt văn hóa hội hè thờ cúng đều tập trung cả ở một khu phố cổ nhỏ bé của Hà Nội: Từ Hàng Trống (đồ cúng lễ) đến Hàng Gai (đồ chơi Tết Trung Thu bằng giấy), Hàng Mã (đồ mã), xuống Hàng Hòm, Hàng Mành, Hàng Quạt, Mã Vĩ (đồ thờ cúng), Hàng Thiếc (đồ chơi Trung Thu bằng sắt tây), rồi Hàng Bút (nơi bán mực tàu, giấy bán, giấy dó và các thứ phẩm màu), Hàng Bờ (cũng là nơi bán giấy, phẩm, pháo và nhất là nơi các phường tranh tập trung bày bán tranh ngày Tết).

Hai dòng tranh Đông Hồ và Hàng Trống có những đặc điểm khác nhau về cả mặt kỹ thuật, nghệ thuật, lẫn cách làm ăn.

Nghệ nhân ở làng Hồ làm nghề nông là chính, sau mùa tranh và mùa pháo lại quay trở về với công việc đồng áng, cho đến tháng 7, tháng 8 mới quay ra làm đồ mã phục vụ cho ngày 14-7 (âm) và Tết Trung Thu.

Ngược lại, nghệ nhân Hàng Trống, mặc dù cũng xuất thân từ nông thôn (thôn Tụ Tháp), nhưng từ lâu đã bỏ hẳn nghề nông, cho nên ở đây ngoài tranh Tết ra, các nghệ nhân còn vẽ các loại tranh thờ, tranh truyện và làm các đồ phục vụ việc thờ cúng, lễ lạt và các phường tuồng như: cờ, quạt, trống, lọng, áo xiêm, mũ mấn, v.v... để bán quanh năm.⁽²⁾

Tranh Đông Hồ thường được in trên giấy dó phết điệp (điệp là một chất liệu làm bằng vỏ con điệp tán nhỏ mịn trộn

với hồ nếp rồi quét lên giấy dó bằng chổi lá thông, để lại trên mặt giấy những vệt song hành óng ánh). Có thể vào những năm 1940, tranh Đông Hồ khổ nhỏ truyền thống (0,25 x 0,355m) đã phải in trên giấy tây do điều kiện khó khăn lúc ấy, gọi là tranh hàng, hay tranh gam (tiếng Pháp *rame* giấy),⁽³⁾ nhưng sau này đã trở lại hoàn toàn với hình thức cũ, trừ tranh thờ, tranh tứ bình, tranh truyện khổ lớn, khó làm bằng giấy dó hơn. Ngược lại, tranh Hàng Trống bao giờ cũng in trên giấy in báo (giấy Hà Đông, hoặc giấy nhập).

Nói về kỹ thuật làm tranh Tết, trước hết, khâu vẽ mẫu tranh là khâu quan trọng nhất. Khâu này được bảo đảm bởi những nghệ nhân có trình độ văn hóa cao, có hoa tay và nhiều sáng kiến. Tranh Đông Hồ cũng như tranh Hàng Trống đều có những nghệ nhân giỏi mà danh tiếng đã để lại đến đời sau.

Khâu khắc ván in cũng là một khâu quan trọng không kém. Các nghệ nhân ở khâu này đều là những thợ chạm khắc gỗ có tay nghề giỏi. Ở Đông Hồ có thợ chạm khắc gỗ ở ngay tại làng. Ở Hàng Trống, thợ khắc gỗ lại ở Hàng Gai, hoặc trong đền Ngọc Sơn.

Trên tranh Đông Hồ nét vẽ và các mảng màu đều được in bằng ván khắc (ván in nét làm bằng gỗ thị, gỗ mỡ, hay gỗ lòng mực; ván in mảng màu làm bằng gỗ giổi, hay gỗ vàng tâm). Mỗi mảng màu là một ván khắc riêng biệt, không tô bằng tay, cũng như không vờn màu...

Tranh Hàng Trống, ngược lại, chỉ in nét vẽ đen bằng ván khắc thoi, còn các mảng màu được tô bằng bút lông và

⁽²⁾ Nguyễn Bá Văn và Chu Quang Trứ, *Tranh Dân Gian Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Văn Hóa, 1984.

⁽³⁾ Đạo Uyển chú: 500 tờ giấy gọi là một *rame* (tiếng Anh: *ream*).

thường hay sử dụng kỹ thuật cán màu (còn màu bên đậm bên nhạt bằng một nhát bút).

Khâu in cũng lại do những người chuyên môn in trách nhiệm, người in nét vẽ, người in mảng, tô màu, v.v...

Màu trên tranh Đông Hồ là những màu thuốc cái nguyên chất lấy từ thảo mộc, hoặc khoáng sản trộn với hồ nếp: màu trắng điệp như đã trình bày ở trên, màu vàng ươm lấy từ hoa hòe hay hạt dành dành, màu đỏ vang lấy từ gỗ cây vang nấu lên, màu đỏ son lấy từ hòn son tán nhỏ, màu xanh chàm lấy từ lá chàm ngâm vôi, màu đen xối lấy từ than rơm và than lá tre khô.⁽⁴⁾

Màu trên tranh Hàng Trống cũng dựa trên năm màu (*ngũ sắc*), nhưng tranh Hàng Trống dùng nhiều chất phẩm nhập nên có nhiều màu hơn, cộng thêm vào là những màu pha: màu đỏ son, đỏ tím (hồng điều), đỏ tím thắm (cánh quế); hồng tươi (cánh sen), hồng mát (hoa đào); vàng nghệ (vàng thắm), hoàng yến (vàng nhạt); đen mực tàu; xanh lục, xanh lam, hoa hiên, hoa lý, v.v... Đáng chú ý là trên một số tranh thờ Hàng Trống, các nghệ nhân còn dùng cả các màu kim nhũ và ngân nhũ, theo truyền thống dân gian sử dụng những chất liệu lóng lánh như vàng như bạc, hoặc như gương trên các đồ thờ hàng mã, trên đầu sư tử và đồ chơi Tết Trung Thu.

Tranh Hàng Trống do phải chiều theo thị hiếu của thị dân nên đã mang khá nhiều những ảnh hưởng của tranh Trung Quốc, không chỉ riêng về đề tài, mà còn cả về nét vẽ, màu sắc, về kỹ thuật vờn bóng... Ảnh hưởng này thấy rõ trên những bức tranh như: Thất Đồng, Tam Đa, Cá Chép Trông Trăng,

⁽⁴⁾ Maurice Durand, *Imagerie Populaire Vietnamienne*. EFEO, 1960.

Công, Tứ Quý, Kiều, Phương Hoa, v.v...

Nói về màu sắc của tranh Tết và khiếu thẩm mỹ của người nông dân, một học giả đã có những lời bình luận giàu hình ảnh như sau:

“Tranh gà, tranh lợn đỏ như xôi gấc, vàng như lúa chín, xanh như lá mạ, hay vàng như nghệ kho cá, xanh như cốm non, đỏ như ngô già, nâu như đất cày, toàn những màu sắc quen thuộc thân-mến từ bao nhiêu đời người rồi. Những màu sắc ấy in sâu vào tâm-não nông dân, hết thế hệ này đến thế hệ khác thành những màu sắc dân tộc rồi. Những màu sắc xanh đỏ chói rục của tranh Tàu, tranh Tây nó chướng quá, nó không mộc mạc, quen thuộc như những màu xanh, đỏ thô kệch, đậm đậm, thật thà, của tranh lợn, tranh gà.”⁽⁵⁾

Nội dung và đề tài của tranh Tết có thể được chia ra làm nhiều loại:

- Tranh chúc tụng: Gà đại cát - Nghinh xuân, Gà thư hùng, Gà đàn, Lợn đàn, Vinh hoa, Phú quý...

- Tranh thờ: Táo Quân, Vũ Đình - Thiên Ất, Thập Điện, Ngũ Hổ, Tứ Phủ, Tam Phủ, Thánh Mẫu Thượng Ngàn, Ông Hoàng cưỡi ngựa cầm quân, v.v...

- Tranh châm biếm: Đánh ghen, Thầy đồ cóc, Đám cưới chuột, Văn minh tiến bộ...

- Tranh sinh hoạt xã hội: Sĩ nông công thương, Chợ quê, Trâu sen, Đánh vật...

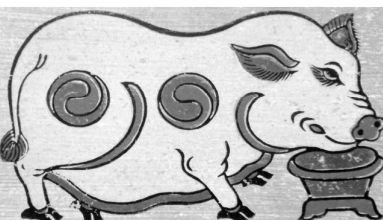
⁽⁵⁾ Lê Văn Hòe, “Lẽ Sống Của Tranh Gà Tranh Lợn”, *Văn Nghệ Xuân Quý Ty*, 1953.



Ngũ hổ (tranh Hàng Trống)



Lợn đàn (tranh Đông Hồ)



Lợn ăn cám (tranh Đông Hồ)



Vinh hoa (tranh Đông Hồ)



Rước rồng (tranh Đông Hồ)

- Tranh cảnh vật: Cá chép trông trăng (có hai tranh khác hẳn nhau, một bức thuộc phong cách tranh Đông Hồ, một bức thuộc dòng tranh Hàng Trống), Tứ quý, Tổ nữ...

- Tranh lịch sử: Trưng Vương khởi nghĩa, Triệu Ẩu cưới voi, Trần Hưng Đạo, Vua Quang Trung...

- Tranh truyện: Thạch Sanh, Kiều, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai, Trê cóc...

- Tranh tuyên truyền cổ động: Tòng quân giết giặc, Bình dân học vụ, Làm thủy lợi...

Trừ những tranh tuyên truyền cổ động làm sau Cách Mạng Tháng Tám ra, những mẫu tranh Tết truyền thống phần lớn đã được truyền lại từ đời này qua đời khác cùng với những ván khắc có thể đã được hoàn chỉnh thêm qua thời gian. Có những ván khắc bị mất mát đi đã phải khắc lại, do đó có những dị bản đôi khi khác xa bản cũ.

Nhìn chung, có thể nói tranh Tết cũng như tranh thờ là những sáng tác tập thể, nghĩa là, mặc dầu do một cá nhân có tài năng sáng tác ra bản vẽ hay ván in lúc đầu, nhưng chúng đã được cả một tập thể phân công, tham gia giúp đỡ và hoàn chỉnh. Trên thực tế, chúng là sản phẩm của cả một cộng đồng làng xã hay phường tranh và thể hiện hoàn toàn quan điểm thẩm mỹ, cũng như tâm lý của cộng đồng ấy. Do đó quyền tác giả không thuộc về một cá nhân mà thuộc về cộng đồng sản xuất ra tranh. Nói một cách khác, theo quan điểm của thời nay, thì người nghệ nhân sáng tác ra bản khắc gỗ đầu tiên, tức cái mẫu tranh đầu tiên, thực chất chỉ là một người làm thuê, không có quyền ký tên và giữ bản quyền gì hết.

Đây cũng là một trong những giới hạn khiến cho tranh Tết

đã không thể nào phát triển hơn được. Cũng như nó đã khiến cho những nghệ nhân có tài ngày trước không thể nào trở thành những nhà họa sĩ tranh khắc thực thụ được, vì không có điều kiện sáng tác, tìm tòi để tiến xa hơn trên con đường nghệ thuật của mình.

Thực ra, lý do chính đã làm cho tranh Tết, đến một lúc nào đó, không phát triển được nữa chủ yếu là vấn đề cung cầu, cả hai mặt này trong bối cảnh kinh tế xã hội đương thời đều đã không có điều kiện để phát triển: nhu cầu về tranh Tết của cả nước chỉ đủ nuôi sống những người làm tranh có hai tháng trong một năm, thậm chí có nơi chỉ đủ để cho họ có cái Tết mà ăn, như ở làng Kim Hoàng, chẳng hạn. Những năm mất mùa, đói kém có nhà làm tranh phải đội cả ván khắc mang ra chợ bán. Có nơi túng thiếu quá, trời rét phải chẻ cả ván in ra để sưởi.⁽⁶⁾ Như vậy làm sao có thể có vốn liếng để đầu tư sản xuất hay kinh doanh? Mặt khác, bản thân người nông dân, suốt năm đầu tắt mặt tối, ít khi được nhàn rỗi ngoài dăm ba ngày hội, ngày Tết, miếng cơm manh áo còn lo chưa nổi, nói chi đến các nhu cầu văn hóa khác? Và như vậy là “cái khó bó cái khôn”, thành một cái vòng lẩn quẩn. Các nghệ nhân ngoài nghề làm tranh ra, không có một hoạt động nào khác để làm kế sinh nhai trừ việc đồng áng. Do đó, họ đã bị kẹt trong cái thế đành phải bó tay và ngành tranh khắc gỗ dân gian nói chung đã không phát triển được, một phần cũng vì không mở rộng được đề tài ra khỏi phạm vi của tranh Tết và tranh thờ.

Rõ ràng xã hội nước ta trong một thời gian dài đã thiếu

⁽⁶⁾ Theo Nguyễn Bá Văn và Chu Quang Trứ, *Tranh Dân Gian Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Văn Hóa, 1984.

hẳn một tầng lớp thương nhân năng nổ, chịu chơi và rủng rỉnh tiền bạc, để có thể đặt hàng cho các nghệ nhân Đông Hồ hay Hàng Trống sáng tác những tác phẩm khác hơn là những bức tranh Tết và tranh thờ!

Nhìn vào nền tranh khắc gỗ của Nhật Bản chẳng hạn, sự phát triển nhanh chóng của nó từ thế kỷ 17 trở đi chính là nhờ ở sự ra đời của một tầng lớp doanh thương làm giàu trên lưng các nhà quý tộc và dần dần nắm hết quyền lực ít ra về các mặt kinh tế và văn hóa ở Edo (kinh đô mới của Nhật Bản từ 1635 trở đi, sau này đổi tên thành Tokyo). Nhờ ở tầng lớp nhà giàu mới dần dần được văn minh hóa này, mà đã mở ra một thời kỳ vàng son cho nhiều ngành mỹ nghệ và nghệ thuật liên quan trực tiếp đến nghệ thuật sân khấu Kabuki được dân chúng rất ưa thích lúc đó, đặc biệt là ngành tranh khắc gỗ (có ký tên tác giả) cũng nhờ đó mà đã có cơ hội cất cánh và phát triển trong suốt 250 năm, sản sinh ra nhiều tác phẩm bất hủ và họa sĩ nổi tiếng mà chúng tôi chỉ nêu lên ở đây một số tên tuổi như: Moronobu, người đi đầu (1618-1684), Utamaro (1753-1806), Sharaku (thời kỳ hoạt động 1794-1795), Hokusai (1760-1849), Horoshige (1797-1858), Kuniyoshi (1797-1861),⁽⁷⁾ v.v...

Điều không có gì đáng ngạc nhiên, song vẫn là một hiện tượng kỳ lạ, là tranh khắc gỗ Nhật Bản, mặc dầu ra đời sau hẳn tranh dân gian Việt Nam ít nhất hai thế kỷ,⁽⁸⁾ đã phát triển đến mức có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nền hội họa của Âu Châu ở thế kỷ 19 qua sự nhất trí thán phục của những

⁽⁷⁾ Roni Neuer, Herbert Liberton, Susugu Yoshida, *Ukiyo-E, 250 Ans d'Estampes japonaises*. Ed. Flammarion, 1985.

⁽⁸⁾ Xem chú thích (1).

nghệ sĩ có tên tuổi như: Bracquemond, Manet, Degas, Toulouse Lautrec, Van Gogh, Whisler, v.v...

Về mặt thẩm mỹ thuần túy, tranh Tết Việt Nam tuy vẫn tiếp tục làm đẹp cho ngày Tết của chúng ta, nhưng trên thực tế con đường phát triển nghệ thuật của nó đã dừng lại ở những tác phẩm có thể gọi là hoàn chỉnh như: Gà đàn, Lợn đàn, Gà thư hùng, Gà trống, Gà đại cát, Vinh hoa, Phú quý, Lợn độc (Lợn ăn cây dáy), Trâu sen, Cá chép trông trăng, Đánh ghen, Hứng dừa, Thầy đồ cóc, Đám cưới chuột, Chợ quê, Tổ nữ, v.v...

Hầu hết các bức tranh kể trên, mà đại đa số là tranh diệp Đông Hồ, đều là những tác phẩm tranh khắc gỗ dân gian mà trình độ nghệ thuật đã đạt tới mức già giặn, cả về bố cục, đường nét, lẫn màu sắc. Sự dày đặc (*densité*) của nhiều bức tranh được tạo nên bởi bố cục chặt chẽ của hình thể và đường nét.

Nhịp điệu sống động của người và vật được thể hiện qua những nét vẽ uyển chuyển, “có thần”, nhưng luôn luôn được chế ngự để trở thành những đường viền khỏe mạnh, sắc nét.

Thêm vào đó là sự tương phản hài hòa giữa các màu sắc và chất liệu làm cho mỗi bức tranh vừa nổi, lại vừa tươi sáng.

Đó là một số đặc điểm nghệ thuật của tranh Tết, thể hiện một quan niệm thẩm mỹ dân gian cổ truyền rất Việt Nam, nhưng đồng thời lại cũng rất trùng hợp với những quan niệm thẩm mỹ hiện đại.

Cùng với tranh thờ, tranh Tết là một di sản văn hóa quý báu, một vốn cổ trong kho tàng vốn cổ nghệ thuật của nhân loại. (ANH NGỌC)

THƠ BÙI THỤY ĐÀO NGUYÊN

KHÚC XUÂN

Ô hay! Trời chưa hừng nắng
Quýt tươi ửng đỏ sang mùa
Lũ bướm cánh vàng, cánh trắng
Rộn ràng bên khóm cúc xưa.

Mai cũng khoe vàng rực rỡ
Đón ong khát mật xa về
Và gió nói gì với cỏ
Mà màu biếc một góc quê.

Lòng em bấy lâu như lụa
Bồng hồng, bồng thắm... người ơi
Như thể chưa từng góa bụa
Áo cơm chưa trấu phận người...

TUỔI XUÂN

Xót xa nhìn cam rụng
Nước hiu buồn cuốn đi
Lòng như trái khô mật
Hanh hao mộng xuân thì.

Anh – cuối rừng nằm lại
Khi cuộc chiến tàn nhanh
Em bế con về sông
Trữ lòng bao gió bụi.

Để những hôm sóng nổi
Chèo chống qua quãng sâu
Có gì chợt nhói đau
Trong thân cò lặn lội.

Có gì chợt bối rối
Khi ngắm trẻ say nồng
Nghe gió khua bờ bụi
Biết mai còn xuân không?...

BÙI THỤY ĐÀO NGUYỄN

NGỌT NGÀO

Gặp nhau là để hàn huyên
Bảo đông hội ngộ lắm miền long đong
Giận hờn đem giấu vào trong
Ngọt ngào cả những điều không ngọt ngào.

ĐỔI THAY

Xuân về rừng đã thay tên
Chim xưa giờ đã lãng quên mất bầy
Ngọt ngào còn muốn đổi thay
Đừng lau nước mắt những ngày đang mưa.

PHAN THÀNH MINH

ĐẾN VỚI NHAU

HỘI NGỘ LIÊN TÔN LẦN THỨ VIII

Nhân dịp kỷ niệm 120 năm từ trần của ngài Petrus Trương Vĩnh Ký (1898-2018), danh nhân văn hóa Việt Nam, Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn (thuộc Tổng Giáo Phận Tp.HCM) đã tổ chức buổi HỘI NGỘ LIÊN TÔN LẦN THỨ VIII, lúc 14 giờ 30, Thứ Bảy, ngày 27-10-2018, tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận Tp.HCM (số 6 bis, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận Một, TpHCM).

Chủ đề buổi Hội Ngộ lần thứ tám là: HIẾU BIẾT PHỤNG SỰ NHÂN SINH. Theo chương trình, nhằm cùng nhau chia sẻ *đôi nét về di sản tinh thần của ngài Trương Vĩnh Ký*, nội dung chính buổi hội ngộ bao gồm năm câu chuyện sau đây:

1. *Tương quan giữa khoa học với tôn giáo*. Trình bày: ông Nguyễn Đình Thỏa (Cộng Đồng Tôn Giáo Baha'i Việt Nam).
2. *Vô tri bất mộ, hữu tri đắc đạo*. Trình bày: đạo hữu Huệ Khải (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ).
3. *Đức khôn ngoan theo Kinh Thánh Kitô Giáo*. Trình bày: mục sư Trần Thanh Truyen (Kitô Giáo).
4. *Chữ Trí trong Nho Giáo*. Trình bày: đạo trưởng Đại Bác (Minh Lý Đạo).
5. *Duy tuệ thị nghiệp – Chữ Trí theo nhà Phật*. Trình bày: sư cô Thích Nữ Hương Nhũ (Phật Giáo).

Chúng tôi in lại đây nội dung phần trình bày của đạo hữu Huệ Khải. (BAN ÁN TỔNG)

VÔ TRI BẤT MỘ, HỮU TRI ĐẮC ĐẠO

Huệ Khải

Ban Tổ Chức có nhã ý mời tôi góp một câu chuyện nhỏ nhân dịp kỷ niệm một trăm hai mươi năm Đức Petrus Trương Vĩnh Ký về với Chúa. Đề tài do Ban Tổ Chức đề xuất là: VÔ TRI BẤT MỘ, HỮU TRI ĐẮC ĐẠO.

Đề tài này bao gồm hai ý: (1) VÔ TRI BẤT MỘ; và (2) HỮU TRI ĐẮC ĐẠO. Có thể nói rằng hai ý này đều phù hợp với cuộc đời Đức Phêrô Gioan Baotixita Trương Vĩnh Ký (trên các bìa sách khi xưa, tên ngài được ghi tắt là P.-J.-B. Trương-Vĩnh-Ký).

Trước hết, chúng ta cùng tìm hiểu ý thứ nhất: VÔ TRI BẤT MỘ 無知不慕. Bốn chữ này có nghĩa: Không biết (thì) không mến. “Gắn” bốn chữ này vào “số phận” Đức Phêrô Ký, chúng ta có thể giải nghĩa là: *Không hiểu biết P. Ký thì không có lòng ái mộ, thương mến P. Ký.*

Khi còn sống, có lẽ Đức Phêrô Ký đã tự biết người đương thời hay lớp người đời sau vì không hiểu ngài nên họ chẳng ngại ngần mà trút cho ngài nhiều lời phê phán rất đốn đau. Bởi vậy, phía trên cửa vào nhà mồ của ngài ở Chợ Quán (nay ở góc đường Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng, quận 5) có khắc câu La Tinh: *Miseremini mei, saltem vos amici mei.* Câu này mượn trong Cựu Ước (Gióp 19:21): *Xin thương tôi, xin thương xót tôi, hỡi các anh là bè bạn. (Have pity on me, my friends, have pity, ...)*

Không những thế, trước khi lìa xa cõi tạm đầy nhọc thị phi này, Đức Phêrô Ký có làm một bài thơ tám câu, mà hai câu

kết là: *Cuốn sổ bình sinh công với tội / Tìm nơi thẩm phán để thừa khai.*

Tìm nơi nào mới có được vị quan tòa tuyệt đối công minh, chánh trực? Ở chốn nhân gian trắng đen điên đảo này e rằng tìm hoài vẫn không thấy; bởi vậy, Đức Phêrô Ký rốt cuộc chỉ còn biết trông cậy vào sự minh xét của Đấng có quyền năng *tách riêng chiên và dê trong ngày phán xét cuối cùng* (Mátthêu 25:31-46).

Xanh xanh nào có phụ người hiền.⁽¹⁾ Thật vậy, Đức Phêrô Ký đã được tách riêng, đã được *đứng bên phải* Đấng phán xét (Mátthêu 25:33), bởi vì Đức Phêrô Ký là một chiên rất lành, một người rất công chính.

Là chiên rất lành, là người rất công chính, Đức Phêrô Ký đã *hiểu biết Đạo làm Người (hữu tri Nhân Đạo)*, thế nên dù phải sống trong một hoàn cảnh lịch sử nghiệt ngã, nhiều nỗi éo le, trước sau ngài vẫn sống trọn vẹn Đạo làm Người. Bởi vậy, khi đã về trời thì ngài đặc quả Thánh. Thì ra HỮU TRI ĐẮC ĐẠO 有知得道 chính là chỗ đó.

Nói rằng Đức Phêrô Ký đặc quả Thánh, dễ khiến bá tánh phát sinh câu hỏi: Ăn cơm dưới đất, sao biết chuyện trên trời? Hỏi như thế hoàn toàn hợp lý. Bằng chứng nào vậy? Không lẽ chúng ta trả lời: *Phúc cho ai không thấy mà tin* (Gioan 20:29)?

*

⁽¹⁾ Tòa Thánh Tây Ninh, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển thứ nhất. Sài Gòn: Nhà in Tuyết Vân, 1964, tr. 116. (*Xanh xanh*: Cũng như Ông Xanh, Cao Xanh, tức là Trời, Thượng Đế.)

Đạo Cao Đài (tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) ra đời ở Nam Kỳ đầu thế kỷ 20, sử dụng đồng tử (*mediums*), lập đàn cầu cơ (*evoking seances*) để các Đấng thiêng liêng giảng trần dạy đạo. Qua phương tiện thông công như vậy, nhiều vị anh hùng liệt nữ dân tộc, các bậc danh Nho chí sĩ nước Nam, đã có thể từ cõi trời trở xuống cõi người để dạy đạo, gọi gắm tắc lòng tiền nhân với đàn hậu tấn là con Hồng cháu Lạc. Trong số các vị giảng cơ, có Đức Trương Vĩnh Ký.⁽²⁾



Petrus Trương Vĩnh Ký

1. Chủ Nhật 30-4-1972, trong một đàn cơ lập ở Tân Định (quận 1, Sài Gòn), có một Đấng giảng, xưng danh như sau:

TRƯƠNG cỡi Đại Đạo khắp Nam bang
VĨNH cứu trường sanh ngọn phước vàng
KÝ bút lưu đề danh hậu tấn
LAI ĐÀN đàm luận đạo Kỳ Tam.⁽³⁾

Đây là lối thơ quán thủ (tiếng Anh gọi là *acrostic*). Ráp

⁽²⁾ Một trường hợp khác là Đức Phan Thanh Giản, “số phận” cũng éo le chẳng kém Đức P. Ký. Xin tham khảo: Huệ Khải, *Phan Thanh Giản Xưa Và Nay*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018. Quyển 119-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. (Đạo Uyển chú)

⁽³⁾ Huệ Khải, *Petrus Ký Xưa Và Nay*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 9.

năm chữ ở đầu bốn câu thơ chúng ta biết Đấng giảng cơ xưng danh là: TRƯƠNG VĨNH KÝ LAI ĐÀN. (*Lai đàn*: đến đàn cơ.)

2. Trước đó ba mươi bốn năm, vào tháng 3-1938, trong một đàn cơ lập trên đỉnh núi Heo (nằm về phía tây núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh), có một Đấng giảng, xưng danh như sau:

TRƯƠNG cánh buồm loan độ khách trần
ẨN vùng mây bạc cứu nguyên nhân
SĨ tu Đại Đạo chơn hòa lý
CHÍ đức thành tâm khí hiệp thần
THÁNH bút chơn truyền đời ngộ giáo
HẬU hòa chủng loại thọ Thiên ân
SƯ minh giáo lý Thiên thơ tác
GIÁNG lệnh mừng kinh vịnh mấy vần.

Ráp tám chữ ở đầu tám câu thơ chúng ta biết Đấng thiêng liêng ấy xưng danh là TRƯƠNG ẨN SĨ CHÍ THÁNH HẬU SƯ GIÁNG. Liền sau bài thơ, Đức Chí Thánh Hậu Sư bảo: *Mừng chư sĩ. Chư sĩ biết Ta chăng? Ta là Trương Vĩnh Ký đây.*⁽⁴⁾

3. Vẫn trong tháng 3-1938, tại một đàn cơ khác cũng lập trên đỉnh núi Heo, Đức Trương Vĩnh Ký trở lại, xưng danh như sau:

TRƯƠNG máy huyền vi cứu thế tàn
ẨN theo chân đạo độ nhân gian
SĨ tu khuyên khá tầm ra lý
GIÁNG thế Kỳ Ba lệnh Ngọc Hoàng.⁽⁵⁾

Bài thơ quán thủ là: TRƯƠNG ẨN SĨ GIÁNG.

⁽⁴⁾ *Petrus Ký Xưa Và Nay*, tr. 12.

⁽⁵⁾ *Petrus Ký Xưa Và Nay*, tr. 21.

Chúng ta biết rằng trong khoảng mười năm cuối đời, Đức Phêrô Ký sống ẩn dật trong cảnh nghèo tại nhà riêng ở Chợ Quán, Sài Gòn (góc đường Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng, quận 5 ngày nay). Đó là lý do trong hai lần giảng cơ ở Tây Ninh, Đức Hậu Sư Chí Thánh Trương Vĩnh Ký đều xưng danh là Trương Ẩn Sĩ (Kẻ sĩ họ Trương ở ẩn).

Thời xưa, Đức Khổng Tử đã được kính thờ là TIÊN SƯ CHÍ THÁNH 先師至聖 (hay Chí Thánh Tiên Sư). Trong thế kỷ 20, nhờ cơ bút đạo Cao Đài, chúng ta biết rằng ngài Trương Vĩnh Ký đã được Đức Cao Đài Ngọc Đế trên Thiên Đình phong là HẬU SƯ CHÍ THÁNH 後師至聖 (hay Chí Thánh Hậu Sư).

*

Trong lần giảng cơ thứ hai ở đỉnh núi Heo, Đức Trương Vĩnh Ký thổ lộ:

Đến khi chết đặng [được] Chí Tôn xét công mà ban cho là HẬU SƯ CHÍ THÁNH.⁽⁶⁾

Chúng ta tự hỏi: Lúc sống ở trần gian, ngài Phêrô Ký lập được công trạng gì?

Bình sanh ngài có nhiều công, trong đó công lớn của ngài là giữ trọn lòng thanh bạch, tận dụng hết trí tài hy hữu để soạn nên khoảng một trăm hai mươi quyển sách mà hầu hết đều là sách dạy đời đạo lý, luân thường, lễ nghĩa của hiền thánh đời xưa.

Trong một đàn cơ ngày Thứ Năm 10-12-1931 của Chiếu Minh Tam Giáo ở Cần Thơ, Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

⁽⁶⁾ Petrus Ký Xưa Và Nay, tr. 27.

(N)gười văn chương quân tử mà làm đặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người đặng thành Thánh.⁽⁷⁾

Tại Vạn Quốc Tự (đường Phan Thanh Giản, quận 10, Sài Gòn), Đức Ni Sư Diệu Lộc giảng cơ dạy:

Từ cõi Thiên Đình hay Niết Bàn, Bồng Lai Tiên Cảnh đến cửa đạo đức, không một vị Phật Tiên Thánh Thần hay nhà lãnh [đạo tôn] giáo nào thiếu TRUNG, HIẾU, TÍN, NGHĨA, NHÂN, LỄ, LIÊM, SỈ mà nên.

Vậy thì, đạo quả HẬU SƯ CHÍ THÁNH minh chứng rằng khi còn mang thân phận mỏng giòn trên cõi trần, Đức Phêrô Ký đã trọn vẹn tám tiêu chuẩn của Đạo làm Người là: trung, hiếu, tín, nghĩa, nhân, lễ, liêm, sỉ.

Trong hơn một thế kỷ vừa qua, ở đâu đó, có những ai đó, vì mấy lý do nào đó, mà không tiếc lời kết án hiền nhân Petrus Ký. Họ nói gì mặc lòng, riêng đối với những người con áo trắng Cao Đài thì tự thân sự kiện Đức Trương Vĩnh Ký được Đức Cao Đài Thượng Đế ban phong quả vị Hậu Sư Chí Thánh đã mặc nhiên trả lại tiếng thơm muôn thuở muôn phương cho hiền nhân Petrus Ký, một con chiên rất lành, một môn đồ rất công chính của Thầy Giêsu rồi vậy.

HUỆ KHẢI

⁽⁷⁾ Kinh Tam Nguyên Giác Thế. Cần Thơ: nhà in Phương Nam, 1953, tr. 36.

► **PETRUS KÝ, (...), học giả Việt Nam; tác phẩm của ông làm cầu nối văn minh nước ông với văn minh phương Tây. / PETRUS KY, (...), Vietnamese scholar whose literary works served as a bridge between his civilization and that of the West.**

Từ Điển Bách Khoa Anh / ENCYCLOPÆDIA BRITANNICA

VÌ SAO NGƯỜI TA LÀM RA TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

PHẠM TOÀN

Những tấm lòng đồng cảm khác nhau

Bài mở đầu này nói về cảm hứng của những người làm công việc tạo ra sản phẩm nghệ thuật. Tại sao lại có những người chuyên tâm làm công việc làm ra các tác phẩm đó (*làm thơ, viết truyện, vẽ tranh, chơi nhạc, diễn kịch...*)? Ta có thể nghĩ đơn giản như sau: Họ có lòng đồng cảm với con người nên họ có cảm hứng làm ra tác phẩm nghệ thuật.

Câu trả lời đó không sai nhưng chưa đủ. Có những người không phải là nghệ sĩ nhưng cũng có lòng đồng cảm với con người và hoạt động vì cuộc sống hạnh phúc của con người. Ta hãy xem xét một kiểu người thứ nhất.

Kiểu người sản xuất của cải vật chất

Ta hãy tưởng tượng người *cày đồng đang buổi ban trưa / mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày...* Người ấy chịu đựng cày đồng vất vả ròng rã ngày này ngày khác, năm này năm khác, đời này đời khác, không vì riêng mình – Người đó chịu đựng vì cha mẹ già, vì con cái còn nhỏ, vì gia đình mình, nhờ đó mà xã hội no đủ, êm ấm.

Ta hãy tưởng tượng người đồng cảm với nỗi vất vả và nguy hiểm khi thấy trẻ em và người lớn phải đi cầu khỉ, người đó tìm cách xây cây cầu thật tiện lợi... Giống như

những người làm ra những cây cầu, có những người khác lại mở nhà máy, hoặc xây những ngôi nhà đủ tiện nghi, hoặc tổ chức canh tác khoa học để tạo ra những cánh đồng tươi tốt, nuôi những đàn bò cung cấp thật nhiều sữa và thịt... Những người này cũng có thể có lòng đồng cảm với con người, họ mong muốn con người no ấm, hạnh phúc. Song, những sản phẩm của họ không phải là tác phẩm nghệ thuật.

Công việc tạo ra các sản phẩm vật chất khác nhau (dệt vải, xây nhà, làm đường, trồng rừng, làm xe ô tô, sản xuất điện, v.v...) có những đại diện ưu tú là những nhà bác học, những nhà nghiên cứu, những kỹ sư và bác sĩ... những người hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nữa, và ở đâu cũng thấy họ có cảm hứng tạo ra những sản phẩm ngày càng nhiều, đẹp, bền, tốt, và giá rẻ.

Bạn có thể tra cứu và suy nghĩ về công việc của các doanh nhân Nguyễn Sơn Hà, Ngô Tử Hạ, Bạch Thái Bưởi, và nhiều người khác nữa. Nguyễn Sơn Hà mở nhà máy sản xuất sơn đầu tiên ở Việt Nam. Ngô Tử Hạ mở nhà máy in lâu đời nhất ở Việt Nam. Bạch Thái Bưởi là người mở công ty vận tải biển đầu tiên của Việt Nam nối Hải Phòng với Sài Gòn và các vùng phụ cận...

Bạn cũng có thể tra cứu xem các kỹ sư nông học Lương Định Của, Đào Thế Tuấn, Võ Thị Tri Túc... đã tạo ra những sản phẩm nông nghiệp gì nổi danh... Và bạn cũng tự đi tìm câu trả lời: Sản phẩm của các vị này có phải là tác phẩm nghệ thuật không?

Ta sẽ gọi kiểu người trên là kiểu người tạo ấm no... Mục tiêu họ nhằm vào là nâng cao cuộc sống vật chất cho con

người. Kiểu người tạo cuộc đời ảm no này có đáng yêu không? Các bạn cho biết: Họ đáng yêu ở điểm nào?

Còn đây là kiểu người gì?

Bây giờ chúng ta sang một trường hợp với một người có tên là Jean-Jacques Rousseau. ông Jean-Jacques Rousseau vốn là một đứa trẻ được nuôi nấng tại một nhà trẻ mồ côi. Thời xưa, có nhiều trẻ em bị bỏ rơi được đưa vào nuôi ở nhà trẻ mồ côi như Jean-Jacques Rousseau.

Khổ thân ông Rousseau, đến khi trưởng thành, lấy vợ và có con, nhưng do nghèo quá, không làm lễ cưới chính thức được, nên con cái của ông Rousseau cũng lại phải gửi vào nuôi tại... nhà trẻ mồ côi!

Ông Rousseau sau này viết sách về giáo dục, tưởng tượng được nuôi dạy một em bé tên là Émile theo cách hoàn toàn tôn trọng sự phát triển tự nhiên của em. Ông còn viết sách khác, lấy tên là *Khế Ước Xã Hội* có ý nói “con người sống chung trong xã hội cần có những quy ước, những ràng buộc,



Bìa sách *Khế Ước Xã Hội* – bạn nhìn thấy biểu tượng cái cân không? Cái cân có ý nghĩa gì vậy?

để xã hội yên bình, mọi người hạnh phúc”.

Có không ít người giống kiểu người theo mẫu Jean-Jacques Rousseau – kiểu người mơ ước tạo cuộc đời hài hòa. Những người này không trực tiếp tạo ra ảm no cho con người. Họ chỉ nghĩ cách làm sao cho con người thực sự sống trong ảm no, hạnh phúc.

Họ là những nhà hoạt động xã hội. Có khi họ chọn *tôn giáo* để xoa dịu nỗi khổ của mọi người; có khi họ chọn *đấu tranh* để cố đảo ngược cuộc sống đau khổ của con người; có khi họ dùng *nhận thức* để giúp con người thoát mê muội...

Ở Ấn Độ thời xưa có Đức Phật Thích Ca (nơi sinh của Phật nay thuộc về nước Nepal). Ngài từ bỏ nhà cửa, lầu đài, châu báu để đi tìm đường giảng đạo dạy con người thoát khỏi “bế khổ”. Ở Ấn Độ thời hiện đại có ông Gandhi được dân gọi là Thánh Gandhi, người chủ trương đấu tranh không bạo động để giành cuộc sống độc lập tự do no ấm. Cũng ở Ấn Độ thời hiện đại, có ông Aurobindo đứng ra tổ chức cả một vùng ở đó mọi người không tiêu tiền, con cái nuôi dạy chung, sản xuất và tiêu dùng chung để không có người giàu và người nghèo... (Tiếc rằng công việc ông Aurobindo làm chỉ đứng được trong một thời gian không dài...).

Ở Pháp, ngoài Jean-Jacques Rousseau còn rất nhiều nhà tư tưởng. Trong số đó có một nhà tư tưởng rất cần cho học sinh chúng ta, đó là nhà tâm lý học Jean Piaget. Xưa nay, người ta chỉ biết gửi con đến trường đi học, thầy giáo thì chỉ biết dạy và dạy, chẳng ai để ý trẻ em *học như thế nào* và như thế nào là *cách học đúng để* thầy giáo có *cách dạy học đúng*. Ông Piaget nghiên cứu cách trẻ nhỏ từ khi mới ra đời đã ăn thế

nào, uống thế nào, khóc thế nào, cười thế nào, nhìn và nghe như thế nào... cho tới cả khi nói thì nói như thế nào, chơi với bạn như thế nào... rồi học toán như thế nào, học chơi kịch như thế nào... Cách nghiên cứu của ông Piaget khiến các nhà giáo thấy cần tôn trọng trẻ em, cần là người bạn của trẻ em để tổ chức việc học của trẻ em, để các em đã đi học là học giỏi như nhau.

Bạn thấy kiểu người như thế có lạ không? Các vị đó có làm cầu và xây nhà không? Có làm ra “đưa lên ông Cửa”, “cà chua bà Túc”, “gạo ngắn ngày năng suất cao” không?... Các vị đó có tạo ra của cải vật chất không? Theo ý bạn, các vị đó có cần cho cuộc sống của con người không?

Kiểu người làm ra tác phẩm nghệ thuật

Trong cuộc sống, còn có kiểu người thứ ba. Những người này không làm ra những cây cầu, những tòa nhà nhiều tầng, những chiếc máy bay chở vài trăm hành khách đi cả nghìn cây số trong vài ba giờ, những cánh đồng mỗi năm cho nhiều vụ thu hoạch, những đàn bò mà mỗi con bò cái cho cả nghìn lít sữa mỗi năm... Những người này cũng không kêu gọi hoặc bày cách cho mọi người sống cho ra sống, sống sao cho xứng đáng với danh hiệu con Người – biết yêu thương, biết xây dựng và bảo vệ hạnh phúc, biết khoan dung, biết đồng thuận, biết làm cho thế giới loài người chỉ còn hòa bình và xóa bỏ chiến tranh...

Không giống như hai kiểu người trước, vậy đó là kiểu người như thế nào?

Nhà nghiên cứu Arthur Koestler gọi đó là kiểu người có “đôi mắt ướt” – một cách nói mang nghĩa bóng là người dễ

khóc. Họ dễ khóc, vì họ nhìn thấy cuộc sống của con người vô cùng mong manh và chứa chất đầy những đau buồn! Đến nỗi có nhà thơ nói con người sinh ra đã phải khóc thì mới sống, và khi chết cũng chết trong tiếng khóc.

Nhà thơ Nguyễn Du kể chuyện thời thanh bình, ấy thế mà toàn bộ câu chuyện đã được mở đầu với hứa hẹn đầm nước mắt:

*Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng!*

Nên nhớ đó là câu chuyện xảy ra vào thời thái bình phẳng lặng:

*Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng...*

Có thể nói mà không sợ sai rằng tất cả các tác phẩm lớn của loài người đều nói chuyện buồn. Đó là vì lịch sử của cả loài người là những bước sỏi dài qua những nỗi buồn. Còn lịch sử từng cá nhân thì cũng đầy ắp những nỗi buồn.



Em bé bán diêm chết cứng

Tô Hoài viết truyện *Nhà Nghèo* với cái chết của một bé gái đi bắt cá và chết đuối. Nam Cao viết truyện *Lão Hạc* với chi tiết trước khi lão tự tử thì nhà văn đã nhận thấy “đôi mắt lão ầng ậng nước”. Andersen (Đan Mạch) viết *Em Bé Bán Diêm* kể chuyện

em chết cồng trong đêm Giáng Sinh ở một góc phố đầy những cảnh ăn chơi sang trọng. Victor Hugo (Pháp) viết *Những Người Cùng Khổ*. Feodor Dostoevski (Nga) viết *Tội Ác Và Trừng Phạt*. Lỗ Tấn (Trung Hoa) viết *Nhật Ký Người Diên* tưởng tượng cảnh ăn thịt trẻ nhỏ, và kết thúc câu chuyện bằng lời kêu gọi: *Hãy cứu lấy trẻ em!...*

Bạn sẽ hỏi, vậy những tác phẩm hài hước có nói chuyện buồn không? Câu trả lời là: Đời đầy những chuyện buồn, càng kể với vẻ hài hước càng khiến nỗi buồn thêm sâu đậm.

Đây là câu chuyện một Người Dễ Khóc nhưng lại chọn việc chọc cười... Cười mà buồn ơ là buồn! Đó là Charles Chaplin – còn được biết với tên gọi Vua Hề Charlot.

Có một chuyện hồi ông lên năm tuổi. Khi đó, mẹ ông là nữ diễn viên tạp kỹ, là chiếc cần câu cơm của cái gia đình một mẹ và hai con trai (bố ông nghiện ngập không ở chung). Bất hạnh xảy ra khi bà bị mất tiếng, không hát và không biểu diễn được nữa. Một bữa, đang diễn trên sàn diễn thì bà bị khan tiếng, rồi mất tiếng hẳn.

Đêm sau, Charlot xin ông bầu cho lên biểu diễn thay mẹ. Cậu bé năm tuổi đã bắt chước y hệt mẹ mình. Cậu hát bài mẹ mình vẫn biểu diễn và bắt chước cả cảnh mẹ mình khan tiếng rồi mất tiếng. Thấm thía nỗi buồn từ ngay gia đình mình, rồi đồng cảm với cái buồn ngoài xã hội, Charles Chaplin đã tạo ra vô số bộ phim tuyệt vời: *Ánh Sáng Thành Phố* (mà thực ra là cảnh đời người công nhân tăm tối ở những thành phố rực rỡ ánh đèn), *Thời Hiện Đại* (mà thực ra là cảnh đời bị vắt kiệt sức ở những thành phố công nghiệp)... Charles Chaplin đã mở đầu phim *Thời Hiện Đại* bằng cảnh tan tầm, công nhân



Cảnh trong phim *Thời Hiện Đại* (Modern Times), 1936 của Charlie Chaplin (1889-1977)

mỗi một, kiệt lực từ các nhà máy tủa ra đường xen kẽ với cảnh những đàn cừu chen chúc nhau đi, chẳng biết đi về đâu.

Đời con người nhiều tiếng khóc. Và trong lời nói của con người, cũng có nhiều từ để chỉ những cách khóc khác nhau, nào *kêu khóc, òa khóc, gào khóc, khóc thương, than khóc, khóc nức nở, khóc thút thít, khóc tấm tức, khóc nước mắt chứa chan, khóc thầm, khóc một mình, khóc không nước mắt, khóc nuốt nước mắt vào trong...*

Khóc là một cách biểu hiện cảm xúc của con người. Trong truyện *Cuốn Sách Rừng Rậm*, nhà văn Anh Rudyard Kipling tả một em bé lạc vào rừng và sống với bầy sói, lớn lên cùng sói, coi sói như gia đình, cho tới khi phải xa bầy sói để trở về làng sống với người...

Lúc ấy, Mowgli cảm thấy có cái gì đó làm xáo trộn mạnh mẽ bên trong người mình, điều em chưa từng gặp trước đây bao giờ, và em nín thở rồi nức nở, nước mắt rùng rùng trên mặt.

“Gì vậy? Gì vậy?” em nói. “Em không muốn xa rừng, mà tại sao lại thế này? Có phải em sắp chết không, anh Báo Đen?”

“Không đâu, em à. Đó chỉ là nước mắt thường thấy ở con người,” Báo Đen nói. “Bây giờ thì anh biết em là một con người... Rừng rậm từ nay đóng chặt cửa đối với em. Cứ để cho nước mắt rơi, khóc nữa đi, em. Đó chỉ là nước mắt.”

Thế là cậu bé ngồi xuống và khóc, tưởng chừng như tim cậu muốn vỡ ra. Cậu khóc như chưa từng khóc cả đời mình trước đó.



Mowgli và Báo Đen (*Bagheera*)
trong phim “Cuốn Sách Rừng Rậm” (*The Jungle Book*)

Khóc không chỉ giải tỏa nỗi buồn đau của con người – con người còn có niềm riêng thích lưu giữ nỗi đau, con người còn muốn cho nỗi buồn và nước mắt thành kỷ niệm, có khi thành bài học nữa... Và *người nghệ sĩ* là kiểu người có tài năng riêng, người nghệ sĩ tự nhận lấy sứ mệnh lưu giữ hộ mọi người cái nỗi đau của chính mọi người. Trong chuỗi từ ghép gắn với từ gốc *khóc* bên trên, còn thiếu một từ *khóc mướn*. Cuộc đời diễn ra đầy đau khổ, nhưng vô số người lặn qua mà chẳng chú ý gì. Riêng người nghệ sĩ lại tự mình sung sướng làm lại những nỗi đau đời, được sống như *kẻ khóc mướn*. Nhà văn Nga Raxun Gamdatov (trong sách *Đaghextan Của Tôi*) nhận xét rất hay về kiểu người khóc mướn đó: “*Người mẹ mất con là người đau khổ nhất, song bài thơ nói lên được nỗi đau mất con có khi lại do nhà thơ chưa từng có con viết ra.*”

Chúng ta đã nhận ra kiểu người nghệ sĩ làm công việc khóc mướn để giúp con người lưu giữ những giọt nước mắt chỉ con người mới có. Sứ mệnh đó đòi hỏi người nghệ sĩ làm công việc khóc mướn phải có đầy *tinh thần trách nhiệm*. Không có bộ luật nào quy định người nghệ sĩ phải có trách nhiệm ra sao. Nhưng cái bộ luật trong tinh thần nghệ thuật quy định cái trách nhiệm đó.

Trách nhiệm của người nghệ sĩ thể hiện ở những chỗ nào?

Một là, người nghệ sĩ phải cất tiếng nói vì những *chân lý* trong cuộc sống. Nói đến “chân lý” tức là nói lên sự thật, sự đúng đắn, là chống lại sự giả dối. Người nghệ sĩ phải tìm thấy cảm hứng trong công việc nói lên sự thật. Nếu người nghệ sĩ nói những điều dối trá, họ sẽ không thể có cảm hứng nghệ thuật.

Hai là, người nghệ sĩ phải cất tiếng nói vì những *điều thiện* trong cuộc sống. Người nghệ sĩ không được phép làm ra những tác phẩm để cổ vũ cho cái ác. Nếu người nghệ sĩ sống vì cái ác, sống với cái ác, họ sẽ không thể có cảm hứng nghệ thuật.

Ba là, người nghệ sĩ phải cất tiếng nói vì *cái đẹp* trong cuộc sống và đem lại *cái đẹp* cho cuộc sống. Người nghệ sĩ không được phép cổ vũ cho những điều xấu xí, hơn thế, họ còn không được phép làm ra những tác phẩm xoàng xĩnh, rẻ tiền. Người nghệ sĩ làm ra những sản phẩm tầm thường để kiếm danh vọng và tiền bạc sẽ không thể có cảm hứng nghệ thuật.

Ba điều về trách nhiệm của người nghệ sĩ được nói gọn trong ba chữ *Chân – Thiện – Mỹ*. Người nghệ sĩ hướng đến

Chân, Thiện, Mỹ sẽ có được cảm hứng nghệ thuật và sẽ tạo ra được tác phẩm nghệ thuật có giá trị.

Tóm lại,

Sách *Văn lớp Sáu* này mời các bạn cùng đi tìm *cảm hứng nghệ thuật* – tìm xem vì sao người nghệ sĩ lại làm ra tác phẩm nghệ thuật.

Với người tạo cuộc đời ảm no, sản phẩm của họ ngày một tốt hơn, rẻ hơn, đẹp hơn và bền hơn đời trước. Sản phẩm của họ ai ai cũng thấy được và hưởng thụ, ai ai cũng cảm nhận và đánh giá được.

Với người tạo cuộc đời hài hòa, sản phẩm của họ là năng lực suy tư của họ. Không dễ gì để đánh giá sản phẩm của những người này. Cần người có học xem xét đánh giá loại sản phẩm này.

Với kiểu người nghệ sĩ, sản phẩm của họ là cảm xúc – là nước mắt, nhiều khi tiếng cười cũng mang nước mắt – họ là những đôi mắt ướt hồn nhiên. Việc học Văn của các bạn sẽ giúp các bạn tập làm ra tác phẩm nghệ thuật, nhờ đó mà biết đánh giá tác phẩm nghệ thuật của những nghệ sĩ lớn.*

PHẠM TOÀN

* Trích *VĂN 6: Cảm hứng nghệ thuật (Vì sao người ta làm ra tác phẩm nghệ thuật)*. Hà Nội: Nxb Tri Thức, 2016, tr. 9-16. Xin cảm ơn nhà giáo Phạm Toàn, chủ trương nhóm Cánh Buồm, đã hoan hỷ cho phép Ban Ấn Tổng được trích và lần lượt đăng lại trên *Đạo Uyển* các bài trong bộ sách giáo khoa của nhóm Cánh Buồm. Ngoài ảnh bìa sách *Khế Ước Xã Hội*, các ảnh khác do Đạo Uyển thêm vào.

BỐ CỦA SIMON

Nguyên tác: Le Papa de Simon (1879)

Tác giả: **GUY DE MAUPASSANT** (Pháp, 1850-1893)

Dịch giả: **LÊ HỒNG SÂM**

Chuông báo trưa vừa dứt. Cửa trường mở, và bọn trẻ con chen lấn nhau ủa ra cho nhanh. Nhưng chúng không mau tản mát về nhà ăn trưa như mọi ngày mà còn dừng lại, cách đó vài bước, tụ tập thành nhóm, thì thào to nhỏ.

Chẳng là sáng nay, Simon, thằng con nhà chị Blanchotte lần đầu tiên đến lớp học.

Ở nhà chúng đều đã từng nghe nói đến chị Blanchotte; và mặc dù ngoài chốn công chúng, người ta niềm nở với chị nhưng riêng giữa các bà mẹ với nhau thì cách các bà mẹ đối đãi với chị có cái vẻ ái ngại hơi khinh miệt, điều này lan sang cả những đứa trẻ tuy chúng chẳng hiểu vì sao.

Còn về Simon thì chúng không quen biết nó, vì nó không đi chơi bao giờ, và không lêu lổng với chúng ngoài đường làng hoặc trên bờ sông. Bởi vậy chúng chẳng ưa nó cho lắm; và chúng vừa thỉnh thích vừa hết sức ngạc nhiên đón nghe và truyền lại cho nhau câu nói của một thằng mười bốn mười lăm tuổi, thằng này xem chừng am hiểu nhiều điều vì nó cứ nhay nháy mắt một cách tinh ranh: “Chúng mày biết chứ... thằng Simon... này, nó không có bố đâu nhé.”

Đến lượt thằng bé con chị Blanchotte xuất hiện trên thềm nhà trường. Nó độ bảy tám tuổi, hơi xanh xao, rất sạch sẽ và nhút nhát, gần như vụng dại.

Nó định về nhà thì tốp các bạn học của nó vẫn cứ thì thào vừa nhìn nó với cặp mắt ranh mãnh và tai ác của những đứa trẻ đang nghiền ngẫm một vấn đề gì xấu, xúm quanh nó dần dần và cuối cùng thì vây hãm lấy nó. Nó đứng ngây ra giữa bọn chúng, ngạc nhiên và lúng túng không hiểu người ta sắp làm gì mình. Nhưng cái thằng vừa đưa tin ra, hãnh diện vì đã được hoan nghênh, hỏi nó: “Mày tên gì?”

Nó trả lời: “Simon.”

“Simon gì?” Thằng bé kia hỏi tiếp.

Chú bé nhắc lại, hết sức bối rối: “Simon.”

Thằng kia hét lên với chú: “Người ta tên là Simon gì kia... Simon... thế cóc phải là tên...”

Và chú, sắp phát khóc, trả lời lần thứ ba: “Tớ tên là Simon.”

Tụi trẻ cười. Thằng kia đắc thắng cất cao giọng: “Chúng mày thấy rõ là nó không có bố nhé.”

Tất cả lặng ngắt. Những đứa trẻ kinh ngạc vì cái điều kỳ dị, quái đản, không thể có được ấy – một thằng bé không có bố; chúng nhìn em như một hiện tượng kỳ quái, một sinh vật ngoài lề của Tạo Hóa và chúng cảm thấy lớn lên trong chúng niềm khinh bỉ – cho đến bấy giờ chưa giải thích nổi – như mẹ của chúng đối với chị Blanchotte.

Còn Simon, em tựa mình vào một thân cây cho khỏi ngã và em như rụng rời vì một tai họa không phương cứu chữa. Em tìm cách bày tỏ. Nhưng em chẳng kiếm nổi điều gì để trả lời chúng nó, để cải chính cái điều ghê gớm là em không có bố. Cuối cùng, người nhột nhát, em kêu hú họa với chúng: “Cố, tao có bố.”

Thằng kia hỏi: “Bố mày đâu?”

Simon im bặt; em không biết. Bọn trẻ cười rất kích động; và những đứa con của ruộng đồng này, chúng gần gũi với súc vật hơn, chúng cảm thấy cái nhu cầu tàn ác thúc đẩy những con gà trong sân chăn nuôi kết liễu hẳn một con trong bầy khi con này vừa bị thương. Bỗng Simon chợt thấy thằng bé hàng xóm, con một bà góa, em vẫn thấy thằng này, y như em, lúc nào cũng thui thủi một mình với mẹ. Em nói: “Thế cả mày nữa, mày cũng không có bố.”

Thằng kia đáp: “Có chứ, tao có bố.”

Simon vặn: “Bố mày đâu?”

“Bố tao chết rồi.” Thằng bé kia tuyên bố hết sức tự hào: “Bố tao ở ngoài nghĩa địa ấy.”

Một tiếng rì rào tán thưởng nổi lên giữa đám trẻ, dường như cái sự kiện có bố chết ở ngoài nghĩa địa đã làm cho bọn chúng lớn cao lên để đê bẹp cái thằng kia chẳng có bố gì hết. Và bọn lau nhau này, mà những người bố phần lớn đều hung ác, rệu rã, trộm cắp, và nghiệt ngã với vợ, chúng cứ chen chúc xích gần nhau thêm mãi dường như chúng, những kẻ hợp pháp muốn bóp nghẹt cái đứa ở ngoài vòng luật lệ.

Bất thành hình, một đứa ở sát Simon, bỗng thè lưỡi ra một cách tinh quái và hét lên với em: “Không có bố! Không có bố!”

Simon túm lấy tóc nó bằng cả hai tay và đá liên hồi vào chân nó, trong khi nó cần nghiêng vào má chú. Có một sự vật lộn kinh khủng. Hai đứa sẽ được lôi rời nhau ra, và Simon bị đánh tơi tả, ê ẩm, lăn lóc dưới đất, ở giữa bụi cỏ đứng quây tròn, reo hò hoan hô. Thấy em vừa dậy vừa lấy tay phủi một

cách máy móc chiếc áo khoác nhỏ lấm bụi bê bết, một đứa nào đó hét lên bảo em: “Về nói với bố mày ấy.”

Thế là em cảm thấy trong lòng có một sự sụp đổ ghê gớm. Chúng nó khỏe hơn em, chúng đã đánh đập em và em không thể nào chống lại chúng được vì em cảm thấy rõ là quả thật em không có bố. Đầy kiêu hãnh, em cố tranh đấu vài giây với những giọt nước mắt làm em nghẹn thở. Em ứ lên một cái, rồi không gào thét, em khóc nấc lên từng hồi dài khiến người rung lên nức nở.

Thế là một niềm thích thú dữ tợn bùng lên trong các địch thủ của em, và tự nhiên, cũng như những người man rợ trong các cơn vui kinh khủng của họ, chúng nắm lấy tay nhau, vừa nhảy nhót vòng quanh em, vừa lặp đi lặp lại một điệp khúc: “Không có bố! Không có bố!”

Nhưng bất thành hình Simon nín khóc. Một cơn điên cuồng khiến em cuồng dại. Dưới chân em có đá; em nhặt lên và lấy hết sức mình ném vào những kẻ hành hạ em. Hai ba đứa gì đó bị ném trúng, vừa kêu vừa bỏ chạy; và trông em dữ dội đến mức những đứa khác phát hoảng. Hèn nhát, hết như đám đông bao giờ cũng hèn nhát trước một người phần nộ, chúng bỏ trốn toán loạn.

Còn lại một mình, em bé không có bố chạy về phía các cánh đồng, vì em chợt nhớ một kỷ niệm, khiến trong óc em nảy ra một quyết định lớn. Em muốn gieo mình xuống sông cho chết đuối.

Quả thực em nhớ lại cách đây tám ngày, một kẻ khốn khó vẫn đi ăn xin đã trầm mình ở sông vì không còn tiền. Simon có mặt ở đấy lúc người ta vớt bác ta lên và cái nhà bác tội

nghiệp thường ngày em vẫn thấy thiếu não, bần thủ và xấu xí, lúc đó đã khiến em sững sốt vì cái vẻ an tĩnh của bác với bộ mặt xanh tái, với chòm râu dài, uớt, và cặp mắt mở, rất bình thản. Xung quanh họ bảo: “Hắn chết rồi.” Một người nào đó nói thêm: “Bây giờ hắn thật sung sướng.” Và Simon cũng muốn trầm mình vì em không có bố, cũng như cái bác khốn khổ kia, bác ta không có tiền.

Em đến sát bên mặt nước và nhìn nước chảy. Vài con cá lội loảng quảng, thoăn thoắt, giữa dòng nước trong, lúc lúc lại khẽ nhảy lên đón những con ruồi lượn trên mặt sông. Em nín khóc để xem cá, vì em rất thích cái trò của chúng. Nhưng thỉnh thoảng cũng như giữa lúc bão lặng bỗng dội lên từng cơn gió mạnh rung chuyển cây cối rồi tan đi mãi chốn chân trời, cái ý nghĩ này lại trở về với em, đau nhói: “Mình sẽ nhảy xuống sông cho chết đuối vì mình không có bố.”

Trời rất ấm, rất dễ chịu. Ánh nắng êm đềm sưởi ấm cỏ. Nước lấp lánh như gương. Và Simon có những phút giây khoan khoái, có cái cảm giác uể oải thường theo sau khi khóc lóc, em rất thèm được nằm ngủ ở đây, trên mặt cỏ, dưới nắng ấm.

Một chú nhái con màu xanh lục nhảy dưới chân em. Em định bắt nó. Nó thoát được. Em đuổi theo nó và vồ hụt ba lần liền. Cuối cùng em tóm lấy hai đầu chân sau của nó và em bật cười nhìn con vật cổ giầy giụa thoát thân. Nó thu mình lại trên đôi cẳng lớn, rồi bật phắt lên... Em chẳng nghĩ nữa, em chẳng nhìn thấy gì nữa và em chỉ khóc mà thôi.

Bỗng nhiên một bàn tay chắc nịch đặt lên vai em và một giọng ồm ồm hỏi em: “Có điều gì làm chú buồn phiền nhiều đến thế, chú bé?”

Simon quay lại. Một bác thợ cao lớn, râu tóc đen, quần đang nhìn chú với vẻ nhân hậu. Chú trả lời, mắt đầm lệ, giọng đầy nước mắt: “Chúng nó đánh cháu... vì... cháu... cháu... không có... bố... không có bố.”

“Sao thế cháu?” Người đàn ông mỉm cười bảo: “Ai mà chẳng có bố.”

Em bé nói tiếp một cách khó khăn, giữa những cơn nấc giật buồn tủi: “Cháu... cháu không có bố.”

Bác thợ bỗng nghiêm mặt lại; bác nhận ra thằng bé con nhà chị Blanchotte, và mặc dù mới đến vùng này, bác cũng đã mong manh biết chuyện chị. Bác nói: “Thời nào, người nào, cháu bé, rồi đi với chú về nhà mẹ. Người ta sẽ cho cháu... một ông bố.”

Họ lên đường, người lớn dắt tay người bé và bác đàn ông lại mỉm cười vì bác chẳng hề phật ý đến gặp chị Blanchotte, nghe đồn chị là một trong những cô gái đẹp nhất vùng, và trong thâm tâm bác cũng tự nhủ thầm rằng một tuổi xuân đã lăm lờ rất có thể lờ lăm nữa.

Họ đến trước một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ.

Đứa trẻ nói: “Đây rồi.” Và em gọi to: “Mẹ ơi!”

Một thiếu phụ xuất hiện và người thợ bỗng tắt nụ cười, vì bác hiểu ra ngay là không bốn cột được nữa với cô gái cao lớn, xanh xao, đứng nghiêm nghị trước cửa nhà mình, như muốn cấm đàn ông bước lên thềm ngôi nhà nơi cô đã bị một kẻ khác lừa dối. E dè, bỏ mũ cầm tay, bác ấp úng: “Đây thưa bà, tôi dắt về trả bà cháu bé bị lạc ở gần sông.”

Nhưng Simon nhảy lên ôm lấy cổ mẹ và vừa nói với mẹ, vừa khóc trở lại: “Không mẹ ạ, con muốn nhảy xuống sông cho chết đuối, vì chúng nó đánh con... đánh con... tại con không có bố.”

Hai má thiếu phụ đỏ ửng và tê tái đến tận xương tủy, chị ôm con hôn ấy hôn để, trong khi nước mắt đã chảy tuôn rơi. Người đàn ông xúc động vẫn đứng đó, không biết bỏ đi thế nào cho phải. Nhưng Simon bỗng chạy đến bên bác, nói với bác: “Chú có muốn làm bố cháu không ạ?”

Im bật như tờ. Chị Blanchotte lặng ngắt và quẩn quại vì hổ thẹn, dựa người vào tường, hai tay ôm lấy ngực. Thấy người ta không trả lời mình, em bé nói tiếp: “Nếu chú không muốn, cháu quay trở lại sông cho chết đuối.”

Bác thợ coi như chuyện đùa và cười đáp: “Có chứ, chú muốn vậy.”

Em bé liền hỏi: “Thế chú tên là gì? Để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên chú.”

“Philip.” Người đàn ông đáp.

Simon im lặng một giây, để ghi nhớ cái tên ấy trong óc, rồi, hoàn toàn khuây khỏa, em chìa hai tay nói: “Thế nhé! Chú Philip, chú là bố cháu đấy.”

Bác thợ nhắc bổng em lên, đột ngột hôn vào hai má em, rồi sải từng bước dài, rút lui rất nhanh.

Ngày hôm sau, khi em đến trường, một tràng cười ác ý đón em, và lúc tan học, khi thằng kia muốn lặp lại chuyện cũ, Simon ném vào mặt nó những lời nói này, như ném một hòn đá: “Bố tao ấy, bố tao tên là Philip.”



Tranh: François Roca (Milan, nước Ý, 2014)

Từ phía bật lên những tiếng la hét thích thú: “Philip là gì?... Philip nào?... Philip là cái gì?... Mày lấy ở đâu ra Philip của mày thế?”

Simon không trả lời gì hết; và một mực tin tưởng sắt đá, em đưa mắt thách thức chúng, sẵn sàng chịu hành hạ còn hơn là trốn chạy chúng. Thầy giáo giải thoát cho em và em trở về với mẹ.

Suốt ba tháng ròng, bác thợ cao lớn thường tạt qua nhà chị Blanchotte, và đôi khi bác đánh bạo nói chuyện với chị, khi thấy chị ngồi khâu bên cửa sổ. Chị trả lời bác nhã nhặn, lúc nào cũng nghiêm trang, chẳng bao giờ cười với bác và không bao giờ để bác vào nhà. Tuy nhiên, cũng hợm mình đôi chút như mọi người đàn ông, bác cứ tưởng tượng rằng chị hay đỏ mặt hơn thường lệ, mỗi khi trò chuyện với bác.

Nhưng một thanh danh đã bị mai một thật khó mà gây dựng lại và cũng rất đổi mong manh, đến mức, mặc dù chị Blanchotte ngại ngần giữ gìn, trong vùng đã thấy đồn đại.

Còn về Simon thì em rất yêu ông bố này và hầu như chiều nào, xong việc em cũng đi chơi với bố. Em đến trường đều đặn và đi qua giữa các bạn học, hết sức đàng hoàng, không bao giờ đáp lại chúng.

Thế mà một hôm cái thằng khốn nạn đã tấn công em đầu tiên bảo với em: “Mày nói dối, mày chẳng có bố nào tên là Philip.”

“Sao lại thế?” Simon rất xúc động hỏi.

Thằng kia xoa hai tay vào nhau. Nó tiếp: “Bởi vì nếu mày có bố thì ông ấy phải là chồng của mẹ mày.”

Simon mất bình tĩnh trước tính chính xác của lập luận ấy, tuy vậy em vẫn trả lời: “Nhưng cứ là bố của tớ.”

Thằng kia cười khẩy bảo: “Có thể lắm, nhưng không phải

bố của mày hẳn hoi.”

Chú bé con chị Blanchotte cúi đầu xuống và vừa mơ màng vừa đi về phía lò rèn của cụ Loison, nơi bác Philip làm việc.

Cái lò rèn này như ẩn mình dưới bóng cây. Bên trong rất tối, chỉ có ánh lửa đỏ của một cái lò cực lớn bập bùng chiếu sáng năm bác thợ rèn để cánh tay trần đang nện xuống đe ầm ầm dữ dội. Họ đứng, hứng ánh sáng đỏ như quỷ thần, mắt nhìn chăm chăm vào thanh sắt nóng bỏng mình đang khảo đả; và niềm suy tưởng nặng nề của họ lên xuống theo nhịp búa.

Simon vào, không ai trông thấy, và em rón rén đến kéo áo bác thợ. Bác quay lại. Công việc bỗng dừng, cả mấy người đàn ông cùng nhìn, hết sức chăm chú.

Thế là, giữa sự im lặng bất thường đó, cất lên giọng nói nhỏ nhẹ của Simon: “Bố Philip này, lúc nãy thằng con bác Michot bảo con rằng bố không phải là bố của con hẳn hoi.”

Bác thợ hỏi: “Sao lại thế?”

Chú bé trả lời với tất cả sự ngây thơ của chú: “Vì bố không phải là chồng của mẹ.”

Không ai cười hết. Philip vẫn đứng, trán úp vào mu những bàn tay to lớn tỳ ở cán búa dựng trên đe. Bác mơ màng. Bốn người bạn nhìn bác, và bé tí xíu giữa những vị khổng lồ này, Simon lo lắng chờ đợi. Đột nhiên bác thợ rèn lớn tuổi nhất, đáp ứng ý nghĩ của tất cả mọi người nói với Philip: “Dù thế nào, Blanchotte vẫn là một cô gái tốt bụng, trung hậu và mặc dầu gặp chuyện không hay, vẫn can đảm và nền nếp, cô ấy sẽ là một người vợ xứng đáng, với một người đàn ông tử tế.”

“Đúng như vậy.” Ba người kia nói.

Bác thợ tiếp: “Cái cô gái ấy, nếu có lầm lỡ, thì lỗi ở cô chẳng? Họ hứa sẽ cưới cô, và tôi biết khối bà khác giờ đây rất được coi trọng cũng từng làm như thế.”

“Đúng như vậy.” Ba người đàn ông đồng thanh đáp.

Bác lại tiếp: “Thật tội nghiệp, cô ta đã vất vả biết bao nhiêu để một mình nuôi dạy con và đã khóc biết bao nhiêu từ cái ngày chỉ bước ra khỏi nhà để đến nhà thờ, những điều ấy chỉ có riêng Chúa biết mà thôi.”

“Cũng lại đúng như vậy.” Những người khác nói.

Thế là người ta chỉ còn nghe thấy tiếng bể thối lửa trong lò. Philip đột ngột cúi xuống với Simon: “Về bảo với mẹ là tối nay bố sẽ đến nói chuyện với mẹ.”

Rồi bác nắm vai em bé đẩy ra ngoài.

Bác trở lại với công việc, và năm lưỡi búa nện xuống đe cùng một nhát đập. Họ cứ rền như vậy cho đến tối, mạnh mẽ, tươi vui, cũng như những lưỡi búa hài lòng thỏa mãn. Và giống quả chuông lớn tiếng trầm của một ngôi nhà thờ, trong các ngày lễ vang dội lên trên tiếng reo của những quả chuông khác, lưỡi búa của Philip cũng vậy, nó át tiếng ầm ầm của những lưỡi búa khác, và cứ từng giây lại giáng xuống rộn ràng inh ỏi. Và bác, mắt sáng rực, đứng giữa các tia lửa, rền rất say sưa.

Trời đầy sao khi bác đến gõ cửa nhà chị Blanchotte. Bác mặc áo khoác ngày Chủ Nhật, sơ mi mới và râu tóc đã sửa sang. Thiếu phụ bước ra thềm và bảo bác vẽ phiên muộn: “Thưa ông Philip, ông đến lúc đêm hôm thế này quả thực

không phải lắm.”

Bác muốn trả lời, bác ấp úng và bối rối đứng trước chị. Chị tiếp: “Mà ông cũng biết rằng không nên để người ta bàn tán về tôi nữa.”

Thế là bác nói, hết sức đột ngột: “Thì có sao đâu nếu cô chịu làm vợ tôi.”

Không ai trả lời bác, nhưng bác tưởng tượng như trong bóng tối căn phòng, có người gục xuống. Bác bước vào thật nhanh; và Simon nằm trên giường, nghe thấy tiếng hôn và mấy lời mẹ thì thào rất khẽ. Rồi đột nhiên, em thấy mình được bế bổng lên trong tay bác và bác nhắc bổng em trên hai cánh tay hộ pháp, hét lên bảo em: “Nói với các bạn học của con rằng bố con là Philip Remy, bác thợ rèn, và bố sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt con.”

Ngày hôm sau, thấy trường đã đông chật và giờ học sắp bắt đầu, Simon đứng dậy, mặt tái nhợt, môi run run: “Bố tớ ấy...” Em nói rành rọt: “Bố tớ là Philip Remy, bác thợ rèn, và bố tớ hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ.”

Lần này chẳng người nào cười nữa, vì cái nhà bác Philip Remy, thợ rèn, thì biết rõ lắm rồi, và đấy thật là một ông bố, mà ai có được cũng phải lấy làm tự hào.

GUY DE MAUPASSANT
LÊ HỒNG SÂM dịch

► Không kể một ít tiểu thuyết, du ký, và thơ, Guy de Maupassant sáng tác khoảng ba trăm truyện ngắn đặc sắc. Ông được công nhận là một bậc thầy về thể loại truyện ngắn – *a master of the short story form*. [Đạo Uyên chú]



EM BÉ NÀY TỰ DO

LAN CHI

Tại buổi tiếp kiến chung của Đức Giáo Hoàng Francis (Phanxicô) ngày 29-11-2018, hình ảnh Wenzel Wirth, một cậu bé sáu tuổi đã được truyền đi khắp thế giới.

Hôm ấy, Wenzel đi thẳng lên lễ đài của sảnh Phaolô VI, tươi cười bước ngang Đức Francis và Đức Tổng Giám Mục Georg Gänswein – Chủ Tịch Phủ Giáo Hoàng. Bé chẳng hề tỏ vẻ e sợ khi đến gần vị chủ chăn của Giáo Hội hoàn vũ, cũng

chẳng ngại ngần khi bên dưới, hàng ngàn người đang nhìn mình. Cậu bé đến gần một lính gác Thụy Sĩ, sẫm soi, lắc lắc tay ra vẻ thắc mắc vì sự nghiêm cẩn của “người lớn” này. Đức Francis chẳng những không phạt ý mà còn trao đổi rất vui vẻ với Đức Cha Gänswein về bé. Mẹ của Wenzel lên lễ đài, đưa bé đến chào Đức Thánh Cha, giải thích rằng con chị bị tự kỷ và không nói được. Ngài ân cần xoa đầu Wenzel, bảo mẹ của bé cứ để con thoải mái chơi, không cần bắt đi xuống.

Sau đó, Đức Francis nhẹ nhàng nói với khán phòng: “Anh bạn nhỏ không nói được, nhưng bé biết cách truyền đạt và thể hiện. Điều đó khiến tôi suy nghĩ em bé này tự do. Tự do một cách... thiếu kỷ luật, nhưng tự do (cười). Tôi tự ngẫm, liệu mình có tự do như thế trước mặt Thiên Chúa? Khi Đức Giêsu dạy rằng chúng ta phải trở nên như trẻ nhỏ, nghĩa là chúng ta cần có sự tự do của một đứa trẻ trước mặt Cha. Em bé này đã giảng giải cho tất cả chúng ta, và hãy cầu mong hồng ân để bé có thể nói được.”

Không phán xét, không khó chịu vì một hành động dễ bị cho là “mất trật tự”, mà thay vào đó, Đức Thánh Cha đã nhìn thấy sự tự do đích thực ở Wenzel. Trật tự, khuôn phép hay kỷ luật..., suy cho cùng cũng chỉ là những nhãn quan đầy giới hạn. Người ngoài nhìn thấy Wenzel kỳ lạ là do hành động của bé nằm ngoài góc nhìn bị gò bó bởi quá nhiều thứ quy chuẩn xã hội của họ. Mở lòng hơn, quảng đại hơn, như Đức Francis, thì vẻ “kỳ lạ” trở thành sự hồn nhiên của trẻ thơ và là tự do. Tự do trong tâm tưởng và tự do trước Thiên Chúa.

LAN CHI

*Tuần báo Công Giáo Và Dân Tộc, số 2185,
từ 07 đến 13-12-2018, tr. 33.*

✉ **Một đạo hữu ở thánh thất Trường An** (xã Trường An, Tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Thư ngày 04-9-2018:

Trong cả hai quyển “Đại Thừa Chơn Giáo” (ĐTCTG) cũ và mới, ở đoạn giải về bàn thờ Thầy có dạy: Hoa, quả, trà thể dụ tam quang. Tại sao là tam quang mà không là tam bửu? Tại sao hoa, quả, trà mà không là hoa, tửu, trà?

Huệ Khải: Chào hiền huynh. Câu hỏi này hiền huynh Vị Chân (ấp Mỹ Hòa 3, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TpHCM) đã nêu trong thư ngày 20-01-2016, và đã được đưa vào *Gió Bốn Phương* (Đại Đạo Văn Uyển tập 19, tháng 9-2016). Tuy nhiên, câu trả lời đã bị “treo” luôn cho tới hôm nay. Có thể hiền huynh không có tập 19 này, vậy xin nhắc lại như sau:

Riêng câu “Còn HOA, QUẢ, TRÀ là tam bửu của các con” (ĐTCTG, bản in 1950, trang 436), được dịch ở trang 437 là “*Les FLEURS, les FRUITS, le THÉ constituent vos Trois Trésors (Tam Bửu).*”

Xem tiếp tới trang 444 (bản in 1950), dòng 4-5, lại thấy: “*Tinh, khí, thần, trong mình có đủ / HOA, QUẢ, TRÀ thể dụ tam quang*”, và trang 445, dòng 4, dịch HOA, QUẢ, TRÀ là “*Les FLEURS, les FRUITS, et le THÉ*”. Như vậy, không thể nào nghĩ rằng bản kinh 1950 đã in nhầm chữ QUẢ (*fruits*).

In lại câu hỏi của hiền huynh Vị Chân nơi đây, chúng tôi rất mong sẽ được các bậc cao minh chỉ giáo giúp cho.

GIÓ BỐN PHƯƠNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

*

@ **Hiền huynh Nguyễn Đình Túc** (thánh thất Hội An, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài). Thư ngày 25-9-2018:

1. *Pháp Chánh Truyền được Ôn Trên ban hành trong thời gian Khai Minh Đại Đạo (tháng 10 Bính Dần, tháng 11-1926). Trong chương nói về sự hình thành tổ chức Hiệp Thiên Đài chỉ có các phẩm Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, và Thập Nhị Thời Quân. Sau lại có thêm một số phẩm như: Giám Đạo, Chưởng Ấn, Thừa Sứ, Truyền Trạng, v.v... Vậy, các giáo phẩm trên do Thiêng Liêng lập tại đàn cơ nào? Có tài liệu nào nói rõ chức năng, nhiệm vụ, và quyền hạn của các giáo phẩm trên không?*

2. *Tại sao đối phẩm giữa chức sắc Hiệp Thiên Đài với Cửu Trùng Đài mỗi nơi mỗi khác? Ví dụ: Tại Tòa Thánh Tây Ninh thì Luật Sự đối phẩm với Chánh Trị Sự, Sĩ Tái đối phẩm với Lễ Sanh; nhưng tại Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thì Luật Sự, Sĩ Tái đối phẩm với Giáo Hữu.*

Huệ Khải: Kính thưa hiền huynh, tề đệ trước sau chỉ là một tín đồ bình thường, lại không thuộc về một Hội Thánh nào cả, và tề đệ thật sự không rành về cơ cấu tổ chức của từng Hội Thánh hiện hữu.

Từ khi Đạo Thầy bị chia năm xẻ bảy, mỗi Hội Thánh tại mỗi địa phương đều có không ít khác biệt về cách tổ chức hàng ngũ giáo phẩm, nghi lễ, v.v... Tề đệ tự xét mình không đủ sức (và cũng không cảm thấy hứng thú) để tìm tòi, đối chiếu, giải thích những khác biệt ấy. Trái lại, tề đệ chủ tâm ráng tìm hiểu giáo lý Đại Đạo vì còn có căn cứ là cả một kho tàng thánh ngôn, thánh giáo. Và lại, tề đệ nghĩ rằng ráng sức

góp phần vào phổ thông giáo lý thì may ra còn có thể giúp ích chút gì cho bà con tín hữu trong đời tu học của đồng đạo.

Tệ đệ đăng lại đây hai câu hỏi của hiền huynh, một là để bày tỏ lòng trân trọng đối với một bạn đọc của *Đạo Uyển* đã tin cậy mà gởi gắm thắc mắc; hai là để mong các bậc cao minh trong nhà đạo chúng ta sẽ trả lời giúp.

Riêng về câu hỏi 1 của hiền huynh, tệ đệ chỉ biết đại khái chút chi tiết như sau:

a. Trong hoàn cảnh thời cuộc quá khó khăn (vì thực dân Pháp bách hại), Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh vắng mặt hầu hết chức sắc trong hàng Thập Nhị Thời Quân. Do đó, tiền khai Phạm Hộ Pháp cầu xin Ông Trên cho lập thêm các phẩm chức sắc Hiệp Thiên Đài dưới cấp Thập Nhị Thời Quân.

Ngày 16-02 Ất Hợi (Thứ Tư 20-3-1935), trong một đàn cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (tiền kiếp là Victor Hugo tại Pháp) giảng dạy như sau:

CHƯỞNG ĐẠO NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN
ou [hay] VICTOR HUGO

Cười... Khi nãy có Thượng Phẩm [Cao Quỳnh Cư] và Quyền Giáo Tông [Lê Văn Trung] nơi đây, song hai vị mới hộ tiền nữ phái... Cười... Quý hóa dữ ha!

Thưa Hộ Pháp, Bần Đạo để lời chia vui cùng Ngài. Hôm qua nhờ có thánh chỉ Chí Tôn, nên mới đăng rộng đường xuất thánh... Bần Đạo có để lời trân trọng cầu thưởng cho học tu nên mới đăng cao phong phẩm giá.

Cười... Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba (Pháp, Đạo, Thế) thì theo sự hiểu biết của Bần Đạo như vậy:

Sĩ Tái là Sécrétaire Archiviste.

*Lên phẩm **Truyền Trạng** là Greffier.*

*Rồi lên phẩm **Thừa Sứ** là Commissaire de la Justice.*

*Phẩm **Giám Đạo** là Inspecteur.*

*Lên phẩm **Cải Trạng** là Avocat.*

*Lên phẩm **Chưởng Ấn** là Chancelier.*

*Lên phẩm ấy rồi tùy phái lên địa vị Hiệp Thiên Đài, nhưng phải biết rằng Chưởng Ấn phải lên địa vị **Tiếp Dẫn Đạo Nhơn** mà đặc phong phổ thôngặng một nước rồi mới vào chánh vị.*

(...) Thăng.

(Hương Hiếu, Đạo Sử Xây Bàn, quyển II).⁽¹⁾

b. Sau này, dưới cấp Sĩ Tái lại lập thêm phẩm **Luật Sự**, do sắc lệnh số 34/SL ngày 23-5 Bính Tý (Thứ Bảy 11-7-1936) của tiền khai Phạm Hộ Pháp.⁽²⁾

Tệ đệ trích lục như trên để hiền huynh tham khảo. Kính chúc hiền huynh an lạc.

*

① **Một đạo hữu**, môn sanh Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (điện thoại số 0915356XXX). Tin nhắn ngày 22-10-2018:

Thưa đạo huynh, Đạo Uyển Đông 2018, trang 31, chú thích số 14 có phải trích trong Pháp Bảo Đàn Kinh? Kính.

Huệ Khải: Chào đạo hữu. Chú thích 14 là để ghi lại ba câu

⁽¹⁾ <https://www.daotam.info/books/daosu/dshh.htm>.

⁽²⁾ <https://www.daotam.info/books/tvrcdhpct.htm>

chữ Nho trong lời dạy của Đức Minh Đức Đạo Nhơn:

“Tự tánh bất ly thị công, ứng dụng vô nhiễm thị đức. Tự tu tánh thị công, tự tu thân thị đức. Niệm niệm vô gián thị công, tâm hành bình đẳng thị đức.”

自性不離是功, 應用無染是德. 自修性是功, 自修身是德. 念念無間是功, 心行平等是德.

Trước khi dạy ba câu đó, Đức Minh Đức Đạo Nhơn bảo “*Theo Phật gia có nói*” mà không nói rõ *Phật gia* ấy là vị nào, bởi vì Ngài không nhắc đúng nguyên văn lời kinh do cao đồ của Đức Lục Tổ Huệ Năng là Pháp Hải 法海 chép lại trong *Pháp Bảo Đàn Kinh* (Phẩm Thứ Ba: Quyết Nghi 決疑).

Theo *Pháp Bảo Đàn Kinh*, Phẩm Thứ Ba chép (trích):

Bất ly tự tánh thị công, ứng dụng vô nhiễm thị đức. [...] (3) Niệm niệm vô gián thị công, tâm hành bình trực thị đức. Tự tu

(3) Sáu mươi ba từ được lược bớt: Nhược mịch công đức pháp thân, dẫn y thử tác, thị chân công đức. Nhược tu công đức chi nhân, tâm tức bất khinh, thường hành phổ kính. Tâm thường khinh nhân, ngô ngã bất đoạn, tức tự vô công, tự tính hư vọng bất thật, tức tự vô đức; vi ngô ngã tự đại, thường khinh nhất thiết cố. Thiện tri thức! 若覓功德法身, 但依此作, 是真功德. 若修功德之人, 心即不輕, 常行普敬. 心常輕人, 吾我不斷, 即自無功, 自性虛妄不實, 即自無德; 爲吾我自大, 常輕一切故. 善知識! (Nếu tìm kiếm pháp thân của công đức, chỉ có làm y theo đây mới là công đức chơn thật. Nếu người tu hạnh công đức, thì tâm chẳng khinh người, thường cung kính mọi người. Tâm hay khinh người, ta người chẳng dứt, tức là tự mình chẳng có công, tự tánh hư vọng không thật, tức là tự mình chẳng có đức; bởi vì cái ngã của mình mà tự cho mình là lớn, nên hay khinh thường tất cả người khác. Nay thiện tri thức!)

tánh thị công, tự tu thân thị đức.

不離自性是功, 應用無染是德. [...] 念念無間是功, 心行平直是德. 自修性是功, 自修身是德.

So sánh, chúng ta thấy:

- Đức Minh Đức Đạo Nhơn đã lược bớt sáu mươi ba từ trong *Pháp Bảo Đàn Kinh*, xem chú thích (3).

- Pháp Bảo Đàn Kinh chép: “*Bất ly tự tánh”*; Đức Minh Đức Đạo Nhơn đảo lại: “*Tự tánh bất ly*”. (Ý nghĩa chẳng khác.)

- Pháp Bảo Đàn Kinh chép: “*tâm hành bình trực”*; Đức Minh Đức Đạo Nhơn dạy: “*tâm hành bình đẳng”*.

- Pháp Bảo Đàn Kinh trước chép: “*Niệm niệm vô gián thị công, tâm hành bình trực thị đức*”, sau mới chép tiếp: “*Tự tu tánh thị công, tự tu thân thị đức*”. Đức Minh Đức Đạo Nhơn trước dạy: “*Tự tu tánh thị công, tự tu thân thị đức*”, sau mới dạy tiếp: “*Niệm niệm vô gián thị công, tâm hành bình đẳng thị đức*”. (Nghĩa là Ngài đảo thứ tự hai câu ấy.)

Kính thưa đạo hữu, rất cảm ơn đạo hữu khéo nhắc, nhờ vậy tệ đệ có thể bổ khuyết phần chú thích thánh giáo.

*

@ **Một hiền muội ẩn danh**, tu sinh tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Điện thư ngày 09-11-2018:

Có hai đàn cơ tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, đều do bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam thông công:

A. Ngày 15-6 Mậu Thân (Thứ Tư 10-7-1968), Đức Đông

Phương Chương Quán giảng cơ dạy: “Sách có câu Tiền xa ký phúc / Thấy đồ rồi tránh khúc quanh co / Trên đường đạo đức lần dò / Thiện tâm, thiện chí vai trò mới nên.”

B. Ngày 01-4 Kỷ Dậu (Thứ Sáu 16-5-1969), Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt giảng cơ dạy: “Nhứt là năm này, niên khóa này, cần phải ẩn hơn là hiện. Ẩn không phải là không hoạt động. Ẩn để chuẩn bị một ngày mai, gọi là dĩ dật đãi lao.”

Xin Đạo Uyển giảng nghĩa giúp đạo muội bốn chữ tiền xa ký phúc, và dĩ dật đãi lao. Dịch ra tiếng Anh thế nào ạ? Xin cảm ơn Ban Ẩn Tống nhiều ạ.

Huệ Khải: A. Chào hiền muội. Người xưa nói: *Tiền xa ký phúc, hậu xa đương giới*. 前車既覆，後車當戒. (Xe trước lật nhào rồi, xe sau nên tránh.) Giải nghĩa từng chữ như sau:

Tiền là đằng trước (*ahead*); *hậu* là phía sau (*behind*); *xa* ở đây chúng ta hiểu là xe do súc vật kéo (*cart*); *ký* nghĩa là đã rồi (*already*); *phúc* là lật nhào, đổ nhào (*overturning, being overtuned*); *đương* là nên (*should, ought to*); *giới* là phòng ngừa, đề phòng (*guarding against, taking precautions against*).

Vậy, câu *Tiền xa ký phúc, hậu xa đương giới* có thể dịch như sau: *The overturned cart ahead should be a warning to the cart behind.*

Một dị bản của câu này là: *Tiền xa ký phúc, hậu xa khả giới*.

Khả 可 là có thể (*possible*). *Hậu xa khả giới* là xe sau có thể tránh. Vậy, câu *Tiền xa ký phúc, hậu xa khả giới* có thể dịch như sau: *The overturned cart ahead may be a warning to the cart behind.*

B. Dĩ dật đãi lao 以逸待勞. Giải nghĩa từng chữ như sau:

Dĩ là lấy, dùng (*taking, using*). *Dật* là nhàn rỗi, nhàn nhã (*leisure*). *Đãi* là chống lại, đương cự lại, đối phó (*dealing with*); còn có nghĩa là chờ đợi (*waiting*). *Lao* là lao nhọc, nhọc nhằn, mệt mỏi (*weariness, tiredness*).

Dĩ dật đãi lao tương truyền là một trong ba mươi sáu chước chếp trong binh pháp của Tôn Tử (545-470 trước Công Nguyên), có nghĩa là lấy nhàn đánh mệt, cho quân được nghỉ ngơi, dưỡng sức khỏe khoắn để chờ cơ hội đánh quân địch đang mệt mỏi, đuối sức (*waiting at one's ease for the exhausted enemy*). Đây là nghĩa thứ nhất.

Tam Quốc Chí, hồi 71, kể chuyện lão tướng Hoàng Trung (bên Lưu Bị) cho quân chiếm cứ núi Đối. Tướng Hạ Hầu Uyên (bên Tào Tháo) xua quân giành lại. Quân của Uyên vây kín núi Đối, chửu mắng đối phương thậm tệ, reo hò thách thức giao chiến. Quân Hoàng Trung trên núi mặc kệ. Đến quá trưa, quân của Uyên trở nên mệt mỏi, hết cả hăng hái. Bấy giờ Hoàng Trung mới xua đại quân kéo xuống núi, khí thế ngút trời. Hạ Hầu Uyên chưa kịp trở tay đã lãnh nguyên một đao của Hoàng Trung mà tử trận. Quân Tào tan tác. Đó là Hoàng Trung biết dùng kế dĩ dật đãi lao mà đại thắng.

Nghĩa thứ hai là dưỡng sức chờ tới thời cơ thì ra tay (*nurturing one's strength and biding one's time*). Thành ngữ dĩ dật đãi lao trong thánh giáo Đức Lê Đại Tiên nên hiểu theo nghĩa thứ hai. Sự chờ thời cơ ở đây mang nghĩa tích cực: Tuy chưa thi thố nhưng vẫn phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết. Thí dụ, người ở ẩn (ẩn dật) vẫn phải học hành, rèn luyện để giỏi giang hơn, hữu hiệu hơn một khi xuất thế giúp

đời. Chẳng hạn, khi đạo gặp nghịch cảnh thử thách, chùa bế thất niêm, người hướng đạo vẫn bền gan ẩn thân tu luyện tâm pháp và học hỏi kinh điển cho thông suốt giáo lý. Đến khi thời thế hanh thông, người hướng đạo sẽ vào đời đem hết vốn liếng hàm dưỡng, tu học bấy lâu ra giúp đạo giúp đời. Đó là thực hành đúng theo bí quyết *dĩ dật đãi lao*.

Lấy thí dụ khác, có giai đoạn kéo dài nhiều năm, việc xuất bản kinh sách Cao Đài chưa được giới hữu trách cho phép. Người *dĩ dật đãi lao* cứ bình thản nghiên cứu, biên soạn sẵn các tài liệu hoằng pháp cho kỹ càng; làm xong bao nhiêu bản thảo thì cứ để dành đó. Đến khi có điều kiện xuất bản thì đã sẵn sàng nhiều bản thảo rồi, sẽ tùy duyên đem ra ấn hành.

Tiếng Anh có thành ngữ *biding one's time*. Từ điển Oxford giảng: *Waiting quietly for a good opportunity to do something* (lặng lẽ đợi chờ dịp tốt làm việc gì). Đó là *dĩ dật đãi lao*.

*

① **Một đạo huynh**, môn sanh Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh (điện thoại số 0837129XXX). Gọi điện ngày 15-11-2018:

Giải Mã Truyện Tây Du (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011), trang 165, mục B, có câu: “Hầu Vương hỏi thăm bài hát này học từ đâu, được người kiểm cử chỉ đến động Tà Nguyệt Tam Tinh, núi Linh Đài Phương Thốn, do Tổ Sư Tu Bồ Đề làm chủ.” Theo tôi nhớ, ông Tu Bồ Đề là đại đệ tử Đức Phật Thích Ca. Xin đạo huynh Huệ Khải vui lòng coi lại chi tiết này.

Huệ Khải: Chào hiền huynh. Cảm ơn hiền huynh quan tâm một tập sách của tề đệ. Vâng, hiền huynh nhớ đúng: Ông Tu Bồ Đề 須菩提 (*Subhūti*) là một trong mười cao đồ của Đức

Phật Thích Ca. Chính ông đã thỉnh Đức Phật giảng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa. Khi hư cấu tiểu thuyết Tây Du Ký, nhà văn Ngô Thừa Ân đã mượn tên ông Tu Bồ Đề để đặt tên cho sư phụ của Hầu Vương.

Tề đệ tham khảo *Tây Du Ký*, Tập I (Hà Nội: Nxb Văn Học, 1982, bản dịch của Như Sơn, Mai Xuân Hải, Phương Oanh), trang 43, in như sau:

Người kiểm cử cười: Gần thôi, gần thôi. Núi này gọi là “Linh Đài Phương Thốn”. Trong núi có động “Tà Nguyệt Tam Tinh”. Trong động có vị thần tiên tên gọi Tu Bồ Đề tổ sư.

Bản chữ Hán cũng viết là Tu Bồ Đề:

樵夫道：不遠，不遠。此山叫做靈臺方寸山，山中有座斜月三星洞，那洞中有一個神仙，稱名須菩提祖師。

(Tiêu phụ đạo: Bất viễn, bất viễn. Thử sơn khiêu tổ Linh Đài Phương Thốn sơn, sơn trung hữu tọa Tà Nguyệt Tam Tinh động, na động trung hữu nhất cá thần tiên, xưng danh Tu Bồ Đề tổ sư.)

Kính chúc hiền huynh an lạc và mong được nhận thêm các góp ý của hiền huynh để giúp ích cho các sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện.

*

✉ **Hiền tỷ Nguyễn Thị Kim Oanh**, đường Bến Vân Đồn, quận 4, TpHCM. Thư ngày 24-11-2018:

Đàn cơ tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 15-6 Mậu Thân (Thứ Tư 10-7-1968), Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân dạy: “Chư hiền nên nhớ câu này: Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi.”

Cũng trong đàn cơ này Đức Liên Hoa Thánh Mẫu có nói tới “tân toan hàm khổ”. Kính nhờ Gió Bốn Phương giải nghĩa giúp các chữ Nho trên đây. Xin cảm ơn quý vị.

Huệ Khải: Chào hiền tử. Xin lần lượt trình bày như sau:

1. *Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi* 莫見乎隱, 莫顯乎微 có trong sách Trung Dung, chương I. Nghĩa từng chữ như sau:

Mạc là chẳng có gì mà (*There's none that...*). *Hiện* là hiện ra rõ, nhìn thấy rõ (*visible*). *Hồ* là từ dùng để so sánh, cũng giống chữ *than* trong tiếng Anh (xem câu dịch của James Legge bên dưới). *Ẩn* là kín nhem (*secret*), ẩn giấu, che giấu (*hidden, concealed*). *Hiển* cũng như *hiện* (nên ta nói *hiển hiện*) tức là tỏ rõ, thấy rõ (*apparent, visible*). *Vi* là nhỏ nhặt, bé tí ti (*tiny, minute*), nên ta nói *vi trùng, vi khuẩn...*

James Legge dịch *Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi* như sau: *There is nothing more visible than what is secret, and nothing more manifest than what is minute.* (Chẳng có gì lộ hơn cái che giấu, chẳng có gì phơi bày rõ ràng hơn cái nhỏ bé tí ti.)

Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi có một ý nghĩa luân lý cao sâu. Đó là những gì càng khuất lấp thì lại càng phơi bày ra rất rõ ràng trước mắt thần minh (*gods, deities*). Do đó, người quân tử dù ở nơi thanh vắng, riêng mình lẻ loi vẫn thận trọng giữ gìn tư cách, phẩm hạnh của mình. Bởi vậy, trong sách Trung Dung, nối tiếp theo sau *Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi*, liền có câu: 故君子慎其獨也 *cố quân tử thận kỳ độc dã*.

James Legge dịch: *Therefore the superior man is watchful over himself, when he is alone.* (Bởi vậy người quân tử thận trọng giữ mình khi lẻ loi, đơn chiếc.)

Điều Nguyên kể tích xưa: Dương Chấn được bổ làm thái thú quận Đông Lai. Trên đường phó nhậm đi qua đất Xương Ấp. Quan huyện ở đấy là Vương Mật, trước kia được Dương Chấn đề bạt. Thế nên đợi đêm khuya, Vương Mật đem vàng đến tạ ơn. Dương Chấn bảo: “Trước đây tôi biết ông là người khá, mới tiến cử ông. Thế mà ông vẫn chưa biết bụng tôi, còn đem vàng tới cho tôi ư?” Vương Mật cố nài, thưa rằng: “Xin Ngài cứ nhận cho. Bây giờ đêm khuya không ai biết.” Dương Chấn nói: “Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo là không ai biết!”⁽⁴⁾

Chúng ta thấy Dương Chấn quả là người khéo áp dụng câu *Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi* để giữ đức thanh liêm.

Câu *Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi, cố quân tử thận kỳ độc dã* được bác sĩ Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) dịch rất hay:

Càng ẩn áo lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi càng tỏ sáng nhiều.
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng xiêu lòng vàng.

Chiếc bóng là lẻ bóng, một mình. *Tịch liêu* là yên lặng, vắng vẻ. *Lòng vàng* là lòng thanh cao, đạo đức rất đáng quý. *Chẳng xiêu* là chẳng lay chuyển, không dao động, vẫn vững vàng.

2. *Tân toan hàm khổ* 辛酸鹹苦 theo thứ tự là bốn vị cay (*pungent*), chua (*sour*), mặn (*salty*), đắng (*bitter*).

*

⁽⁴⁾ *Ánh Sáng Của Trần Gian*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 94. Quyển 120-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.



KINH SÁCH MỚI IN

*“... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh
hiền truyện.”* Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tống quý 4/2018 và quý 1/2019 liên kết Nxb Hồng Đức:

119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY (Huệ Khải, in 2.500 quyển) – Do quý môn sanh Chiếu Minh (Long Vân Đàm, Mỹ Tho) chung tay công quả **25 triệu** đồng, gồm có: đạo hữu LÊ THÁI THỨC (10 triệu đồng, gởi đợt 72, 83); đạo hữu NGUYỄN LÂM SƠN THỦY (10 triệu đồng, gởi đợt 82); đạo hữu THANH CHƠN (5 triệu đồng, gởi đợt 68).

120-1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIÂN (Diệu Nguyên, in 3.000 quyển) – Do công quả **33 triệu** đồng (gởi đợt 139, 141) của gia đình quý môn sanh thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà (thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên), gồm có: hiền huynh NGÔ VĂN HAI và các bào đệ, bào muội: NGÔ VĂN BIẾT, NGÔ THỊ ĐIỀU, giác linh NGÔ VĂN BẢNH, giác linh NGÔ VĂN DẤU.

121-1. TẤM LÒNG MỘT NGƯỜI THẤY (Huệ Khải, in 2.000 quyển) – Do công quả **18.640.000** đồng của quý ân nhân: 1. Gia đình ĐT BÙI THỊ CẢNH. Tti Ngọc Điện Huỳnh Hà. Gởi đợt 138. / 2. Giác linh ĐH CHÍ TÂM (Nguyễn Văn Út). TT Nam Thành. Gởi đợt 141. / 3. ĐT ĐẠI CỐ BẮC. Minh Lý Thánh Hội. Gởi đợt 140. / 4. ĐT HUỖNH THỊ THỦY. Tti Tứ Long Châu. An Khánh, Châu Thành, Bến Tre. Hồi hướng thân phụ (ĐH Huỳnh Văn A). Gởi đợt 140. / 5. ĐH PHAN VĂN THẮN. Ấp Cái Bạt, xã Tân Hưng Tây, Phú Tân, Cà Mau. Hồi hướng giác linh thân phụ (ĐH Phan Ngọc Yển) và thân mẫu (ĐT Hồng Thị Tư). Gởi đợt 139. / 6. ĐH TẠ VĂN TUẤN. Đà Nẵng. Gởi đợt 125, 126, 127, 128 (hai lần), 129, 131, 132, 134. / 7. ĐT TRẦN NGỌC HƯỜNG. TT Calgary, Alberta, Canada. Gởi đợt 138. / 8. ĐT ĐÌNH THỊ HOÀI. Gởi đợt 141. / 9. Gia đình ĐT LÊ THỊ KIẾU OANH. Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang. Gởi đợt 138. / 10. Thánh thất LỘ ĐỒ. Bùi Minh Trực, quận 8, TpHCM. Gởi đợt 136. / 11. ĐH LƯƠNG NGỌC THỌ. Tân An, Hội An, Tp Hội An, Quảng Nam. Gởi đợt 140. / 12. Gia đình ĐT NGỌC VĂN HƯƠNG. Tti Thanh Tịnh Đàm. Gởi đợt 138. / 13. Hành Thiện NGUYỄN LỢI. TT Từ Vân, Phú Nhuận. Gởi đợt 138. / 14. ĐT NGUYỄN THỊ KIM THUY (đạo hữu Tti Ngọc Minh Đài chuyển giúp). Gởi đợt 137. / 15. ĐH NGUYỄN THIÊN DUY. TT An Thạnh, Long An. Gởi đợt 138. / 16. TT NHỰT CHÁNH, Bến Lức, Long An. Gởi đợt 140. / 17. ĐT PHẠM THỊ THANH LAN. Tti Thanh Tịnh Đàm, Tiền Giang. Hồi hướng giác linh song thân (ĐH Phạm Văn Sáu và ĐT Đình Thị Mùi). Gởi đợt 138. / 18. ĐH PHẠM TRUNG QUỐC. TT Nhựt Chánh. Bến Lức, Long An. Gởi đợt 141. / 19. ĐT TẠ THỊ VUI: Ninh Phú, Bàu Nặng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 128. / 20. ĐT TRANG THÁI DƯƠNG: Cầu Khởi, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 118. / 21. ĐH TRẦN NGỌC TÂM, ĐT HỒNG TUYẾT. Cơ

Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Gởi đợt 137. / 22. ĐT TRẦN THỊ THỜI. TT Nhựt Chánh, Bến Lức, Long An. Hồi hướng giác linh ĐH Phạm Văn Kỳ (Phó Hội Trưởng TT Phước Đông, Cần Đức, Long An). Gởi đợt 141. / 23. ĐH TRẦN VĂN. TT Trung Phước An, Dak Lak. Gởi đợt 140.

122-1. VÚT MỘT ĐƯỜNG MÂY (Huệ Khải, in 2.000 quyển) – Do công quả **15.500.000** đồng của quý ân nhân: 1. ĐH HÀ SANH. TT Trung Nam. Nghĩa Thành, Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu. Hồi hướng giác linh thân phụ (Giáo Hữu Ngọc Bách Thanh, 1933-2007). Gởi đợt 141. / 2. ĐT LÊ THỊ HỮU, ĐT LÊ THỊ NÔ. TT Trường An. Tân Quới Hưng, Trường An, Vĩnh Long. Hồi hướng giác linh thân mẫu (ĐT Bùi Thị Xy, 1920-2013) và giác linh bào muội (ĐT Lê Thị Mảnh, 1951-2013). Gởi đợt 139. / 3. ĐH TRÍ DŨNG. Chiếu Minh, Long Vân Đàm, Mỹ Tho. Gởi đợt 72. / 4. ĐH VÕ TRỌNG ĐIỂM. TT Trung Chính. Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi đợt 140.

ĐẠO UYỂN XUÂN 2019 (tập 29), in 2.000 quyển, do công quả **23.100.000** đồng của quý huynh tỷ phượng danh như sau:

I. Quý ân nhân thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo, công quả **7.000.000** đồng:

- | | |
|--|-----------|
| 1. NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhựt Chánh, Bến Lức). Gởi đợt 140, 141. | 1.000.000 |
| 2. PHẠM MỘNG THY (chung cư Hoàng Tháp, TpHCM). Gởi đợt 134. | 2.000.000 |
| 3. PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 140, 141. | 1.000.000 |
| 4. PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 140, 141. | 1.000.000 |
| 5. PHẠM THỊ ĐIỂM HƯƠNG (TT An Thạnh). Gởi đợt 114, 118, 127. | 2.000.000 |

II. Quý ân nhân thuộc Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo, công quả **1.000.000** đồng:

- | | |
|---|---------|
| 1. HỒ QUỐC HÙNG (TT Thành Tâm Đàm). Gởi đợt 141. | 100,000 |
| 2. NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàm): Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, P Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh cha mẹ (ĐH Nguyễn Văn Mới và ĐT Võ Thị Quán), giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi đợt 141. | 500,000 |
| 3. NGUYỄN THỊ TỪ PHƯỢNG (Hoa Kỳ). Gởi đợt 141. | 200,000 |
| 4. TỪ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàm). Gởi đợt 141. | 200,000 |

III. Quý ân nhân thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, công quả **7.000.000** đồng:

- | | |
|---|-----------|
| 1. NGUYỄN THỊ DUNG (Cẩm Thắng, Cẩm Giang, Gò Dầu, Tây Ninh). Hồi hướng giác linh Cha (ĐH Nguyễn Văn Đước). Gởi đợt 125. | 2.000.000 |
| 2. TRẦN THỊ ĐIỀU HIẾN: Hiệp Nghĩa, Hiệp Ninh, TP Tây Ninh. Gởi đợt 126. | 4.000.000 |
| 3. Nhóm đồng đạo ĐT THU (Hòa Thành). Gởi đợt 131. | 1.000.000 |

IV. Quý ân nhân thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, công quả **8.100.000** đồng (mỗi vị 100.000 đồng):

- | | |
|--|--|
| 1. BÙI QUANG ĐỨC (TT Long Vân): Linh Trung, Thủ Đức. Gởi đợt 14. / 2. CAO VĂN LÂM SƠN. Cai Lậy, Tiền Giang. Gởi đợt 141. / 3. PTS DƯƠNG KIM ANH (TT Bình Thạnh): Gởi đợt 2, 28. / 4. | |
|--|--|

Minh Đức DƯƠNG THỊ TIẾN (họ đạo Bình Khánh), Cần Giở. Gởi đợt 109. / 5. DƯƠNG THỊ YẾN PHƯỢNG (TT Thị Trấn Gò Dầu): Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi đợt 63HK. / 6. ĐÀM THỊ BÍCH HANH: Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 110. / 7. ĐÀM VĂN HẢI: Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 112. / 8. ĐINH THỊ HÒA: Hoạn Ninh, Khánh Hòa. / 9. ĐOÀN NGỌC DIỄM: Long Chữ, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 118. / 10. ĐOÀN THỊ HUYỀN: Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 115. / 11. ĐOÀN THỊ LÝ: Long Thành Trung, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 115. / 12. ĐOÀN VĂN NGHĨA: Long Thành Trung, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 115. / 13. HOÀNG THỊ HÀ. Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 111. / 14. HỒ THANH TÙNG (họ đạo Bình Khánh), Cần Giở. Hồi hướng giác linh cha (Hồ Văn Tám, ấp Bình Phước, 72 tuổi). Gởi đợt 109. / 15. HỒ VĂN SIA (họ đạo Bình Khánh), Cần Giở. Hồi hướng giác linh cha (Lê Văn Phối, 25 tuổi, ấp Bình Mỹ) và giác linh mẹ (Hồ Thị Mới, 23 tuổi). Gởi đợt 109. / 16. HUỖNH THỊ HẠNH. Long Chữ, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 117. / 17. HUỖNH THỊ MÁT. Long Thành Trung, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 115. / 18. HUỖNH THỊ MỘT (TT Vũng Liêm). Gởi đợt 59. / 19. HUỖNH VĂN DŨN (TT Long Hương). Thị trấn Ngã Giao, Bà Rịa-Vũng Tàu. Hồi hướng giác linh Trần Thị Tĩnh. Gởi đợt 16. / 20. HUỖNH VĂN PHƯỚC. A2/4B, KP2, Tân Vạn, Biên Hòa. Gởi đợt 132. / 21. LÂM THỊ KIM SINH (TT Long Thành Trung). Gởi đợt 88. / 22. LÊ THỊ BẠCH YẾN. Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 139. / 23. LÊ THỊ HÀ. Ninh Sơn, Tp Tây Ninh. Gởi đợt 135. / 24. LÊ THỊ LỢI: Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 115. / 25. LÊ THỊ NGỌC HƯƠNG: Ninh Diển, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 117. / 26. LÊ THỊ THANH (TT Bạc Liêu): Gởi đợt 76. / 27. LƯƠNG THỊ BẠCH LÊ (Long Thành Nam, Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi đợt 127. / 28. LƯƠNG VĂN LÂN (TT Thị Trấn Chợ Lách): Hồi hướng cửu huyền thất tổ. Gởi đợt 63HK. / 29. LÝ THỊ HIỀN: X Tân Châu, H Tân Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 120. / 30. LÝ VĂN CHẢI: Long Hoa, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 117. / 31. CTS NGÔ THỊ NUI (TT Chợ Lớn). Gởi đợt 67. / 32. NGUYỄN NGỌC ÁNH (TT Hiệp Thạnh): Gởi đợt 32. / 33. NGUYỄN THÁI THỊ PHƯƠNG ANH: P4, Tây Ninh. Gởi đợt 115, 136. / 34. NGUYỄN THỊ BA: Long Chữ, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 117. / 35. NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT. Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 141. / 36. NGUYỄN THỊ CẨM: xã Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 109. / 37. NGUYỄN THỊ CẨM TÚ (Hiệp Thạnh, Gò Dầu, Tây Ninh). Gởi đợt 108. / 38. NGUYỄN THỊ HOA. Cai Lậy, Tiền Giang. Gởi đợt 141. / 39. NGUYỄN THỊ HỒNG THANH (Hòa Thành, Tây Ninh). Gởi đợt 100. Hồi hướng thân mẫu (Nguyễn Thị Hồng Châu). / 40. NGUYỄN THỊ KIỀU: Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 112, 114. / 41. NGUYỄN THỊ KIM QUANG. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 135. / 42. NGUYỄN THỊ KIM THOA: Mỹ Hòa, Ba Tri. Gởi đợt 58HK. / 43. NGUYỄN THỊ LỆ (TT Ấp 5): Bàu Đôn, Gò Dầu. Gởi đợt 81, 82. / 44. NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG. TpHCM. Gởi đợt 141. / 45. NGUYỄN THỊ MỘNG THU. Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 136. / 46. NGUYỄN THỊ NGÀ. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 139. / 47. NGUYỄN THỊ NGUYỄN: An Cơ, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 114. / 48.

NGUYỄN THỊ NHƠN (họ đạo Bình Khánh), Cần Giở. Hồi hướng giác linh cha (Nguyễn Văn Quế, ấp Bình Thuận, 76 tuổi) và giác linh mẹ (Nguyễn Thị Phận, ấp Bình Thuận, 79 tuổi). Gởi đợt 109. / 49. NGUYỄN THỊ PHÙNG: Gởi đợt 90. / 50. NGUYỄN THỊ THIÊN NGÀ: Mỹ Đức Tây, Tiền Giang. Gởi đợt 128. / 51. NGUYỄN THỊ TRƠN: Ninh Diển, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 117. / 52. NGUYỄN THỊ TRUYỀN: Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 114. / 53. NGUYỄN THỊ TÝ (họ đạo Bình Khánh), Cần Giở. Hồi hướng giác linh cha (Nguyễn Văn Nhứt, 53 tuổi, ấp Bình Phước) và giác linh mẹ (Nguyễn Thị Quới, 87 tuổi, ấp Bình Phước). Gởi đợt 109. / 54. NGUYỄN THỊ VÂN. Chà Là, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 139. / 55. PTS NGUYỄN VĂN DẪM (họ đạo Bình Khánh), Cần Giở. Hồi hướng giác linh cha (PTS Lê Văn Tân, 60 tuổi, ấp Bình Trường) và giác linh mẹ (Nguyễn Thị Ngự, 75 tuổi, ấp Bình Trường). Gởi đợt 109. / 56. Giác linh CTS NGUYỄN VĂN HOA (TT Trà Vinh): Gởi đợt 53. / 57. NGUYỄN VĂN QUANG (TT Lợi Bình Nhơn, Tân An. Gởi đợt 66. / 58. NGUYỄN XUÂN CHIẾN. Tân Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 118. / 59. PHẠM THỊ HỒNG CÚC (ĐTPM Thái Hòa): Gởi đợt 86. / 60. PHẠM VIỆT NỮ. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 135. / 61. PHAN MINH TRUNG (TT Lộc Hưng): Trảng Bàng. Gởi đợt 33. / 62. PHAN THỊ HỒNG GẤM (Bàu Đôn, Gò Dầu, Tây Ninh). Gởi đợt 127. / 63. PHAN THỊ KIỀU OANH. Long Thành Trung, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 141. / 64. PHAN THỊ MỸ TIẾN: X Tân Châu, H Tân Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 120. / 65. TRẦN THỊ HÀ TUYẾN. Thanh Diển, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 135. / 66. TRẦN THỊ KIM LOAN. An Bình, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 118. / 67. TRẦN THỊ LỢI (TT Đa Phước): Đà Lạt. Gởi đợt 29. / 68. TRẦN THỊ MỸ CHÂU (TT Chợ Lớn): Hồi hướng song thân (Trần Văn Hoành, Nguyễn Thị Mài). Gởi đợt 23. / 69. TRẦN THỊ NHIỀU. Ninh Thạnh, Tp Tây Ninh. Gởi đợt 118. / 70. TRẦN THỊ RẪNH (TT Ấp 5): Bàu Đôn, Gò Dầu. Gởi đợt 81, 82. / 71. TRẦN THỊ THU HẰNG: Cẩm Sơn, Cai Lậy, Tiền Giang. Gởi đợt 128. / 72. TRẦN VĂN LANG (TT Bình Chánh): Vĩnh Lộc A. Gởi đợt 64HK. / 73. TRẦN VĂN NGỌC (TT Long Thành Trung): Gởi đợt 33. / 74. TRẦN VĂN VIỄN: Long Thành Nam, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 117. / 75. TRƯƠNG THỊ ĐỂ. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 139. / 76. TRƯƠNG THỊ NGÀ: Long Vĩnh, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 111. / 77. VÕ THỊ KHANG (Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh). Gởi đợt 127. / 78. VÕ THỊ KIM HẰNG. Cầu Khởi, Dương M Châu, TN. Gởi đợt 125. / 79. VÕ THỊ KIM VÀNG. Cầu Khởi, Dương M Châu, TN. Gởi đợt 126. / 80. VÕ THỊ KHANG. Long Vĩnh, Châu Thành, TN. Gởi đợt 126. / 81. VÕ THỊ LIỄU: Bàu Đôn, Gò Dầu, Tây Ninh. Gởi đợt 130.

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ AN NHÂN CÔNG QUẢ ẤN TỔNG

Đợt Một Trăm Bốn Mươi: Từ ngày 27-9-2018 đến ngày 31-10-2018

Môn sanh, đạo tâm:

01	Đạo hữu AN DANH. Gởi ACB ngày 22-10.	50,000
02	ĐT ĐẠI CƠ BÁC (Minh Lý Thánh Hội). Gởi 14-10.	1,000,000

03 ĐT LÊ THỊ NGHI DUNG (Cơ Quan PTGL Đại Đạo). Gởi 09-10. 200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

04 ĐT NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhựt Chánh, Bến Lức). Gởi 16-10. 500,000

05 TT NHỰT CHÁNH, Bến Lức. Gởi 16-10. 500,000

06 Cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Nhựt Chánh). Gởi 16-10. 500,000

07 Cháu PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh). Gởi 16-10. 500,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

08 ĐT HUỲNH THỊ THỦY (TTi Tứ Long Châu): An Khánh, Châu Thành, Bến Tre. 1,000,000
Hồi hướng thân phụ (ĐH Huỳnh Văn A). Gởi 23-10.

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

09 ĐH LƯƠNG NGỌC THỌ (Tân An, Hội An, Tp Hội An, Quảng Nam). Gởi 12-10. 500,000

10 ĐH TRẦN (TT Trung Phước An). Gởi ACB ngày 23-10. 500,000

11 ĐH VÔ TRỌNG ĐIỂM (TT Trung Chính). Hồi hướng cữu huyền thất tổ. Gởi 29-10. 500,000

Tổng cộng: **5,750,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Bốn Mươi Mốt: Từ ngày 01-11-2018 đến ngày 30-11-2018

Môn sanh, đạo tâm:

01 Giác linh ĐH CHÍ TÂM (Nguyễn Văn Út). TT Nam Thành. Gởi 17-11. 2,000,000

THÁNH TỊNH THANH TỊNH ĐÀN (TIỀN GIANG)

02 ĐT HỒNG TRANG HUƠNG. TTI Thanh Tịnh Đàn. Gởi 21-11. 2,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

03 ĐT ĐÌNH THỊ HOÀI. Gởi 14-11. 500,000

04 ĐT NGUYỄN THỊ MINH GIANG. TT Nhựt Chánh. Gởi 14-11. 500,000

05 Cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG. TT Nhựt Chánh. Gởi 14-11. 500,000

06 Cháu PHẠM QUẾ TRÂM. TT Nhựt Chánh. Gởi 14-11. 500,000

07 ĐH PHẠM TRUNG QUỐC. TT Nhựt Chánh. Gởi 14-11. 500,000

08 ĐT TRẦN THỊ THỜI. TT Nhựt Chánh. Hồi hướng giác linh ĐH Phạm Văn Kỳ 500,000
(Phó Hội Trưởng TT Phước Đông, Cần Đức, Long An). Gởi 14-11.

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

09 ĐH HỒ QUỐC HÙNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 30-11. 100,000

10 ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn): Kinh Xáng, Phụng Hiệp, 500,000
Khóm 1, P Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh cha mẹ (ĐH Nguyễn Văn Mới và ĐT Võ Thị Quán), giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang).
Gởi 30-11.

11 ĐT NGUYỄN THỊ TỬ PHƯƠNG (Hoa Kỳ). Gởi 30-11. 200,000

12 ĐT TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 30-11. 200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

13 ĐT BÙI KIM NGUYỄN. Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 02-11. 100,000

14 ĐH CAO VĂN LÂM SƠN. Cai Lậy, Tiền Giang. Gởi 02-11. 100,000

15 ĐT NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT. Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi 02-11. 100,000

16 ĐT NGUYỄN THỊ HOA. Cai Lậy, Tiền Giang. Gởi 02-11. 100,000

17 ĐT NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG. TpHCM. Gởi 02-11. 100,000

18 ĐT PHAN THỊ KIỂU OANH. Long Thành Trung, Hòa Thành, T Ninh. Gởi 02-11. 100,000

19 ĐT TRẦN THỊ KIM SƠN. Long Vinh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 02-11. 200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN

20 ĐH NGÔ VĂN HAI (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà) và các em: NGÔ VĂN BIẾT, 3,000,000
NGÔ THỊ ĐIỀU, giác linh ĐH NGÔ VĂN BÀNH, giác linh ĐH NGÔ VĂN DẤU.
Gởi 30-11. Hồi hướng cữu huyền thất tổ.

21 ĐT TRẦN THỊ HIỂN (TTi Ngọc Kim Thánh Điện). Hồi hướng giác linh ông 300,000
ngoại (ĐH Ngô Trung Tánh), cha (ĐH Cao Văn Xuân) và mẹ (ĐT Ngô Thị Huệ). Gởi 07-11.

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

22 ĐH HÀ SANH. TT Trung Nam. Nghĩa Thành, Châu Đức, BR-VT. Hồi hướng 5,000,000
giác linh thân phụ là Giáo Hữu Ngọc Bách Thanh (1933-2007). Gởi 29-11.

Tổng cộng: **17,100,000 VNĐ**

TRÂN TRỌNG KÍNH BÁO

Vào giữa quý Một và đầu Quý Hai năm 2019, Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo sẽ ấn hành:

* *SƠ KHẢO THUẬT NGỮ ĐẠO CHÚA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI*, Huệ Khải soạn, tiện dùng cho đạo sự phổ tế, vì chủ yếu căn cứ theo bộ *Thánh Truyền Trung Hưng*. In 2.000 bản.

* *THÁNH THI TRÍCH LỤC*, Diệu Nguyên soạn theo chủ đề, chú thích từ ngữ, tiện dùng khi viết bài thuyết giáo. In 2.000 bản.

* *ĐẠO UYỂN HẠ 2019*, Huệ Khải chủ biên. In 2.000 bản.

Rất mong quý đạo hữu ân nhân tiếp tục công quả, trợ duyên để chương trình hoằng pháp được bền bỉ trong năm 2019.

► Công quả ấn tống, xin quý đạo hữu ân nhân chuyển vào tài khoản sau đây:

Chủ tài khoản: Ông Lê Anh Dũng.

Số tài khoản: 65243979.

Tại: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB),

chi nhánh Lê Văn Sỹ, quận Tân Bình, TpHCM.

Khi chuyển tiền công quả, xin vui lòng *ghi rõ số điện thoại* của quý đạo hữu ân nhân để Ban Ấn Tống tiện liên lạc.

► **Các địa chỉ liên lạc để thỉnh kinh sách ấn tống (kính biểu):**

Bà Rịa - VT:	TẶNG NHƯ HẪN	☎ 0907663832
Cà Mau:	NGUYỄN HỒNG TỪ PHƯỚC	☎ 0916028939
Đà Nẵng:	Lễ Sanh TRẦN THANH TỪ	☎ 0912949657
	ĐỖ THỊ KẾT	☎ 0985780369
	NGUYỄN THỊ LANG	☎ 0905008999
Lâm Đồng:	NGUYỄN QUANG TÍN	☎ 0976505639
Long An:	PHẠM TRUNG QUỐC	☎ 0913780123
Long Khánh:	NGUYỄN VĂN ĐẠO	☎ 01693113723
Tam Kỳ,	Giáo Hữu THƯỢNG THUẦN THANH	☎ 0905870081
Quảng Nam:	TRẦN THANH TẠO	☎ 0945057595
	CHÂU THỊ KIM Tươi	☎ 0914730595
Tây Nguyên:	NGUYỄN SANH	☎ 0902573623
Tây Ninh:	NGUYỄN VĂN NGHĨA	☎ 0987524949
TpHCM:	MINH QUANG Trần Văn Quang	☎ 0913613653
	LÊ THỊ THANH LOAN	☎ 0938479912
Vĩnh Long:	LÊ THỊ HỮU	☎ 0969263264

► Quý đạo hữu gần xa muốn nhận các kinh sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo xuất bản, được gửi biểu qua bưu điện, xin vui lòng gửi e-mail về: daidaovanuyen@gmail.com

Bài vở cộng tác (*bản điện tử, gõ vi tính*) cũng gửi về địa chỉ trên.

Ban Ấn Tống trân trọng cảm ơn quý đạo hữu.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỂN XUÂN 2019

HUỆ KHẢI *chủ biên*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: LÝ BẮC TOÀN

Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: Diệu Nguyên, Lê Anh Minh

Vẽ bìa & Trình bày: Ngô Bái Thiên

In 2.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 3527-2018/CXBIPH/4-81/HĐ

Số QĐXB của NXB: 1661/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 17-12-2018.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-5460-4

Thư từ, bài viết... xin gửi về: daidaovanuyen@gmail.com
Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com